PHO
THONG
BAN
NGUYET
SAN

NĂM THỨ TÁM
SỐ 1
(LỚP MỚI)
JUILLET
1943

Mỗi tháng 1 số
Mỗi số là một
Chuyên San

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU

Lục Vân Tiên

dẫn giải

— ĐINH-XUÂN-HỘI —



Số này : 1$50

Phổ Thông Chuyên San
TÂN-DÂN XUẤT BẢN PHÁT HÀNH

Phổ Thông Chuyên San

Kể từ 1er Juillet 1943, Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San ra thêm một loại mới, mỗi tháng một tập

Mỗi tập là một chuyên-san về văn-học, sử-học hay triết-học

Mục đích là phổ thông trí thức, gây dựng một kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách của người học thức

---

Số trang mỗi tập không **nhất định**. Giá bán không nhất định. Loại « **chuyên-san văn-học sử-học triết-học** » này in giấy dó-pha, rất bền.

Chương-trình biên-tập

Những chuyên-san phổ-thông văn-học

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình; biên tập tiểu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà, lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tôn Trạng Trình, Lê Quý Đôn, Chiêu Hổ, Lý Văn Phức, Đoàn thị Điểm, Thanh Quan, v.v. và của Tàu như Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Tào Thực, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Xương Lê, Tô Đông Pha, Lương Khải Siêu, Hồ Thích v.v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phổ-thông sử học

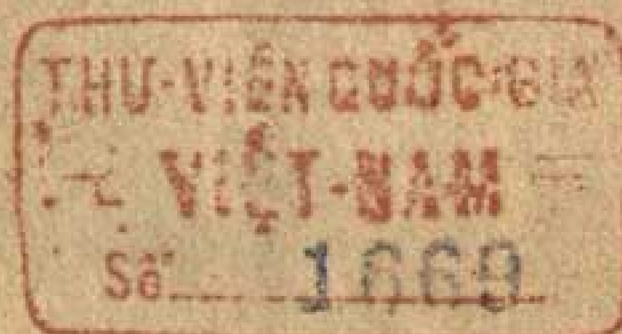
Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như : Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quí kỷ sử, Cố Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê Ngọc Phổ, Trịnh gia thế phổ, Gia định thông chí, Thoái thực ký văn, Bắc hạnh lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu lục vân vân.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

L U C V Â N T I Ê N

DẪN GIẢI

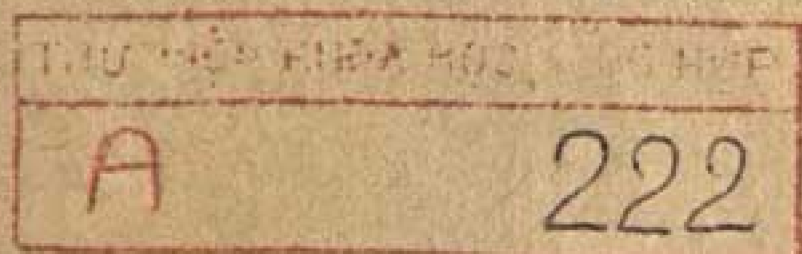
-ĐINH XUÂN HỘI -



PHỔ-THONG CHUYÊN-SAN

TAN-DAN XUẤT-BẢN PHÁT HÀNH

1943



TỰA

Bữa tiệc ở cao lâu ngon thời ngon thật nhưng ngon một cách có ý-vị không gì bằng đồ lạt, của nhà sư; sân chơi ở gác phố vui thời vui thật, nhưng vui một cách có tình tứ, không gì bằng nhà mát của dật-sĩ. Bởi vì đồ lạt có ý-vị thanh-đạm, đồ dễ kiếm mà ăn dễ tiêu, không phải như đồ cao lâu mắt mỏ mà cũng có lúc nặng-nề cho tì-vị; nhà mát có tình tứ an-nhàn, nhà dễ làm mà ở dễ chịu, không phải như sân gác phố hẹp hòi mà cũng có khi rộn-rực cho tinh thần.

Nghề làm văn cũng vậy, cách thưởng văn cũng vậy. Văn hay có nhiều cách, đọc văn cũng phải hiểu nhiều cách; có cách hay, vì lời văn mỹ miều, lại có cách hay vì ý văn não nùng, lại có cách hay vì lẽ văn bình dị thiết thực. Lối mỹ miều, lối não nùng chỉ thích hợp cho các nhà văn chương đại loạt; mà lối bình dị thiết thực lại là thích hợp cho hết các hạng người,

bởi vì lối văn kể sau này, thời đọc đã dễ hiểu mà khi làm lại dễ bắt chước vậy.

Trong rừng quốc văn ta có nhiều quyển rất giá trị, phần nhiều là văn vần. Song có ba quyển có giá trị nhất, có ảnh hưởng to tát cho quốc văn tương lai, là truyện Kiều của cụ Nguyễn-du, khúc Cung-oán của cụ Ôn-như và truyện Lục-vân-Tiên của cụ Nguyễn-đình-Chiểu. Nay xét văn của ba quyển ấy, thời mỗi quyển hay về mỗi cách: truyện Kiều thời hay về lời văn mỹ miều, khúc Cung-oán thời hay về ý văn não nùng còn truyện Lục-vân-Tiên thời hay về lẽ văn bình dị thiết thực.

Người ta đã biết hưởng văn thời ai cũng đều khen truyện Kiều và khúc Cung-oán là hay mà hoặc cũng có kẻ phàn nàn rằng: văn Cung-oán khó hiểu và văn truyện Kiều cũng khó bắt chước, thế thời bá nhân bá tánh cũng khó vừa lòng, ăn tiệc biết ngon mà còn chê đồ khó tiêu, xem cảnh biết vui mà còn e nỗi khó chịu vậy. Nói đến văn Lục-vân-Tiên. mỹ-miều vẫn không được như truyện Kiều, não nùng vẫn không được như Cung-oán, mà về lối bình dị thiết thực lại có một phần đặc tính hơn hai quyển kia. Chẳng những như thế mà thôi đâu. Văn Lục-vân-Tiên lại là một quyển tiểu thuyết tả đủ hạng người ở trong xã hội và dạy hết các đường luân lý trên

đời, thiệt là một cái nhà mát có đủ cảnh và một thứ đồ ăn có món vậy. Nên trong quốc văn ta cũng có một đôi quyền văn như quyền Quan-âm thị Kính, lối văn giản dị vẫn không khác gì quyền Lục-vân-Tiên, mà so về cách đủ lối đủ điều thời còn sút quyền Lục-vân-Tiên nhiều vậy. Nay thử trích các đoạn văn đọc xem !

Văn tả cảnh thời :

Trông chừng mấy dặm quan sơn,
Gió tây rày đã đưa xuân sang hè.
Buồn xem dặm liễu đường hòe,
Tin ong ngơ ngần tiếng ve vang rầy.
Buồn xem nước nọ non này,
Nước xao sóng dỡn, non vầy đá cao.
Trải qua mới mặt biết nào,
Trên ngành chim nói dưới ao cá cười.
Trải qua đôi khóm cảnh người,
Cảnh xanh như vẽ người tươi như dồi.

Tả cảnh như thế, thiết thực lại có gì bằng !

Văn tả tình thời :

Thương vì người đứng anh-tài,
Nghề văn nghiệp võ nào ai sánh cùng.
Thương vì đèn sách có công,
Bốn phương chưa được tang bồng một câu.
Thương vì hai tám tuổi đầu.
Người đời như bóng phù-du lỡ-làng.
Thương vì chưa được hiển-vang

Nước trôi hoa giạt, sớm tàn công-danh,
Thương vì đôi lứa chưa thành,
Vò hương bát nước ai dành ngày sau.
Năm canh tầm-tã hạt châu,
Đoái nhìn bức tượng ruột đau như dồi.

Tả tình như thế, giản-dị lại có gì bằng!
Tả các hạng người thời nói về ông quán:

Quán rằng. « Nghiêu Thuấn thuở xưa,
« Khó ngăn Sào-Phủ khôn ngừa Hứa-Do.
Di Tề chẳng tính giúp Chu,
« Một mình một núi ai hầu chi ai.
« Ông Y Ông Phó ôm tài,
« Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.
« Thái-công xưa một cần câu,
« Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi.
Nghiêm-lăng đã mấy đua bơi,
Áo lơi một tấm cho trời bóng dâu.
Trần-đoàn đã mấy lo âu,
Gió trăng một gối công hầu chiêm bao.
Người nay có khác xưa nào,
Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn.

Nói về ông chài:

Lão nhờ bọt nước cũng hơn,
Những câu danh lợi chẳng sờn lòng đây.
Tiêu dài quyền ngắn vui vầy,
Đêm kia hứng gió tối này chơi trăng.
Ngày ngày thong thả làm ăn (ăng),
Khi thời chài lái, khi giăng câu dầm.

Nghêu ngao nay bến mai đầm,
Một bầu trời đất vui thầm ai hay.
Kinh luân đã sẵn trong tay,
Ngửa nghiêng trong nước vui say trong trời.
Thuyền lan một chiếc ở đời,
Tắm mưa chải gió giữa vời Hàn-giang.

Nói về ông Tiều :

Tiều rằng : Ta vốn chẳng dùng,
Một mình ngao-ngán non tùng hôm mai.
Tấm lòng chẳng muốn của ai,
Lộc cây gánh vác hai vai nặng nề.
Bạn bè cùng với lộc mê,
Sớm đi vượn rước, tối về thỏ đưa.
Mặc dầu bữa đói bữa no,
Ai ngăn đòi nợ, ai ngừa bắt sưu,
Trong mình lánh việc công hầu.
Sớm mai non lịch mặc dầu vui say,

Quán như thế, Ngư như thế, Tiều lại như thế thật là an thường thủ phận vui cái thú thiên nhiên của trời.

Nói về thầy thuốc :

Ngang rằng lục bộ đầu tan, (tang),
« Bộ quan bên tả mạch ngang phù-hồng.
« Cứ trong sách trước mà thông,
« Mệnh môn tướng hỏa đã xông lên đầu.
« Tam tiêu tích nhiệt đã lâu.
« Muốn cho giáng hỏa phải đầu tư-âm.
« Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm,
« Ra vào cho hội nhiệt tâm mới bình.

« Ngoài thời cho điểm vạn·linh,
« Trong thời cho uống hoàn tình mới xong.
« Khá trao hai lạng bạc ròng,
« Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.

Nói về thầy bói :

Bói rằng « Đinh mão năm nay,
« Hèn chi giáp-tý ngày rày chẳng an(ang).
« Mệnh Kim lại gặp cung Càn (càng),
« Tuổi này là tuổi giàu sang trên đời.
« Có đâu buôn bán xa xôi,
« Sao ngươi khéo kiếm những lời trêu ta ?»
« Cầm tiền gieo xuống xem qua,
« Một giao, hai sách mà ba hào trùng.
« Trang thành ra quẻ lục-xung,
« Thấy hào phụ-mẫu khắc cùng tử-tôn.
« Hóa ra làm quẻ du-hồn,
« Lại thêm thế động khắc dồn tới quan (quang)
« Cứ trong quẻ ấy mà bàn (bàng).
« Tuổi này mới chịu mẫu tang ở mình.
« Xui nên mang bệnh thình-lình,
« Vì chưng ma quỉ lộ trình rất thiêng.
« Muốn cho bệnh ấy đặng yên (iêng).
« Phải tìm thầy pháp chữa chuyên cho rày.

Nói về thầy cúng :

Pháp rằng : « Cốc cốc hô liến,
Mời ông Bàn-cổ tọa-tiền chứng-minh.
« Mời ông Đại-thánh tề-thiên. (thiêng).
« Cùng bà Võ-hậu đều liền tới đây,
« Mời ông Nguyên-soái chinh-tây,

« Cùng bà Xiếu-mẫu sum vầy một khi.
« Mời ông phật tổ Đà-di,
« Cùng bà Cố-hỷ đều vi hai phòng.
« Mời bà Công-chúa ngũ-long,
« Bình-nam Ngũ-hổ hội đồng yên dinh.
« Lại mời thiên tướng thiên binh,
« Mời vì Tam-phủ Động-đình Xích-lân.
« Mời đà khắp hết quỉ thần,
« Đem nhau xuống chốn hạ-trần đi chơi.
« Cho ngươi ba đạo bùa trời,
« Uống vào mạnh khỏe như lời chẳng sai».

Thuốc như thế, bói như thế, cúng lại thế khéo là bày việc kiếm ăn, nghĩ cuộc đời đảo-điên mà ngán.

Kể tội gian nịnh của Thái-sư thời :

Hay là Đổng-trác mưu sâu,
Nuôi thằng Lã-bố phòng âu Hán quyền.
Hay là Nguyên-tái mưu riêng,
Nuôi thằng Thôi-ngạn mong chuyên nhà Đường.
Hay là Yên-thạch thói gian,
Nuôi thằng Tần-biện phòng toan Tống triều.

Kể lời dâm tà của Bùi-Kiệm thời :

Hồ-dương xưa mới hóa chồng,
Hơi còn nhan sắc Tống-công cũng vừa,
Hạ-kỳ kết rủ thuở xưa,
Sớm đưa Doãn-phủ, tối ngừa Trần-quân.
Hán xưa Lã-hậu đương xuân,
Sánh cùng Cao-tổ mấy lần Tự-ky.

Đường xưa Võ-hậu còn ghi,
Xương-tôn khi trẻ Tái-ty lúc già.

Tả gian nịnh thời thật là gian nịnh, tả đứa dâm tà thời thật là dâm tà, điền-tích tuy có hơi khó khăn, mà lời văn đọc qua thời dễ hiểu.

— Lấy tấm lòng thương ghét mà phán việc xưa nay thời :

Ghét đời Kiệt Trụ đa dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm xảy hang.
Ghét đời U Lệ đa-đoan, (đoang).
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Loạn thần đã tiếm, phương dân nhọc nhằn.
Ghét đời Thúc-quí phân băng,
Sớm đầu tối đánh lằng quằng rối dân.
Thương là thương đức thánh nhân,
Khi về nước Lỗ điều trần đạo vương.
Thương thầy Nhan-tử dở giang,
Ba mươi hai tuổi tiếc đường công danh.
Thương ông Gia-cát tài lành,
Gặp khi Hán-mạt đã đành phôi-pha.
Thương thầy Đổng-tử cao xa,
Chí thời có chí ngôi mà không ngôi.
Thương người Nguyên-lượng ngùi ngùi,
Đã hay giúp nước lại lui về cày.
Thương ông Hàn-tử chẳng may,
Tối dâng tờ biểu sớm đày đi xa.

Thương thày Liêm lạc đã ra,
Vừa trời rối loạn về nhà dạy dân.

Kẻ hữu tài mà thất thời phải vê, thiệt là đáng thương, kẻ bất-nhân mà đắc thời làm càn, thiệt là đáng ghét. Thương ghét mà chỉ theo lẽ phải, không có lòng riêng, mới là công-luận muôn đời, đủ làm gương cho hậu-tiến.

Lối văn như thế kể không hay hết, đọc không hay cùng; nay chỉ tóm lại một câu:

Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết-hạnh là câu trau mình.

Truyện này từ gót chí đầu, thiệt là một truyện luân-lý.

— Lúc Vân-tiên tạ thày đi thi thời :

Than rằng: Thiên các nhất phương,
Thày vương đoạn thảm, tớ vương đoạn sầu:
Quản bao mình trẻ dãi dầu,
Mang đai Tử-lộ quẩy bầu Nhan-yên.

Trò ở với thày như thế thiệt là có nghĩa.

— Lúc Vân-tiên gặp tang trở về thời :

Tầm quan mà lại gặp tang,
Ngẩn ngơ người ở lỡ-làng người đi.
Một mình trời đất nài chi,
Sao dời vật đổi còn gì mà mong.

Con ở với mẹ như thế, lại là chí tình.

— Còn lúc Nguyệt-nga thờ tượng Vân-tiên thời :

Trăm năm cho trọn chữ tòng,
Sống sao thác vậy một chồng mà thôi.

Đến lúc Vân-tiên lại gặp Nguyệt-nga thời :

Mấy lời thệ-hải minh sơn,
Mang ơn trước phải tạ ơn cho rồi.

Vợ chồng ở với nhau như thế, cũng là hiếm có.

Dầu lúc Nguyệt-nga phải cống Hồ mà ra đi :

Mà lúc nhảy xuống sông thời :

Một vì ngay chúa hai vì thảo cha.
Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng.

— Và lúc ở nhà Bùi-kiệm trốn đi thời :

Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.

Một người con gái như thế, thiệt là trung hiếu và trinh-chính đủ điều.

— Còn đến tình Tử-trực ở với bạn thời:

Vợ Tiên là Trực chị dâu,
Chị dâu em bạn có đâu lỗi nghì.

— Tình Tiểu-đồng ở với thày thời :

Tưởng tình sư đệ quá ưa,
Cũng vì họ Trịnh thuở xưa mưu thầm.

Tình bầu bạn, tình thày tớ ăn ở như thế, lại là một gương luân-lý to-tát cho xã-hội.

Văn Lục-vân-Tiên là một thể văn đại-gia mà không phải một lối văn tiểu-xảo ; nên đọc truyện Lục-vân-Tiên thời phải

nguyên-thủy yếu chung mới được, còn tầm chương trích-cú thời không xong. Nay đã nói đến văn thời cũng phải nói đến lịch-sử tác-giả là thế nào, mới biết cái mối cảm tình của tác-giả để soạn thành văn ấy.

Tác-giả là ai? Là cụ Nguyễn-đình-Chiểu Cụ người ở Nam-kỳ tục gọi là cụ Đồ-chiểu sanh lối năm 1825 tại Sài-gòn, cha mẹ cụ gốc người Thừa thiên, có di-trú tại Huế. Cụ thuở bé học hành tại Huế; năm 1843, cụ thi đậu tú-tài tại Sài-gòn.

Mà hỡi ôi! ba năm sau phải đau mà chịu mù hai mắt. Bọn học sanh tỉnh Biên-hòa tới xin cụ lập trường dạy học, cụ liền lập trường tại Bình-vi. Ôi mắt đã tối rồi mà thân còn có ích cho xã-hội! Lúc nhàn lại bảo người nhà đem truyện Tây-minh mà đọc, cụ nghe mà thấy trong ấy có nhiều tình-cảnh như cái tình cảnh của cụ đã gặp được. Mới sinh cái thương tâm vô-hạn và soạn ra bộ Lục-vân-Tiên.

Trong khoảng mấy năm 1845-1870, gặp lúc binh qua, cụ cũng có cần vương khỉ nghĩa. Nhưng lúc cụ đã biết thời thế khó khăn, cụ mới an lòng về tại Ba-tri hạt Bến tre mà ở ẩn; lập trường giảng sách, học trò cụ càng ngày càng đông. Tiếc thay một người kiêm cả đức cả tài, mà hai mắt đã

mù rồi hai tai cũng lần lần thành ra điếc! Tin thảm ấy đồn ra cho nhà nước hay đặng, mới tính giúp cho cụ một số tiền để thưởng công một nhà thi-sĩ như cụ, đặng an lúc tuổi già. Nhưng cụ từ chối không lãnh mà trả lời rằng: Rất cảm tình nước chiếu cố, xin ở an với học trò và cũng có dư chút đỉnh để điều đình ngày tháng thôi. Đến đấy mới biết cái phẩm người của cụ, thật như lời cụ nói về ông Ngư, ông Tiều và ông Quán trong truyện Lục-vân-Tiên.

Lối năm 1885, cụ đã yếu quá, cụ chẳng còn ham muốn gì nữa, đến quyển Lục-vân-Tiên, cụ cũng khôug ngó tới nữa!

Mục đích cụ làm truyện Lục-vân-Tiên là để dạy người nhà và học trò của cụ, chớ chẳng phải chú ý luyện-tập văn-chương để làm nền quốc văn cho ta. Dầu vậy mặc lòng, câu văn luân-lý của cụ cứ truyền bá lần lần, chẳng những người trong nước ham coi, mà người ngoại quốc cũng muốn hiểu.

Người Pháp sang ta mà biết thưởng văn ta có hai người là ông Abel des Michels và Eugène Bajot đều lấy truyện Lục-vân-Tiên mà dịch ra chữ Pháp, trước quyền sách lại có một đoạn lý-dịch của cụ Nguyễn-đình-Chiểu. Quí hóa thay cụ Nguyễn-đình-Chiểu! vẻ vang thay truyện Lục-vân-Tiên! Người

nước Pháp mà hãy còn ưng! Nghĩ nực cười thay cho bạn thiếu-niên, lấy làm thương làm dề!

May thay gần đây sách quốc văn ngày một in thêm! Truyện Lục-vân-Tiên đã có hai bản chữ nôm của nhà Liễu-văn-Tường và nhà Tụ-văn-Tường xuất bản, lại có nhiều bản quốc ngữ của nhà Long-quang, nhà Kim-khuê và nhà Mạc-đình-Tư ấn hành. Nhưng theo thiển-kiến của tôi thời truyện này là truyện của người đường trong, tiếng nói theo thổ-âm và lối văn lại theo cổ cách; hai bản chữ quốc ngữ lại theo thời văn mà thay đổi quá nhiều, đối với phương diện bảo tồn quốc-túy và phương-diện chấn-hưng quốc-văn, hai phái đều còn khuyết-điểm.

Nay tôi dung hòa cả hai phái để làm sách dẫn-giải của truyện Lục-vân-Tiên: Đoạn trên thời chép câu nguyên văn theo các bản chữ nôm, đoạn dưới thời phụ câu thời-văn theo các bản quốc-ngữ, lại những tiếng trong Nam ngoài Bắc nói có khác nhau như ăng là ăn, ang là an, v. v. cũng phụ chú vào luôn thể. Còn những điển-tích dùng trong truyện này hoặc bằng quốc âm hoặc bằng Hán-tự thời đều tìm kiếm mà chú thích cho được rõ ràng.

Mong rằng các nhà xem văn, để lòng tra xét mà tán trợ thêm cho, thời may cho hậu vận quốc-văn ta nhiều lắm.

Hỏi những cậu học sinh cao đẳng tiểu-học! hãy đem văn truyện Lục-vân-Tiên nước Ta mà so sánh cùng văn tiểu thuyết các nước, xem cái văn này có giá trị cùng không?

Viết tại Huế mùa xuân năm

Bảo-đại thứ 5

ĐINH XUÂN-HỘI

LỤC-VÂN-TIÊN TRUYỆN DẪN-GIẢI

I

1. Trước đèn xem truyện Tây-minh, (1)
Gẫm cười hai chữ nhân-tình éo le. (2)
3. Ai ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ dăn việc trước, dành lè thân sau. (3)
5. Trai thời trung hiếu làm đầu, (4)
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.. (5)

Đoạn I (Câu 1-6)

Nhân khi thanh thả, xem truyện Tây-minh, nhân-tình éo-le, nghĩ mà ngán nỗi! Sinh ở đời người nào cũng vậy, phải nên rán điều dữ mà làm điều lành; làm trai giữ chữ hiếu-trung, làm gái chăm bề tiết hạnh, nếu có biết tu-nhân tích-đức, thời trời xanh nào có phụ ai.

(1) Tây-minh là tên một truyện tiểu-thuyết Tàu.

(2) Nhân-tình là tình người đời. Éo-le là độc hiểm.

(3) Răn việc dữ mà tính điều lành.

(4) Trung là ngay với vua. Hiếu là thảo với cha mẹ.

(5) Tiết hạnh là nết ở trinh tiết cùng chồng. Trau mình bởi chữ tu-nhân, là nói sửa sang nết ở trong mình.

II

7. Có người ở quận Đông-thành, (1)
Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền. (2)
9. Đặt tên là Lục-vân-Tiên,
Tuổi vừa đôi tám, nghề chuyên học hành. (3)
11. Theo thầy nấu sử xôi kinh, (4)
Tháng ngày bao quản công trình lao đao. (5)
13. Văn đà khởi-phượng đằng-dao, (6)
Võ thêm tam lược, lục thao ai bì. (7)

Đoạn II (Câu 7-14)

Ngày xưa bên Tàu, ở qnận Đông-thành, tỉnh Yên-huy, có người nhân đức, sinh được con hiền, đặt tên là Vân-Tiên, nối dòng họ Lục. Vân-Tiên đến mười sáu tuổi, chuyên việc học hành. nghề văn hay, mà nghề võ cũng giỏi.

(1) Đông-thành là tên một quận đặt ra từ đời Tần, tức là phần đất huyện Ninh-viễn tỉnh Yên-huy Tàu bây giờ.

(2) Tu-nhân tích-đức là do giữ lòng lành, đạo phải để dành cho con cháu.

(3) Hai tám là mười sáu.

(4) Sử là bản sách chép chính sự các đời vua. Kinh là bản sách chép đạo-lý các thánh hiền. Nấu và xôi là học cho thuộc chín.

(5) Công-trình lao-đao là công phu khó nhọc.

(6) Khởi-phượng đằng-dao lấy chữ trong bài văn ông Vương-bột, khen văn chương của Mạnh-học-Sĩ có tài hoa, như lông chim phượng nổi lên nhiều vẻ và bóng con dao chiếu lên rạng ngời.

(7) Tam lược là tên một bản sách ba quyển, nó về ba chước (thượng, trung và hạ) cầm quân đánh giặc. tương truyền là của ông Hoàng-thạch cho ông Trương-lương. Lục-thao là tôn một bản sách sáu quyển, nói về sáu cách ra trận : văn-thao, vũ-thao, long-thao, bảo-thao và khuyển-thao.

III

15. Xảy nghe mở hội khoa thi,
Vân-Tiên vào tạ Tôn-sư ra về : (1)
17. « Bấy lâu cửa thánh dựa kề ; (2)

« Đã tươi khí-tượng, lại xuê tinh-thần. (3)
19. « Nay đã gặp hội phong-vân, (4)
« Người người ai cũng lập thân buổi này.
21. « Chí lăm bẻn nhạn bên mây, (5)
« Danh tôi đã rạng, tiếng thầy đồn xa.
23. « Làm trai trong cõi người ta,
« Trước lo báo bổ, sau là hiển-vinh. »
(vang) (6)
25. Tôn-sư khi ấy luận bàn ; (bàng)
Gẫm trong số-hệ khoa-tràng còn xa. (7)
27. « Mấy lời chẳng dám nói ra,
« Xui thầy thương tớ, xót xa trong lòng.
29. « Sau dầu tỏ nỗi đục trong, (8)
« Phải cho một phép để hòng độ thân. (9)
31. « Rày con xuống chốn phong trần, (10)
« Thầy cho ba đạo bùa thần đem theo.
33. » Chẳng may mà gặp lúc nghèo,
« Xuống sông cũng vững, lên đèo cũng an. »
(ang)

Đoạn III (Câu 15-34)

Vừa năm nhà nước mở khoa thi, Vân-Tiên vào trình thầy học để xin về đi thi, trước lo báo bổ công ơn, sau được hiển-vinh thân-thế. Khi ấy ông thầy tính xem vận-hạn, mới biết Vân-Tiên còn đương gặp lúc truân chiên, khoa bảng bởi còn chậm đậu ; nhưng vì cơ trời không dám lộ, nên

chỉ nói qua cho biết mà thôi, và đưa cho ba đạo bùa thần, để hộ thân những khi khốn-đốn.

(1) Tôn-sư là ông thầy mà các học trò tôn suy lên để học theo.

(2) Cửa thánh bởi chữ thánh-môn trong sách Mạnh-tử, là nói chơi cửa ông thánh thời biết đạo-đức là rộng.

(3) Xuê là giòn đẹp.

(4) Phong-vân là gió mây, thường dùng để ví người ta gặp vận hiển đạt như cọp gặp được gió mà rồng gặp được mây.

(5) Bẳn nhạn bên mây lấy tích đời Đàng, nhà sư Huỳnh-trang ở chùa Từ-ân dựng một cái tháp rất cao, có con chim nhạn bay qua chạm lấy đỉnh tháp mà rơi xuống, mới đặt tên cái tháp ấy là Nhạn-tháp. Dưới tháp có bia, tên các Tiến-sĩ đời ấy đều đề vào đó. Câu này ý nói mong thi cho đậu.

(6) Báo-bổ là trả nghĩa đền ơn. Hiển-vinh và vẻ vang sung-sướng.

(7) Số-hệ là vận mệnh suốt đời người ta tốt hay là xấu.

(8) Đục trong ở đây cũng như nói xấu tốt, phải trái.

(9) Hộ-thân là giữ-gìn thân-thể.

(10) Phong-trần là gió bụi, tả cảnh lao-đao cực-khổ.

IV

35. Tôn-sư vào chốn hậu-đường, (1)
Vân-Tiên ngơ-ngẩn lòng càng sinh nghi :
37. « Chẳng hay mình mắc việc chi ?
« Tôn-sư người dạy khoa-kỳ còn xa.
39. « Một là bối-rối việc nhà,
« Hai là đức-bạc ba là tài-sơ. (2)
41. « Bấy lâu ra sức thi thư, (3)
« Hội này chẳng gặp, còn chờ hội nao ?
43. « Thịnh suy chẳng biết làm sao ? (4)
« Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho minh.
45. « Vào chơi cho tỏ sự-tình,
« Vậy sao nghìn dặm đăng-trình mới an. (5)
47. Tôn-sư ngồi hãi thở than, (thang)
Trông ra trước án thấy chàng trở vô.
49. Hỏi rằng : « Vạn-lý trình-đồ, (6)
« Con chưa cất gánh, còn vô việc gì ?
51 « Hay là con hãi hồ-nghi, (7)
« Thầy bàn một việc khoa-kỳ còn xa ! »
53. Vân-Tiên nghe nói liền thưa :
« Tiểu sinh chẳng biết nắng mưa lúc nào ? (8)
55. « Xuân huyên tuổi hạc đã cao. (9)
« Xin thầy bảy tỏ âm hao cho tường ! (10)
57. « Tôn-sư nghe nói thêm thương,
Dắt tay ra chốn tiền-đường xem trăng. (11)
59. Nhân cơ mưu sự dặn rằng : (12)
« Việc người chẳng khác mặt trăng trên trời
61. « Tuy rằng soi khắp nơi nơi,
« Khi mờ, khi tỏ, khi vơi, khi đầy.

63. « Sau con cũng sáng việc đời,
« Lựa là thầy phải cạn lời làm chi.
65. « Sau con hai chữ khoa-kỳ,
« Đẩu-tinh đã rạng, tử-vi thêm hòa; (13)
67. Hiềm vì ngựa hãy còn xa, (14)
« Thỏ đà lộ bóng, gà đà gáy tan. (lang (15)
69. « Bao giờ cho tới bắc-phương, (16)
« Bao giờ gặp chuột ra đường nên danh (17)
71. « Sau dầu đặng chữ hiển-vinh,
« Mấy lời thầy nói tiền-trình chẳng sai. (18)
73. « Nhớ câu bĩ-cực thái-lai, (19)
« Giữ mình cho vẹn việc ai chẳng sờn. » (20)
75. Vân-Tiên vội-vã tạ ơn.
Trăm năm xin gắn keo sơn một lời (21)

Đoạn IV (Câu 35-76)

Nói rồi thầy trở vào nhà sau, Vân-Tiên nghe mà ngao ngán ; nghĩ thầy dạy thế, chẳng hay mình mắc việc chi : Hoặc là việc nhà, hoặc là đức tài không có. Công bấy lâu luyện tập, chẳng năm nay thời năm nào. Nên chàng mới trở vào để hỏi lại. Lúc ấy ông thầy đương ngồi nghĩ ngợi, bỗng chốc chàng trở vô, mới hỏi sao chưa đi mà còn vào làm gì nữa ; Vân-Tiên mới nói : cha mẹ đã già ; nếu khoa này chưa đậu, thời sợ không được

trông thấy, xin thầy nói rõ cho hay. Thầy nghe trò nói rất thương, mới đem ra giữa sân mà thí-dụ, nói người ta có lúc may lúc rủi, cũng ví như mặt trăng có khi khuyết khi tròn, là lẽ tự-nhiên, thời ai cũng biết. Xem số Vân-Tiên thời vẫn có số đậu cao, chỉ vì khoa ấy chưa được hanh-thông bao giờ đến khoa tý mới đậu. Chàng nghe thầy nói, mới tạ ơn thầy mà lui ra.

(1) Hậu-đàng là nhà sau.

(2) Đức bạc là đức mỏng, Tài sơ là tài ít.

(3) Thi-thư là sách vở.

(4) Thịnh-suy là nói vận-hội may hoặc rủi.

(5) Đăng-trình là lên đường.

(6) Vạn lý trình đồ là muôn dặm đường sá.

(7) Hồ-nghi là có tính nghi ngờ như tính con cáo.

(8) Tiểu-sinh là trò nhỏ. Nắng mưa chỉ việc thay đổi không thường.

(9) Xuân là cây xuân, thứ cây rất sống lâu, thường dùng để nói ví cha Huyên là cỏ huyên, thứ cỏ có thể giải buồn, thường dùng để nói ví mẹ. Tuổi hạc bởi chữ hạc oán, lấy tích con hạc sống lâu đến nghìn năm.

(10) Âm-hao là tiếng tăm tin tức.

(11) Tiền-đường là nhà trước.

(12) Mưu-sự là lo việc.. Đây nói nhân cơ hội ấy mà dặn dò đến việc ở đời.

(13) Đẩu-tinh là sao đẩu; chủ về văn chương. Tử-vi là tòa sao, có mười lăm ngôi. Theo lời thuật-số, mệnh cung của người nào có các sao ấy chiếu, là người có số học giỏi và thi đậu.

(14) Ngựa là chỉ năm ngọ. Đây nói khoa ngọ hãy còn xa.

(15) Thỏ là chỉ năm mão. Gà là chỉ năm dậu. Đây nói năm mão thời đã qua rồi, mà năm dậu thời còn mắc nhiều tai nạn.

(16) Bắc-phương là nói kinh-đô ở về phương-bắc.

(17) Chuột là năm tý, nói Vân-Tiên đến khoa tý mới thi đậu.

(18) Tiền-trình là đằng trước, nói công việc sẽ thấy trước mắt.

(19) Bị-cực thái-lai là nói đen hết đỏ tới.

(20) Chẳng sờn là giữ gìn cho được bền vững, nói dần ai làm gì cũng phải kiên nhẫn mà chịu lấy, để giữ gìn trọn vẹn.

(21) Keo-sơn bởi chữ dao-tất, nói ví cái gì giữ lấy mãi mà không rời như gắn keo gắn sơn.

V

77. Ra đi vừa tận chân trời, (1)
Ngùi ngùi lại ngó vào nơi học đường. (2)

79. Than rằng : « Thiên các nhất phương, » (3)
Thầy vương đoạn thảm, tớ vương đoạn sầu. (4)
81. Quản bao mình-mẩy dãi-dầu, (5)
Mang đai Tử-lộ, quẩy bầu Nhan-uyên. (6)
83. Ngày nào cá nước gặp duyên ; (7)
Rạng danh con thảo, phỉ nguyền tôi ngay. (8)
85. Kể từ tếch dặm tới nay, (9)
Mỏi-mê tính đã bấy-chầy xông sương. (10)
87. Đoái trông phong cảnh thêm thương.
Vơi vơi dặm cũ nẻo đường còn xa. (11)
89. Phút đâu đã tới lân-gia, (12)
Trước là thăm bạn, sau là nghỉ chân.

Đoạn V (Câu 77-90)

Vân-Tiên ra đi, đường trường một bước một xa, quảy níp mang bầu, chân bước đi mà mắt còn trông lại. Thầy trò cùng nhau cách mặt, thương nhớ biết bao ! Những trông cho cá nước gặp duyên, cho rạng danh và phỉ chí, đường xa dặm cũ, đi đã lâu ngày, phút đã tới nhà bạn quen, mới tìm vào hỏi thăm để nghỉ chân ít bữa.

(1) Chân trời bởi chữ thiên-biên, nói chỗ xa xôi.

(2) Học-đường là nhà học.

(3) Thiên các nhất phương là mỗi người ở một phương trời.

(4) Thầy chỉ thầy học, tớ chỉ Vân-tiên.

(5) Mình mẩy là thân người.

(6) Thầy Tử-lộ mang một đai gạo đi nghìn dặm. Thầy Nhan-uyên nhà nghèo đồ uống chỉ một bầu nước mà cũng lấy làm vui. Đây nói Vân-Tiên đi đường có mang theo những đồ ăn uống.

(7) Cá nước bởi chữ ngư-thủy, nói tôi gặp được vua ví như cá gặp được nước.

(8) Con thảo dịch chữ hiếu tử. Tôi ngay dịch chữ trung-thần.

(9) Tếch là đi luôn một mạch mà không nghỉ chân.

(10) Bấy chầy là đã lâu.

(11) Vơi-vơi là tả cảnh xa xôi.

(12) Lân-gia là một nhà nào ở xóm kia.

VI

91.. Việc chi la khóc tưng-bừng.
Đều đem nhau chạy vào rừng, lên non.
93. Tiên rằng : « Các chú cõng con,
« Việc chi cấp-tức bôn-chôn chạy hoài ? »(1)
95. Dân rằng : « Tiểu-tử là ai ? (2)
« Hay là một lũ sơn-đài đuổi theo. » (3)
97. Tiên rằng : « Sự có làm sao ?
« Xin dừng chút đã, sẽ trao một lời. »

99. Dân nghe tiếng nói thảnh thơi,
Kêu nhau dừng lại rõ lời phân qua.
101. Thưa rằng : « Có đảng lâu-la, (4)
« Tên là Đỗ-dự, hiệu là Phong-lai.
103. « Nhóm nhau ở chốn sơn đài,
« Người đều sợ nó có tài khôn đương.
105. « Bây giờ đưa xuống bản-hương, (5)
« Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.
107. « Trong làng chẳng dám nói chi,
« Cảm thương hai ả nữ-nhi mắc nàn (nàng) (6)
109. « Con ai vóc ngọc mình vàng, (7)
« Má đào mày liễu dung-nhan lạnh-lùng. (8)
111. « E khi gặp đảng hành-hung, (9)
« Uổng trang thục-nữ sánh cùng thất-phu. (10)
113 « Thôi thôi chớ khá nói lâu,
« Chạy đi cho khỏi liệu âu tới mình. »
115. Vân-Tiên nổi giận lôi-đình, (11)
Hỏi thăm : « Lũ nó còn đình nơi nào ? (12)
117. « Tôi xin ra sức anh-hào,
« Cứu người cho khỏi lao-đao buổi này. »
119. « Dân rằng : « Lũ nó còn đây,
« Qua xem mặt mũi thơ ngây đã đành. (13)
121.« E khi họa hổ bất thành, (14)
« Khi không mình lại chôn mình vào hang. »

Đoạn VI (Câu 91-122)

Vân-Tiên còn đương tìm nhà, bỗng nghe tiếng khóc om sòm và đem nhau

chạy lên miền núi. Vân-Tiên thấy sự lạ vừa muốn hỏi xem, thời dân nghĩ là lũ đuổi theo, cứ chạy một mạch. Chàng bảo đứng đừng lại, nói ra rồi chàng liệu cho. Dân nghe lời nói khoan thai, mới bảo nhau dừng lại mà nói chuyện : « Ở chốn sơn-đài có lũ Lâu-la, hiệu là Phong-lai tên là Đỗ-dự, so bề tài lực thời không ai bằng, nay lũ nó xuống làng chúng tôi, vừa thấy hai người con gái qua đường, thời bắt đem về núi. Chẳng biết con nhà ai mà dáng người thiệt đẹp, những uổng cho người thục-nữ mà mang lấy đẳng thất-phu. Thôi ta hãy chạy đi cho mau, kẻo vạ đến thân mà phàn nàn không kịp. » Vân-Tiên nghe vậy, nổi giận đùng đùng, mới hỏi lũ nó ở đâu, để ra sức anh-hào mà cứu người khổ nạn. Dân nói : « Lũ nó còn đó, nhưng chúng ta xem bộ người đương còn trẻ nhỏ thời sợ khi giết không được lũ nó mà lại làm thiệt hại mình. »

(1) Cấp-túc là chân đi gấp-gáp.

(2) Tiểu-tử là gã nhỏ, chỉ Vân-Tiên. Cũng có bản chép là : Dân rằng : Tráng-sĩ kêu ai ?

(3) Sơn-đài là dinh trại lập ở trong núi.

(4) Lâu-la là một lũ người họp nhau làm việc trộm cướp.

(5) Bản hương là làng này.

(6) Nữ-nhi là con gái.

(7) Vóc ngọc mình vàng là giá người quí hóa và đẹp tốt.

(8) Má đào bởi chữ đào-kiểm, nói má đỏ như hoa đào. Mày liễu bởi chữ liễu-my, nói mày xanh như lá liễu. Dung-nhan lạnh lùng nói dáng mặt buồn bã.

(9) Hành-hung là làm giận dữ.

(10) Thục-nữ là gái lành. Thất-phu là đứa hèn mạt.

(11) Lôi-đình là sấm sét, nói vì cơn giận dữ.

(12) Đình là trú lại.

(13) Qua bởi tiếng Nam-kỳ, cũng như nói ta đây, xem mặt mũi nhà ngươi đương còn thơ dại. Có bản chép là : Xin chàng qua đó một khi mới đành.

(14) Họa hổ bất thành là vẽ cọp chẳng nên, thường dùng nói vì việc gì muốn làm nên mà hóa ra hỏng, như vẽ cọp không giống con cọp mà lại giống con chó.

VII

123. Vân-Tiên đứng lại bên đường,
Bẻ cây làm gậy rẽ ngàn chạy vô.
125. Kêu rằng ; «Hỡi đảng hung-đồ ?(1)

«Chớ quen thói dữ mơ-hồ hại dân».(dâng)(2)
127. Phong-lai mặt đỏ bừng-bừng :
« Thằng nào mà dám lẫy-lừng vào đây ?
129 « Trước gây việc dữ tại mày. »
Truyền quân bốn phía bồ vây bịt bùng. (3)
131. Vân-Tiên tả-đột hữu-xung, (4)
Khác nào Triệu-tử vượt vòng Đương-dương. (5)
133. Lâu-la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo, ra đường chạy ngay,
135. Phong-lai chẳng kịp trở tay.
Bị Tiên gậy xuống, chàng rày mệnh-vong (6)

Đoạn VII (Câu 128-136)

Vân-Tiên, bẻ gậy, chạy vào trong rừng, mắng chửi lũ kia từ rày không được quen thói hành-hung như trước. Phong-lai giận đỏ mặt cũng mắng lại và truyền quân bủa vây. Vân-Tiên xông đánh một hồi, quân giặc chạy hết, Phong-lai bị phải một gậy, ngã xuống mà chết ngay.

(1) Hung-đồ là lũ độc dữ.

(2) Mơ-hồ là không được phân-minh rõ-ràng.

(3) Bịt-bùng là kín đáo.

(4) Tả-đột hữu-xung là xông đánh bên tả bên hữu.

(5) Triệu-tử là ông Triệu-vân. Đương-dương là tên một huyện đời Hán, thuộc về phần đất tỉnh Hồ-bắc nước Tàu bây giờ. Đời Tam-quốc ông Triệu-vân đánh giặc ở Đương-dương, mà vượt vây cứu được A-đẩu.

(6) Mệnh vong là thác mất.

VIII

137. Giết rồi lũ kiến, bầy ong, (1)
Hỏi : « Ai than khóc ở trong xe này » ;
139. Thưa rằng : « Tôi thật người ngay,
« Sa cơ nên mới lâm tay hung-đồ. (2)
141. « Trong xe chật hẹp khó vô,
« Dám xin ai đó cứu cô tôi cùng ! » (3)
143. Vân-Tiên nghe nói động lòng,
Rằng : « Ta nay đã trừ dòng lâu-la.
145. Khoan khoan ngồi đó chớ ra !
« Nàng là phận gái, ta là phận trai.
147. « Tiểu-thư con gái nhà ai ? (4)
« Đi đâu nên nỗi mang tai bất-kỳ ? (5)
149. « Chẳng hay tên họ là chi ?
« Khuê-môn phận gái, việc gì tới đây ? (6)
151. « Trước sau chưa tỏ dạ này ? (7)
Hai nàng ai tớ, ai thầy nói ra ? »
153. Thưa rằng : « tôi Kiều-nguyệt-Nga,
« Này con tỳ-tất tên là Kim-liên. (8)
155. « Quê nhà ở quận Tây-xuyên,
« Cha làm tri-phủ ở miền Hà-khê. (9)
157. « Sai quân đem bức thư về,

« Đón tôi qua đó, định bề nghi-gia. (10)
159. *« Làm con đâu dám cãi cha,*
« Ví dầu nghìn dặm đường xa cũng đành.
161. *« Chẳng hay có sự bất-bình,*
« Biết vầy, thôi có thường-trình làm chi.
163. *« Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,* (11)
« Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. (12)
165. *« Trước xe quân-tử tạm ngồi.* (13)
« Để cho tiện thiếp lạy rồi sẽ phân. (14)
167. *« Hà-khê qua đó cũng gần,*
« Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
169. *« Gặp đây đương lúc giữa đường,*
« Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.
171. *« Nhớ câu báo-đức thù-công,* (15)
« Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người ».
173 *Vân-Tiên nghe nói mỉm cười :*
« Làm ơn há dễ chờ người giả ơn.
175. *« Nay đà tỏ đặng nguồn cơn,* (16)
« Nào ai tính thiệt, suy hơn làm gì.
177 *« Nhớ câu kiến-nghĩa bất-vi,* (17)
« Người đời dường ấy thị-phi anh-hùng. (18)
179. *« Đó đà biết chữ thủy-chung,* (19)
« Lựa là ta phải theo cùng làm chi.

Đoạn VIII (Câu 137-180)

Lũ lâu-la đã trừ rồi, nghe trong xe có tiếng người than khóc ; Vân-Tiên mới hỏi, xem thử là ai thời nghe trong xe đáp rằng: Chúng tôi vẫn người

ngay, bởi sa-cơ nên mắc nạn, xin ai đó cứu cho chúng tôi. Vân-Tiên mới lấy sự trừ được lâu-la mà đáp lại, và bảo ngồi đó chớ ra, cứ kể thực quê quán họ tên cho chàng biết. Nàng kia mới thưa : Tên tôi là Nguyệt-Nga họ Kiều, con hầu kia tên là Kim-Liên, quê chúng tôi ở quận Tây-xuyên, cha tôi hiện ở Hà-khê làm chức tri-phủ ; nay sai lính đem thư bảo tôi qua đó, tôi bất đắc dĩ mà phải đi; nếu biết nông nỗng thế này thời không đi cũng được. May sao gặp chàng cứu nạn, không thời tôi phải chịu ô-danh. Giữa đường không có bạc tiền, biết lấy gì mà đền ơn trả nghĩa; đây qua Hà-khê cũng gần, xin mời chàng qua đó để thiếp liệu cách trả ơn. Vân-Tiên cười mà nói rằng: Kiến nghĩa bất vi là vô dũng, mà thi ân nào ai có vọng báo bao giờ. Thôi đã biết rõ nguồn cơn, một lời cũng đủ biết nhau, lọ là qua đó.

(1) Lũ kiến bầy ong là chỉ lũ giặc, đông-đúc mà hèn mọn.

(2) Sa-cơ là mắc điều rủi.

(3) Cô là tiếng tôn xưng người con gái nhà quan. Đây là lời Kim-liên gọi Nguyệt-Nga.

(4) Tiểu-thư là nàng trẻ tuổi.

(5) Bất-kỳ là chẳng hẹn trước, nói cách thình-lình.

(6) Khuê-môn là cửa buồng, nói chỗ con gái ở.

(7) Câu này có bản chép là : Gặp nhau chớ giấu nhau nay.

(8) Tỳ-tất là đứa tớ gái hầu-hạ dưới gối.

(9) Tây-xuyên là tên quận đặt ra từ đời Đường, nay thuộc về phần đất tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu ; Hà-khê tức là Hà-nguyên, tên một quận đặt ra từ đời Tùy ở phía nam đất Thanh-hải nước Tàu.

(10) Nghi-gia lấy chữ trong bài thơ Đào-yêu ở Kinh-thi : « Chi-tử vu qui, nghi kỳ gia-nhân », nói ả ấy về nhà chồng, người nhà đều ưng thuận.

(11) Câu này nói giả phỏng lâm nguy mà chẳng người giải nguy thì... Có bản chép là : Lâm nguy may gặp giải nguy.

(12) Tiết trăm năm là cái tiết vợ chồng ăn ở cùng nhau trọn đời. Có bản chép là : Nếu chàng không giúp còn gì là tôi.

(13) Quân-tử là chữ tôn xưng những người giỏi, chỉ Vân-Tiên.

(14) Tiện-thiếp là lời tự khiêm nói mình là người hầu hèn mọn

(15) Báo-đức thù-công là trả đức đền công.

(16) Nguồn cơn là cội nguồn cơn cớ.

(17) Kiến nghĩa bất vi lấy chữ trong sách Luận-ngữ : Kiến nghĩa bất vi vô dũng, nói người thấy việc phải mà không làm là không bạo dạn.

(18) Thị-phi là phải chăng, nói khen chê.

(19) Thủy chung là trước sau.

IX

181. Nguyệt-nga biết ý chẳng đi,
Hỏi qua tên họ một khi cho tường.
183. Thưa rằng : « Tiện-thiếp đi đường,
« Chẳng hay quân-tử quê-hương nơi nào ? »
185. Tai nghe tiếng nói thanh-tao, (1)
Vân-Tiên bao nỡ lòng nào phôi-pha : (2)
187. « Đông-thành vốn thật quê nhà,
« Họ là họ Lục, tên là Vân-Tiên. »
189. Nguyệt - Nga vốn đấng thiền-quyên, (3)
Tai nghe lời nói tay liền trao trâm.
191. Thưa rằng : « Nay gặp tri-âm, (4)
« Xin đưa một vật để cầm làm tin. »
193. Vân-Tiên ngửa mặt chẳng nhìn,
Nguyệt-Nga lét thấy càng thìn nết na : (5)
195, « Vật chi một chút gọi là,
« Thiếp thưa chửa dứt, chàng đà làm ngơ.
197. « Của này là của vất vơ,

« Bằng chê cũng phải, mãi ngơ sao đành? »
199. Vân-Tiên khó nỗi làm thinh.
Chữ ân là nghĩa, chữ tình là đây.
201. Than rằng: « Đó khéo trêu đây,
« Ân kia đã mấy, của này trao sang.
203. « Đương khi gặp gỡ giữa đường, (6)
« Một lời xin nhớ nghìn vàng chẳng sai.
205. « Nhớ câu trọng-nghĩa khinh tài, (7)
« Nào ai chịu lấy của ai làm gì..»
207. Thưa rằng: « Tôi phận nữ-nhi,
« Vốn chưa biết ý, có khi mếch lòng (8)
209. « Ai ngờ đấng mặt anh-hùng,
« Thấy trâm mà lại thẹn cùng cái trâm.
211. « Than ôi trâm hỡi là trâm!
« Đã vô duyên bấy, ai cầm mà mơ. (9)
213. « Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
« Thiếp xin làm một bài thơ tạ-từ; »

Đoạn XI (Câu 181-214)

Nguyệt-Nga biết ý Vân-Tiên chẳng đi, mới hỏi thăm họ tên quê quán. Vân-Tiên bất đắc dĩ cũng phải kể tên họ mình cho nàng hay. Nguyệt-Nga mới tay đưa cái trâm xin Vân-Tiên nhận lấy để làm đồ kỷ-niệm. Nhưng Vân-Tiên cũng chẳng chịu nhận, ngửa mặt lên mà chẳng nhìn, dầu Nguyệt-Nga căn-vặn nhiều lời, mà Vân-Tiên

vẫn cũng khăng khăng không chịu. Sau hết Nguyệt-Nga thấy đưa cái trâm không nhận, mới xin dâng cho Vân-Tiên một bài thơ để tạ ơn.

(1) Thanh-tao là thanh-lịch và tao-nhã.

(2) Phôi-pha cũng như nói lạt-lẽo.

(3) Thiền quyên là con gái non nẻo.

(4) Tri-âm là biết tiếng đờn, thường dùng để nói kẻ tài nghề ngang nhau hoặc biết bụng nhau. Từ câu này trở lên (câu 169-192) có bản bớt đi mà chép là :

169. Nói thôi trao chiếc trâm vàng ;
Gọi là chút đỉnh vật thường làm tin.
171. Vân-Tiên ngửa mặt lên nhìn,

. . . .

(5) Thìn lá tính nết nhu-mỳ.

(6) Lời nói quí hơn vàng bạc.

(7) Trọng-nghĩa khinh-tài là trọng điều nghĩa mà khinh tiền của.

(8) Mếch lòng là làm cho không bằng lòng

(9) Mơ làm mong ước.

X

215. Vân-Tiên ngó lại lòng ưa.
« Làm thơ cho kịp, một giờ chớ lâu ! »
217. Nguyệt-Nga ứng tiếng xin hầu,
Xuống tay bèn tả tám câu năm vần.
219. Thơ rồi : « Này thiếp xin dâng,
« Ngửa trông lượng rộng văn-nhân thế nào ? » (2)

221. Vân-Tiên xem thấy khen lao ;
« Ai hay sức gái tài cao bực này !
223. « Đã mau mà lại thêm hay,
« Chẳng phen Tống-ngọc, cũng tày Tây-thi. (3)
225. « Nhớ câu dĩ-xuất dĩ-kỳ, (4)
« Ai hay tài gái kém gì tài trai !
227. « Như vầy ai dễ thua ai ».
Vân-Tiên họa lại một bài trao qua. (5)
229. Xem thơ mới biết gần xa,
Mai hòa vận điểu, điểu hòa vận mai. (6)
231. Nghĩ câu trước-cảnh hưng-hoài, (7)
Đường xa thăm thẳm, dặm dài vơi-vơi.
233 Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau, lời đã cạn lời thì thôi.

Đoạn X (Câu 215-234)

Vân-Tiên nghe nói, cũng bằng lòng để cho Nguyệt-Nga làm thơ xem thử. Nguyệt-Nga vâng lời đề một bài thơ tám câu năm vần, đưa lại cho chàng ; chàng xem thơ nức nở khen thầm, cũng phải theo vần mà họa lại. Làm thơ xong thời, hai người biệt nhau, mỗi người đi một phương.

(1) Bài thơ tám câu năm vần như thế này : Tiền ân tư báo niệm bồi hồi, viên thuật nhất thi vị tặng lai. Tự tự trang tình tâm bút tả, ngôn ngôn hậu ý

cẩm vân khai Kim trâm tuy quí khinh đan giệp, đại nghĩa thâm hoài trọng vạn bôi. Tòng thử nguyện quân tranh giáp đệ, thiếp kham mã thượng cẩm y hồi. Nghĩa là: Lo đền ơn trước dạ bồi hồi, thuật lại thiên thơ kính tặng ngài. Chữ tình dài ngòi bút tả, lời lời ý hậu bức tiên khai. Trâm vàng dẫu quí khinh như lá; nghĩa lớn càng sâu trong mấy mươi Khoa bảng chúc ngài mau cướp giải, đường về ngựa cỡi gấm phô tươi.

(2) Văn-nhân là người văn học.

(3) Tống-ngọc là người nước Sở hay chữ, làm bài phú nói nàng Thần-nữ ở Vu-sơn, mượn lời ngụ ý, ai cũng cho làm hay. Tây-Thi là nàng con gái của ông Tây-dục-Tân, vua nước Việt bắt hiến cho vua nước Ngô. Nhờ có sắc đẹp tài hay mà làm cho vua Ngô say đắm đến nỗi mất nước. Lúc Ngô đã mất, nàng lại trở về nước Việt mà theo ông Phạm-Lãi chơi thuyền ở Ngũ-hồ.

(4) Dũ-xuất dũ-kỳ là càng làm ra lại càng lạ lùng.

(5) Thơ họa của Vân-Tiên như thế này: Bồi-hồi tương biệt chấp li bô; cảm viết tri ân vọng báo tai. Trọng nghĩa sồ ngôn

cao xướng nhập, tự tình nhất bức họa ca lai Truân mông ký xuất tùy hanh đạt, nhật nguyệt tràng lưu dụng khứ hồi. Trân trọng cá trung vô biệt ngữ, thiên tràng địa cửu vĩnh tương hoài. Nghĩa là : Ngừng chén chia tay xần-vần hoài ơn kia đền trả đám trông ai ! Mấy lời trọng nghĩa ngâm ra trước, một bức thâm-tình họa lại chơi, Thời-vận hanh-thông rày đã đến ; tháng ngày đi lại biết bao thôi. Cuộc này chỉ chúc câu trân-trọng, trời đất thương lâu lại nhớ đời.

(6) Mai là cây mơ, điểu là con chim. Trong bức tranh tả cảnh mùa xuân thường vẽ một cành hoa mai có một con chim. Đây nói hai bên xướng họa rất có xuân-tình.

(7) Trước cảnh hưng-hoài là ở cảnh-ngộ nào thời sinh hứng thú ấy. Câu này có bản chép là : Đường xa thăm-thẳm hưng-hoài.

XI

235. Vân-Tiên từ tạ phản-hồi, (1)
Nguyệt-Nga than khóc tình ôi là tình !
237. Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Nỗi ơn chưa trả, nỗi tình lại mang.
239. Nặng tình hai chữ uyên-ương, (2)
Đoạn sầu ai khéo tơ vương vào lòng.
241. Vái cùng Nguyệt-lão-tơ-hồng, (3)
Trăm năm cho trọn chữ tòng mới an. (4)

Hữu tình chi bấy Ngưu-lang ! (5)
Tấm lòng Chức-nữ vì chàng mà nghiêng.
Thôi thôi em hỡi Kim-liên !
Đẩy xe cho chị qua miền Hà-khê !
Trải qua dấu thỏ đường dê, (6)
Chim kêu vượn hót bốn bề nước non.
Vái trời xin đặng vuông tròn,
Trăm năm cho vẹn lòng son cùng chàng. (7)
Phút đâu đã tới phủ-đường, (8)
Kiều-công xem thấy lòng càng sinh-nghi. (9)
Hỏi rằng : « Nào trẻ tùy nhi, (10)
« Cớ sao nên nỗi con đi một mình ? »
Nguyệt-Nga thưa việc tiền-trình,
Kiều-công nghe nói sự tình chẳng vui.
Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi-ngùi,
Nghĩ đòi cơn, lại, rụng rời đòi cơn. (11)
« Lao-đao chút phận chi sờn,
« Ngày nào trả được công ơn cho chàng ? »
Kiều-công nghe nói bàng-hoàng, (12)
Dạy rằng : « Con hãi mình vàng tạm an. (13)
« Lúc nào cha rảnh việc quan,
« Viết thư qua đó mời chàng sang đây.
« Trước sau thế cũng chẳng chầy.
« Cha nguyền chả được nghĩa này thời thôi.
« Hậu-đường con khá tạm lui, (14)
« Làm khuây dạ trẻ, cho vui lòng già ».
Xảy nghe trống điểm sang ba,
Nguyệt-Nga nhớ tới, xót-xa lòng mình.
Dời chân ra chốn Lê-đình, (15)

Xem trăng rồi lại tưởng tình cố nhân. (16)
273. Than rằng : «Lưu-thủy cao-sơn, (17)
«Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri-âm?»
275. Chữ tình càng tưởng càng thâm,
Muốn phân khó biện, muốn dằm khó phai. (18)
277. Vơi vơi đất rộng trời dài,
Nào ai nỡ để cho ai chịu phiền.
279. Trở vào bèn lấy bút nghiên,
Đặt bàn hương án, khấn-nguyền thần-linh.
281. Làu-làu một tấm lòng thành,
Vẽ ra bức tượng nên hình Vân-Tiên.
283. Than rằng nghìn dặm sơn xuyên, (19)
Chữ ân để dạ, chữ duyên nhiệm màu. (20)

Đoạn XI (Câu 235-234)

Nguyệt-Nga từ biệt Vân-Tiên, xiết bao nghĩ ngợi : Những nghĩ mình giữa đường gặp-gỡ, ân chưa trả mà tình lại mang ; sao cho vẹn đạo trăm năm, mới thỏa tấm lòng ao ước. Vừa đi vừa nghĩ, chẳng bao lâu đã tới Hà-khê. Lúc Nguyệt-Nga trò chuyện với Kiều-công, mới kể việc đầu đuôi cho ông biết, và xin ông liệu cách để trả ơn cho Vân-Tiên, ông hứa sẽ mời chàng qua mà kiếm điều cảm tạ. Nguyệt-Nga bước vào nhà sau, đêm nằm không ngủ, lại ra sân xem trăng

mà nhớ đến Vân-Tiên; mới trở vào đặt án thắp hương, lấy bút và nghiên khấn nguyện rồi vẽ ra bức tượng giống Vân-Tiên như hệt; ân tình hai chữ, chút ngỏ cùng ai.

(1) Phản hồi là trở về.

(2) Uyên-ương là tên một loài chim con trống con mái thường bay cặp đậu cặp với nhau, dùng để ví với vợ chồng.

(3) Nguyệt-lão là trăng già, lấy tích đời xưa, ông Vi-cố ban đêm trọ ở Tống-thành, thấy một ông già đứng dưới mặt trăng, cầm một quyển sách và một cuốn dây đỏ, hỏi sách thời ông bảo là sổ hôn thú, và hỏi dây thời ông bảo để buộc chân hai người phải k"t duyên cùng nhau làm vợ chồng. Bây giờ tục ở nước ta đến ngày rước dâu làm lễ hợp-cẩn thời có cúng vị Tơ-hồng-nguyệt-lão-thiên-Tiên.

(4) Chữ tòng bởi chữ tòng phu, nói nghĩa theo chồng. Câu này có có bản chép là: Trăm năm chớ để chữ đồng dở-nang.

(5) Hữu-tình là có tình. Ngưu-lang là chàng Khiên-ngưu; theo trong sách Kinh-sở-tuế-thời-Ký, nói ở bên đông sông Thiên-hà, có nàng con gái dệt vải khó nhọc, Thiên đế thương mà đem gả cho chàng chăn trâu ở bên kia sông. Sau lúc Chức-nữ về với

Khiên-ngưu thời bỏ nghề canh cửi, Thiên-đế giận lại bắt về chỗ cũ, thường năm chỉ cho đêm mồng bẩy tháng bẩy được gặp mặt nhau một lần.

(6) Dấu thỏ đường dê nói đường sá trong núi thường có dê thỏ ra vào.

(7) Lòng son bởi chữ đan tâm dịch ra.

(8) Phủ-đường là nhà phủ.

(9) Kiều-công là ông họ Kiều, cha nàng Nguyệt-Nga làm quan ở phủ Hà-khê.

(10) Tùy-nhi là đứa trẻ theo hầu.

(11) Đòi cơn là nhiều phen. Có bản chép là : Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.

(12) Bàng-hoàng cũng như nói hoảng-hốt, sợ hãi.

(13) Mình vàng xem chú thích câu 109.

(14) Hậu-đường xem chú thích câu 35.

(15) Lê-đình là sân lê, lấy tích đời Đường nuôi con gái ở Lê-viên tập nghề đàn hát, nhân đó cũng gọi chỗ con gái ở là Lê-đình.

(16) Cố-nhân là người cũ, chỉ Vân-Tiên.

(17) Lưu-thủy là nước chảy, cao sơn là núi cao. Ngày xưa ông Bá-nha hay đàn, buổi ấy chỉ có Chung-tử-Kỳ biết được mà thôi ; lúc ông chí ở núi cao thời chàng nói nghe như núi cao vòi vọi ; lúc ông chí ở nước chảy, thời chàng nói nghe như nước chảy vo vo. Lúc chàng mất rồi thời ông bỏ đàn không gẩy nữa.

(18) Chữ tình ngậm ngấm ở trong lòng, muốn biện bạch không được, mà muốn làm cho phai nhạt cũng không được.

(19) Sơn xuyên là núi sông.

(20) Nhiệm mầu là kín đáo.

XII

285. Chuyện nàng sau hãi còn lâu,
Chuyện chàng xin nói từ đầu chép ra.
287. Vân-Tiên từ cách Nguyệt-Nga.
Giữa đường lại gặp người ra kinh-kỳ (1)
289. Xa xem mặt mũi đen sì,
Mình cao lồ-lộ dị-kỳ rất hung. (2)
291. Nhớ câu Bình-thủy tương-phùng, (3)
Anh hùng lại gặp anh hùng một khi :
293. « Chẳng hay danh tính là chi ? (4)
« Một mình mang tráp mà đi việc gì ? » (5)
295. Đáp rằng : « Ta cũng xuống thi,
« Hán-minh tính tự, Thủy-chi quê nhà. » (6)
297. Vân-Tiên biết lẽ chính-tà, (7)
Hễ là dị-tướng ắt là tài cao (8)
299. Chữ rằng bằng-hữu chi-giao, (9)
Tình kia đã gặp, lẽ nào làm khuây. (10)
301. Trên rừng há dễ một cây,
Muốn cho có đó có đây sum vầy.
303. Kìa nơi miếu-vũ gần đây, (11)
Hai ta vào đó dan tay thề-bồi. (12)
305. Cùng nhau bày họ tên rồi,
Tạ từ miếu-vũ bèn lui ra đường.
307. Hán-minh đi trước tựu-trường, (13)
Vân-Tiên còn hãi hồi hương viếng nhà. (14)

Đoạn XII (Câu 285-308)

Việc Nguyệt-Nga hãi tạm gác, đoạn này kể chuyện Vân-Tiên. Chàng từ trở gót, giữa đường gặp được một người, hỏi tên họ thời kể là Hán-Minh, hỏi đi đâu thời bảo là đi thi cử. Vân-Tiên xem tướng thời biết là người giỏi, mới bảo nhau vào miếu kết nguyền làm anh em. Đoạn rồi Hán-minh đi trước tới trường, còn Vân-Tiên về nhà thăm cha mẹ.

(1) Kinh-Kỳ là cõi kinh-đô, nói chỗ vua ở.

(2) Dị-kỳ là lạ lùng. Hung là bạo mạnh.

(3) Bình-thủy tương-phùng là bèo nước gặp nhau, nói hai người không quen nhau mà gặp nhau, ví như trôi đâu thời gặp nước đấy.

(4) Danh tính là tên họ.

(5) Trắp là đồ để bút giấy. Câu này lời Vân-Tiên hỏi.

(6) Tính tự là họ tên. Câu này lời Hán-minh đáp.

(7) Chính tà là ngay thẳng và xiên vạy.

(8) Dị tướng là tướng lạ.

(9) Bằng-hữu chi-giao là cái tình giao bầu bạn.

(10) Khuây là quên lãng mà không nghĩ đến.

(11) Miếu-vũ là nhà miếu thờ thần.

(12) Câu này có bản chép là : Hai ta và đó gian tay bèn ngồi.

(13) Tựu-trường là tới trường thi.

(14) Hồi hương là về nhà.

XIII

309. Mừng rằng : « Nay thấy co ta (1)
« Cha già những tưởng, mẹ già những trông
311. « Bấy lâu đèn sách có công,
« Con đà nên chữ tang-bồng cũng chăng ?» (2)
313. Vân-Tiên đặt gối thưa rằng :
« Chẳng hơn kẻ cồ, cũng bằng người câm. (3)
315. « Dám xin phụ mẫu an-tâm, (4)
« Đặng con trả nợ áo cơm cho rồi. »
317. Song thân nghe nói lòng vui, 5
Lại lo non nước xa xôi nghìn trùng.
319. Cho đi một gã tiểu-đồng,
Viết thư một bức dặn cùng Vân-Tiên :
321. « Trước đà định chữ lương duyên, (6)
« Con quán hưu-tri ở miền Hàn-giang. (7)
323. « Con người là Vũ-thai-Loan, (8)
« Tuổi vừa hai bảy, dung-nhan mặn-mà. (9)
325. « Chữ rằng Hồ việt nhất gia (10)
« Con đi qua đó trao qua thư này. »
327. « Con dầu bước đặng thang mây, (11)
« Dưới chân đã sẵn có dây tơ hồng. »
329. Song thân dặn bảo vừa xong, (12)
Vân-Tiên cùng gã tiểu đồng dời chân.

Đoạn XIII (Câu 309-328)

Vân-Tiên về tới nhà, cha mẹ hỏi con đi thi, có mong giả nợ sách đèn được chăng? Vân-Tiên thưa cha mẹ an tâm, phen nảy nợ áo cơm xin giả được. Cha me nghe con nói, trong dạ mừng thầm, nhưng lại lo đường sá xa xôi, sai một gã tiều-đồng đi nữa, và trao một bức thư định ước, dặn qua Hàn-giang đưa cho quan Hưu-trí Vũ-công, may phen này con bước thang mây, đại đăng-khoa rồi tiểu đăng-khoa cũng tiện. Vâng lời cha dặn, Vân-Tiên cùng tiểu-đồng ra đi.

(1) Câu này trở xuống bốn câu là lời ông bà họ Lục nói cùng Vân-Tiên.

(2) Tang bồng là cung dâu tên sậy, lấy tích trong kinh Lễ người đời xưa sinh con trai thời lấy cung dâu tên sậy bắn ra bốn phương, Nhân đó con trai trí ở bốn phương, thường gọi là chí tang-bồng.

(3) Cổ là đời xưa, câm hoặc kim là đời nay.

(4) Phụ-mẫu an tâm là cha mẹ yên lòng.

(5) Tiểu-đồng là con trai trẻ nhỏ.

(6) Lương-duyên là duyên lành.

(7) Hưu-trí là thôi quan về nghỉ ở nhà.

Hàn-giang là tên xứ đất thuộc tỉnh Giang-tô nước Tàu.

(8) Người là chỉ ông quan hưu họ Vũ. Vũ-thái-Loan là tên nàng con gái.

(9) Hai bẩy là mươi bốn.

(10) Hồ-Việt nhất-gia là nước Hồ nước Việt một nhà, nói hai người ở hai nơi mà kết làm thông-gia với nhau.

(11) Thang mây bởi chữ vân-thê, nói ví thi đậu cao như chân bước thang mây.

(12) Song-thân là hai thân, chỉ hai cha mẹ.

XIV

331. Trông chừng mấy dặm quan-sơn, (1)
Gió đông rày đã đưa xuân sang hè. (2)
333 Buồn xem dặm liễu đường hoè, (3)
Tin ong ngơ ngẩn, tiếng ve vang rầy. (4)
335. Buồn xem nước nọ non này,
Nước xao sóng dỡn, non vầy đá cao. (5)
337. Trải qua mấy mặt biết nào,
Trên ngành chim hót, dưới ao cá cười.
339. Trải qua đôi khóm cảnh người,
Cảnh xanh như vẽ, người tươi như dồi. (6)

Đoạn XIV (Câu 331-340)

Kể lúc Vân-Tiên đi đường, xuân qua hạ tới, cảnh đẹp người xinh, trải bao nước nước non non, cũng đã đủ mùi du-lịch.

(1) Quan sơn là cửa ải và núi non, nói lúc đi đường vào ra nhiều cửa và lên xuống nhiều núi.

(2) Gió đông là gió mùa xuân ở phương đông thổi đến.

(3) Dặm liễu đường hoè là dặm đường trồng cây hoè cây liễu.

(4) Hết mùa xuân thì ong ít tìm hoa, sang mùa hạ thì nghe tiếng ve kêu.

(5) Nước thời thấy sóng dỡn lên, non thời thấy đá đứng sững. Bốn câu trên này đều tả cảnh buồn lúc còn đi đường.

(6) Dồi là trau dồi. Bốn câu này lại tả cảnh vui lúc gần đến nơi.

XV

341. Hàn-giang phút đã tới nơi,
Vân-Tiên tạm trú một hồi trao thơ.
343. Vũ-công xem ý trong tờ,
Mừng duyên cầm sắt mối tơ đặng liền. (1)
345. Xem qua tướng mạo Vân-Tiên,
Khá khen họ Lục phúc hiền sinh con.
347. Mày tằm, mắt phượng, môi son, (2)
Mười phân cốt cách vuông tròn mười phân. (3)
349. Nhưng e kẻ Tấn người Tần, (4)
Nào hay chữ tế đặng gần chữ giai. (5)
351. Ngẫm đà đẹp dạ hòa hai ;
Này dâu Nam-giản, nọ trai Đông-sàng. (6)

353. Ông rằng : « Này nghĩa-tế sang, (7)
« Muốn lo việc nước, phải toan việc nhà. »
355. Tiên rằng: «Nhờ lượng Nhạc-gia, (8)
« Đại-khoa xin gặp tiểu-khoa, lo gì. » (9)

Đoạn XV (Câu 341-356)

Vân-Tiên đi đến Hàn-giang, vào thăm họ Vũ ; Vũ-công xem thơ biết ý, nghĩ con được nên đôi phải lứa, mừng rỡ xiết bao ! Nhưng ông muốn cho mau thành hôn, kẻo sau xa cách thời sinh điều bất tiện. Thế mà Vân-Tiên không chịu, xin cho đi thi rồi sẽ hay.

(1) Cầm sắt là tên hai thứ đàn có tiếng hòa hiệp cùng nhau thường dùng để ví vợ chồng.

(2) Mày tằm là lông mày như con ngài tằm. Mắt phượng là mắt nhỏ mà sáng. Môi son là môi đỏ.

(3) Cột-cách là cốt cách con người.

(4) Tấn Tần là hai nước đời Xuân-thu làm thông-gia với nhau ; đây nói hai người cách trở đôi nơi. Cũng có bản chép là : Những e đôi ngả Việt, Tần.

(5) Tế là rể, giai là tốt.

(6) Nam-giản là khe phía nam, lấy chữ trong kinh Thi, nói con gái hái rau tần rau táo ở khe phía nam, nhân đó thường gọi đàn bà là Nam-giản. Đông-sàng là

giường phía đông, lấy tích đời Tấn, ông Khích-giám sai người đến nhà ông Vương-đạo để chọn rể, con em nhà ấy đều giữ lễ phép, chỉ ông Vương-hi-Chi nằm ở giường phía đông vỗ bụng mà ăn bánh gai. Người ấy về nói, ông Giám đem con gái gả cho Hi-Chi ; nhân đó thường gọi người con rể là đông-sàng.

(7) Nghĩa-tế là người rể có nghĩa. chỉ Vân-Tiên.

(8) Nhạc-gia là ông nhạc, bố vợ.

(9) Đại-khoa là thi đậu. Tiểu-khoa là lấy vợ.

XVI

357. Ông rằng : « Con dốc xuống thi,
« Sao không kết bạn mà đi vào trường ?
359. « Gần đây có một họ Vương,
« Tên là Tử-Trực văn-chương tót đời. (1)
361. « Cha rằng cho kẻ qua mời, (2)
« Cho con cũng gã thử chơi một bài.
363. « Thấp cao mới biết sở-tài, (3)
« Vậy sau khách trúc bạn mai mới mầu » (4)
365. Giờ lâu Tử-Trực tới hầu,
Vũ-công sẵn dặt một bầu rượu ngon.
367. Công rằng : « Đủ mặt hai con,
« Thơ hay làm đặng, rượu ngon thưởng liền.
369. Muốn cho Trực sánh cùng Tiên,
Lấy câu «Bình-thủy-hữu-duyên» làm đề, (5)

371. Song le đôi ngả giao kề, (6)
Lục Vương hai họ đua nghề một khi.
373. Cho hay kỳ lại gặp kỳ,
Bạch-sinh đó dễ kém gì Chu-sinh, (7)
375. Ông rằng : « Đan quế hai ngành, (8)
« Bảng vàng thẻ bạc đã đành rạng nêu. (9)
377. « Như chuông chẳng đánh sao kêu.
« Ngọn đèn đặng tỏ trước khêu bởi mình. (10)
379. « Này trang lương đống đã đành (11)
« Khá khen hai gã tài lành cả hai ».
381. Trực rằng : « Tiên vốn cao tài.
« Có đâu hồng yến sánh vai một bầy. (12)
383. « Tình cờ mà gặp nhau đây,
« Trực đây xin nhượng Tiên rày làm anh.
385. « Này đã kết nghĩa đệ-huynh, (13)
« Xin về mai sẽ thượng-trình cùng nhau. »
387. Xảy nghe trống đã điểm đầu,
Vân-Tiên vào chốn thư-lầu nghỉ an.

Đoạn XVI (Câu357-388)

Ông lại có ý thử chàng, hỏi vào trảng sao không người kết bạn ; liền sai người mời Vương-tử-Trực, để kết bạn cùng chàng, và đặt rượu ra bài, khiến cùng Trực làm thơ mà thử sức, đua nghề một lúc, Vân-Tiên cùng Tử-trực ngang tay , Trực nhượng tài cao, tiến-trình xin kết làm huynh-đệ. Canh

đầu điểm trống, Trực cáo ra về, Tiên vào thư phòng nghỉ ngơi.

(1) Văn-chương là chỉ chung những bài làm ra có lời lẽ và thành thiên chương, như thi, ca, từ, phú, v.v.

(2) Cha là lời Vũ-công tự xưng với Vân-Tiên. Rằng cũng như nói nghĩ rằng.

(3) Sở tài là điều hay giỏi của người nào.

(4) Trúc và mai là tên hai thứ cây, thường vẽ sánh cùng nhau trong các bức tranh, vì trúc đến mùa đông mà lá cũng xanh và mai đến mùa xuân thời hoa nở trước, thường dùng để ví tình bầu bạn, nghĩa vợ chồng v. v. những người sánh đôi ngang hàng cùng nhau.

(5) Bình-tủy-hữu-duyên là bèo nước có duyên. Xem chú thích câu 291.

(6) Song le cũng như nói nhưng mà. Đôi gã là chỉ Vân-tiên và Tử-trực. Cũng có bản chép là : Văn phòng tứ bảo sẵn kề.

(7) Bạch-sinh và Chu-sinh là hai người giỏi văn có tiếng đời Nam-bắc-Triều.

(8) Đan-quế là cây quế đỏ ở trong cung trăng ; nhân đó đi thi đậu cao, thường gọi là chân đạp mây xanh tay vin quế đỏ.

(9) Bảng vàng thẻ bạc là nói khi thi đậu rồi thời yết tên bảng vàng và ban cho thẻ bạc.

(10) Tục-ngữ có câu : « Chuông không đánh không kêu, đèn không khêu không

rạng.» thường ví những việc có làm ra mới biết được rõ ràng.

(11) Trang cũng như nói bậc. Lương đống là giường cột, chỉ những đồ dùng để gánh vác chống đỡ một tòa nhà lớn, thường dùng để ví kẻ có tài giúp nước.

(12) Hồng là tên một thứ chim vóc lớn mà cánh dài có tài bay cao ; yến là tên một thứ chim vóc nhỏ như loài chim sẻ ; thường mượn hai thứ chim ấy mà phân biệt kẻ hơn người kém.

(13) Đệ huynh tức là huynh đệ, nói anh em.

(14) Thư-lầu hoặc thư lâu là lầu đọc sách.

XXII

389. Vũ-công trở lại hậu-đường,
Đêm khuya dạy nhủ Thái-loan những lời.
391. « Sớm mai vừa rạng chân trời,
« Thái-loan trang điểm ra nơi Lê-đình.
393. « Gọi là chút nghĩa-tống-hành. (2)
« Phòng sau cho khỏi bất-bình lòng nhau. »
395. Bóng trăng vừa gác nghành dâu, (3)
Vân-Tiên vào tạ ngỏ âu xuất-hành. (4)
397. Dời chân vừa thuở bình-minh, (5)
Thái-loan đứng trước lê-đình tiễn chân.
399. Thưa rằng: « Quân-tử phó kinh, (6)
« Đoái thân liễu yếu chữ tình ngày xưa. (7)
401. « Tấm lòng thảm thiết như mưa,
« Đường xa nghìn dặm xin đưa một lời.

403 « Ngày nay thánh chúa trị đời, (8)
« Nguyện cho linh phượng gặp nơi ngô-đồng. (9)
405. « Quản bao chút phận má hồng,
« Tháng chầy khôn xiết ngày trông khó lường
407. «Chàng dầu gặp lúc hiển vinh,(vang)
« Thiếp xin nhớ chữ tao khang cho đành. (10)
409. « Xin đừng tham đó bỏ đăng, (11)
« Chơi lê quên lựu, chơi trăng quên đèn. » (12)
411. Tiên rằng : « Như lửa mới nhen,
« Dễ trong một bếp mà chen hai lò.(13)
413. « May duyên, rủi nợ chớ phô, (14)
« Hãi xin cho nhớ chuyện Chu-mãi-Thần, » (15)
415. Loan rằng : « Sử Mã kinh Lân, (16)
« Có câu chính-tiết, có vần chỉnh-cung (17)
«417. « Trăm năm lòng chẳng sai lòng,
« Lánh bồn Trang-tử, chực phòng Vương-ngưng.» (18)
419. Thái-loan vội-vã lui chân,
Vân-Tiên cất gánh trông chừng Trường-an. (19)

Đoạn XVII (Câu 389-420)

Vũ-công vào dặn Thái-loan sắm-sửa, để ngày sau đưa Vân-Tiên lên đường ; Sáng mai, Vân-Tiên từ tạ ra đi, Thái-

loan ra sân tiễn biệt. Thái-loan thời dặn Vân-Tiên đừng tham người thành thị mà bỏ nghĩa tào khang, Vân-Tiên thời dặn Thái-loan phải nhớ chuyện Mãi-thần mà giữ điều chung-thủy. Hai người lấy việc xưa nay điều phải trái mà cùng nhau căn vặn mấy lời, Vân-Tiên mới chịu cất chân lên bước.

(1) Lê-đình xem chú thích câu 271.

(2) Tống-hành là đưa chân người nào đi đường.

(3) Lúc mặt trăng đã ở phía tây.

(4) Ngỏ âu cũng như nói cho được. Xuất-hành là ra đi.

(5) Bình-minh là lúc mờ sáng.

(6) Phó kinh là đi tới kinh đô.

(7) Liễu yếu là cây liễu non yếu, đến mùa thu vàng úa trước các thứ khác, thường dùng nói ví thân gái.

(8) Thánh chúa là vua giỏi.

(9) Trong kinh Thi có nói chim phượng-hoàng kêu, ở đỉnh núi kia, cây ngô-đồng sinh, ở gò cao kia, » chỉ cái điềm lành gặp buổi thái-bình mới thấy. Người tài giỏi gặp thời hiển đạt, nhân đó cũng gọi linh-phượng gặp ngô-đồng.

(10) Tao-khang là hèm cám, nói người vợ lấy nhau đương lúc nghèo khổ. Hai chữ tao-khang lấy trong câu nói ông Tống-hoằng đáp lại vua Quang-vũ, lúc vua muốn bảo ông bỏ vợ cũ mà đem gả Công-chúa cho.

(11) Đó và đăng chỉ những đồ dùng để bắt cá.

(12) Lê và lựu là tên hai thứ trái cây. Đây nói đừng tham vợ mới mà bỏ vợ cũ.

(13) Một lần cưới vợ không có thể cưới luôn hai người, như một cái bếp mới nhen không có thể chen hai lò.

(14) May duyên, rủi nợ nói may thời vợ chồng sung sướng, rủi thời chịu cực khổ. Phô là nói.

(15) Chu-mãi-Thần tên một người đời Hán nhà nghèo, thường ngày đội củi mà đọc sách ; người vợ thấy cực khổ mà bỏ đi. Sau Mãi-thần làm quan to, người vợ muốn trở về mà chàng không nhận nữa.

(16) Sử Mã bởi chữ Mã-sử, nói bản sử đời Hán, ông Tư-mã-Thiên làm ra. Kinh Lân bởi chữ Lân-kinh, nói đức Khổng-tử làm kinh Xuân-thu, đến lúc nước Lỗ săn được con lân què thời dừng bút.

(17) Chính-tiết là giữ tiết hạnh ngay thẳng. Chỉnh-cung là sửa soạn nết na trong mình.

(18) Lúc thầy Trang-tử mới chết, xác còn để trong quan tài bằng săng, người vợ lấy

gỗ đập săng để lấy óc thầy mà làm thuốc cho người chồng mới. Mở săng ra thời thầy ấy sống lại, người vợ xấu hổ mà tự tử. Thầy Trang chẳng buồn-hã gì cả, chỉ gõ cái chậu mà hát. — Vương-ngưng người đời Tùy, em ông Vương-thông, tự là Thúc-điềm, làm chức Trước-tác, soạn bản sách Sử Tùy chưa xong mà mất. Khi ông mất bà vợ tuổi còn trẻ, mà vẫn thủ tiết thờ chồng đến già.

(19) Trường-an là tên kinh đô nước Tàu.

XVIII

421. Xa xa vừa một dặm đường,
Gặp Vương-tả-Trực băng ngàn đều đi.
423. Trải qua thủy-tú sơn-kỳ, (1)
Lao-sao cá nhảy, cặp-kè chim bay. (2)
425. Người hay lại gặp cảnh hay,
Khác nào tiên-tử gặp ngày bồng-lai. (3)
427. Cùng nhau tả chút tình hoài, (4)
Rượu năm ba chén thi vài bốn câu. (5)
429. Trực rằng: « Muốn chút dài lâu,
« Mặc dầu vàng thẳm, mặc dầu nước mây. » (6)
431. Tiên rằng: « hồng-hộc cao bay, (7)
« E khi man mác lạc bầy về đâu, » (8)
433. Mảng còn bàn bạc cùng nhau, (9)
Trông chừng kinh-địa đã hầu tới nơi. (10)
435. Chênh chênh vừa xế mặt trời.
Hai người tìm quán nghỉ ngơi đợi kỳ. (11)

Đoạn XVIII (Câu 481-486)

Vân-Tiên đi được một dặm, vừa gặp Vương-tử-Trực cùng nhau đi. Lúc uống rượu, lúc ngâm thơ, tả tình tri kỷ. Đến nơi kinh địa, mới đưa nhau vào quán mà nghỉ ngơi.

(1) Thủy-tú sơn-kỳ là nước non tốt đẹp lạ lùng.

(2) Cặp kè là đi thành hàng đôi hàng ba. Cũng có bản chép là : Chập chờn chim núi rù ri cá khe.

(3) Tiên-tử là người tiên. Bồng-lai là tên hòn núi tiên ở. Cũng có bản chép là : Người thanh thấy cảnh nên mê, khác nào tiên-tử ở kề Bồng-lai.

(4) Tình hoài là tình yêu mến nhau.

(5) Vài bốn là tám ; hoặc hai bài tứ-tuyệt, hoặc một bài Đường-luật đều tám câu. Từ câu này trở xuống có bản chép là : Rượu dăm chén cúc, thơ vài lời châu. Trực rằng : « Em vẫn sở cầu, Vũ-môn ba bực rắp hầu nhảy qua. » Tiên rằng : « Thế sự như hoa, xưa nay tài mệnh khéo là ghét nhau » Trực rằng : « Giá mỏng vực sâu, tấm lòng son sắt mặc dầu nước mây. » Tiên rằng : « Hồng nhạn cao bay, khi mỏi cánh lạc bầy về sau. » Còn đang tri kỷ cùng nhau, xa trông kinh địa đã hầu tới nơi.

(6) Tục ngữ có câu: Xanh vỏ đỏ lòng. Lại có câu: Tính nước lòng mây, đều ý nói ăn ở hay thay lòng đổi dạ không nhất định. Đây nói dầu nhân tình thế nào mặc lòng, Tử-Trực cũng muốn ở với Vân-Tiên cho được lâu lâu.

(7) Hộc là tên con chim mình lớn cánh dài mà có tài bay cao. Hồng xem chú thích câu 382.

(8) Man-mác là rộng rãi mênh mông mà không phân biệt ra đường nào lối nào, sợ có khi lạc bầy đi chăng.

(9) Mảng là ham cái này mà quên cái kia.

(10) Kinh-địa là đất kinh-đô. Từ câu này trở xuống có bản chép thêm: Tôn-sư hiểu biết cơ trời, xót thương đồ-đệ việc đời long đong. Phải toan một phép mới xong, hiện ra lầu quán ở trong chốn này. Tùy nhân tình được sắp đầy, trợ ngay cứu nạn giúp rày Vân-Tiên. Thương vì lòng rất thảo hiền, gặp cơn nước lửa vẹn tuyền thủy chung. Ngày sau cũng hiệp tam hùng, giúp trong nhà nước đạo đồng hiển vang. Tôn-sư bàn định sửa sang, hóa ra một quán bên đàng gần nơi. Chênh chênh vừa xế mặt trời...

(11) Đại kỳ là đợi kỳ vào thi.

XXI

437. *Phút đâu gặp bạn cố-tri,* (1)
Đều bày tên họ một khi mới tường.

439. Một người ở phủ Phan-chương, (2)
Tên Hâm họ Trịnh, tầm thường nghiệp văn.
441. Một người ở phủ Dương-xuân, (3)
Họ Bùi tên Kiệm, tác chừng đôi mươi. (4)
443. Hai người lại gặp hai người,
Đều vào một quán vui cười ngửa nghiêng.

Đoạn XXI (Câu 437-444)

Trực cùng Tiên vừa định quán, lại gặp bạn cố-tri, một người ở Phan-chương, tên là Trịnh-Hâm; một người ở Dương-xuân tên là Bùi-Kiệm; đều vào trong quán, đợi thi một lần.

(1) Cố-tri là người quen biết cũ.

(2) Phan-chương là tên một phủ ngày xưa ở về phần đất tỉnh Yên-huy Tàu

(3) Dương-xuân là tên một phủ ngày xưa ở về phần đất tỉnh Yên-huy Tàu.

(4) Tác là tuổi tác.

XX

445. Kiệm rằng: « Nghe tiếng anh Tiên,
« Nay đà gặp đặng phỉ nguyền ước ao. »
447. Hâm rằng: « Chưa biết thấp cao,
« Làm thơ mới rõ bực nào tài năng. » (1)
449. Bèn kêu ông quán dạy rằng:
« Khá toan sắm sửa vật ăn cho bề. » (2)
451. Quán rằng: « Rượu thịt ê hề, (3)
Kho lân chả phượng thiếu gì vật đâu; (4)

453 « Kìa là thuốc lá rượu dâu,
« Này ve bạch-tuyết, nọ bầu đan-thung. (5)
455. « Phòng khi đãi khách anh hùng,
« Đãi trang hiền-hữu vui cùng thong-dong. » (6)
457. Bày bàn trà rượu vừa xong,
Bốn người ngồi lại một dòng làm thơ.
459. Kiệm, Hâm còn nghĩ ngẩn ngơ,
Phát đâu Tiên, Trực một giờ đều xong.
461. Kiệm, Hâm xem thấy lạ-lùng,
Tưởng rằng Tiên, Trực viết tùng cổ-thi. (7)
463. Chẳng hay ông quán cười chi,
Vỗ tay đập chiếu một khi cười dài.
465. Tiên rằng : « Ông quán cười ai ? »
Quán rằng : « Cười kẻ bất tài đời xưa.
467. « Cười người Tôn-tẫn hững hờ, (8)
« Trước đà sẩy máy, chẳng ngờ Bàng-quyên. » (9)

Đoạn XX (Câu 445-463)

Kiệm gặp Vân-Tiên, lấy làm phỉ nguyền ao ước ; Hâm lại muốn cùng nhau thi sức, cho rõ tài thấp cao bèn truyền Quán bày tiệc rượu trà, để làm thơ thử sức. Vừa xong tiệc rượu, bốn người ngồi lại làm thơ, Hâm và Kiệm còn ngồi trơ trông Tiên, Trực làm xong đâu đó, hai người lấy làm lạ.

mà ngỏ cho Tiên Trực viết cổ-thi. Ông Quán thấy Hâm Kiệm bất tài, ngồi cười và vỗ chiếu; Tiên hỏi cười gì thế, thời ông Quán lấy tích Bàng-quyên lừa Tôn-tẫn mà thưa.

(1) Tài năng là hay giỏi.

(2) Bề là tử tế.

(3) Ê-hề là rất nhiều.

(4) Lân là một con muông rất quí trong loài thú. Phượng là một con chim rất hiếm trong loài cầm. Đây nói đồ kho và chả rất quí.

(5) Bạch-tuyết là tuyết trắng. Đan-thung tức là Đan-xuân, nói cây xuân đỏ. Đây nói ve rượu sắc trắng và cái bầu bằng thứ gỗ quí.

(6) Hiền-hữu là bạn hiền. Thong-dong là thong thả dồi dào.

(7) Tùng là theo. Cổ-thi là bài thơ cũ.

(8) Tôn-tẫn là tên một người đời Xuân-thu, giỏi về cách cầm quân ra trận.

(9) Bàng-quyên cũng người đời Xuân-thu làm bạn với Tôn-tẫn để theo thầy Quỷ-cốc mà học binh-thư binh-pháp. Sau hai người phản nhau.

XXI

469. Trực rằng: « Lời nói hữu duyên (1)
. Thế trong kinh sử có truyền cùng chăng? »

471. Quán rằng: « Kinh sử đã từng.
« Xem rồi lại khiến lòng hằng xót-xa.
473. « Hồi thời ta phải nói ra,
« Vì chưng hay ghét bởi mà hay thương. » (2)
475. Tiên rằng: « Trong đục chưa tường, (3)
« Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ nào? »
477. Quán rằng: « Ghét việc tầm-phào, (4)
Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
479. « Ghét đời Kiệt Trụ đa dâm, (5)
« Để dân tới nỗi sa hầm sẩy hang (6)
481. « Ghét đời U Lệ đa đoan, (7)
« Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần. (8)
583. « Ghét đời Ngũ-bá phân-vân, (9)
« Loạn thần đa tiếm, làm dân nhọc nhằn. (10)
485. « Ghét đời Thúc-quí phân-băng, (11)
« Sớm đầu, tối đánh lăng quăng rối dân)
487. Thương là thương đức Thánh-nhân, (12)
« Khi về nước Lỗ điều tràn đạo vương. (13
489. « Thương thầy Nhan-tử dở dang, (14)
« Ba mươi hai tuổi tiếc đường công danh.
491. « Thương ông Gia-cát tài lành, (15)
« Gặp khi Hán mạt đã đành phôi pha. (16)
493. « Thương thầy Đổng-tử cao xa (17)
« Chí thời có chí, ngôi mà không ngôi.
495. « Thương người Nguyên-lượng ngùi ngùi, (18)
« Đã hay giúp nước lại lui về cày.

497 «Thương ông Hàn-tử, chẳng may (19)
« Sớm dâng lời biểu, tối đày đi xa.
499 « Thương thầy Liêm Lạc đã ra (20)
« Vừa trời rối loạn về nhà dạy dân.
501. « Xem qua sách vở mấy lần,
« Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương.»

Đoạn XXI (Câu 469-502)

Trực nhân thế mới nói chuyện trong kinh sử mấy ai được tuyền, Ông Quán đáp vì người hỏi thời tôi phải thưa, tôi đây kinh sử đã từng, thấy có người dữ người hiền, nên sinh lòng hay thương hay ghét. Tiên nói thương ghét lẽ nào, mà ông khéo nói; ai hay ai dở, ông Quán thử nói, mà nghe. Quán liền theo trong kinh sử kể mấy đời độc dữ, rối loạn dân đen, và kể hết mấy bậc thánh hiền, kẻ có học kinh-luân, người có tài trí-trạch, mà cái tài đức không thi được với đời; thời thương vì ai và ghét vì ai, kể không sai nghĩa đen trong sách vở.

(1) Hữu-duyên là có duyên.

(2) Thấy tiểu-nhân đắc chí mà sinh ghét, nên thấy quân tử thất-thời mà sinh thương; thương quân-tử bao nhiêu nên ghét tiểu-

nhân bấy nhiêu. Câu này có bản chép là : Vì chưng hay ghét cũng là hay thương.

(3) Trong đục xem chú thích câu 29.

(4) Tầm phào chỉ những điều không được chính-đính.

(5) Kiệt tên một ông vua cuối đời nhà Hạ. Trụ là tên ông vua cuối đời nhà Thương. Ông Kiệt ham mê sắc gái, chất thịt thành non, chứa rượu thành ao, con gái trong cung cởi trần giả là trâu bò mà đi ăn nem uống rượu, làm cuộc chơi vui. Ông Trụ cũng làm như thế.

(6) Sa hầm sẩy hang bởi chữ hãm-tỉnh, nói áp chế một cách cực khổ mà không cứu vớt chút nào.

(7) Vua U vua Lệ ở cuối đời nhà Chu làm nhiều việc đốc-dữ.

(8) Lầm than bởi chữ đồ-thán, nói dân cực khổ như ở trong bùn lầy than lửa.

(9) Ngũ-bá là năm vua lớn năm nước đời Xuân-thu, : Tề Hoàn, Tống Tương, Tấn Văn, Tần Mục và Sở Trang. Phân-vân là bối-rối.

(10) Loạn-thần đa tiếm là nhiều người tôi tiếm ngôi vua.

(11) Thúc-quí phân băng là đời cuối rốt mà quyền trong một nước chia năm rẽ ba.

(12-13) Thánh-nhân chỉ đức Khổng-tử. Về đời ông Lỗ Định-công, đức thánh quyền nhiếp chức Tề-tướng, ba tháng mà nước

thêm mạnh lên. Định-công vì ham mê nữ-nhạc mà lảng việc chính-trị, đức Thánh thấy thế bỏ mà đi nước khác. Khi thì bị vì ở nước Vệ, khi thì hết lương ở đất Trần, không chỗ nào biết tôn sùng đến cả. Sau phải trở về nước Lỗ, đầu Trần đạo vương với ông Ai-công, mà ông cũng không dùng.

(14) Thầy Nhan-hồi con ông Nhan-vô-Do tự là Tử-Uyên, học trò đức Khổng-tử, tư chất thông minh, đức hạnh hiền lành, trong các học trò thì đức Khổng rất yêu thầy ấy. Hai mươi chín tuổi thì tóc bạc hết, đến ba mươi hai tuổi thì mất.

(15) Người đời Hậu hán, họ Gia-cát, tên Lạng, tự là Khổng-minh, ở ẩn mà cày ruộng tại Kinh-châu, ông Lưu bị tới rước ba lần mới chịu ra làm quan, giúp vua Tiên-chúa đánh lại nước Ngụy, hòa với nước Ngô mà dựng nên cơ nghiệp nước Thục. Sau Tiên-chúa mất, lại giúp Hậu-chúa, Nhưng vì Hậu-chúa thơ ngây, chẳng bao lâu thời ông cũng bị đau mà mất ở quân-thứ, nên vận Hán cũng đến đó là cùng.

(16) Hán mạt là cuối đời nhà Hán. Phôi pha là lẫn lộn, rối loạn,

(17) Thầy Đồng-trọng-Thư người đời Hán, khi bé đọc kinh Xuân-thu, buông màn ba năm không ngó ra ngoài vườn. Đời triều Vũ-đế có dâng điều trần ba chước, nhưng vua không biết trọng dụng, thôi quan về nhà.

(18) Nguyên-lương tức là Đào-tiềm, người đời Tấn, học rộng văn hay. Trước ra làm chức Chân Tế-tửu rồi phải cáo về. Sau lại ra làm quan lịnh ở Bành-trạch, cũng cáo về nhà làm ruộng, có làm bài từ « Qui-khứ-lai. »

(19) Thầy Hàn-dũ, người đời Đường, thi đậu Tiến-sĩ. Đời triều vua Hiến-tôn, ham mê đạo phật, thầy dâng tờ biểu can ngăn - vua giận, đày đi làm chức Thứ-sử ở Triều; châu.

(20) Thầy Chu-đôn-Dy ở Liêm-khê, thầy Trình-hạo và Trình-dy người ở Lạc-dương, đều là người Tống mà không đắc thời hành đạo, về nhà dạy học.

XXII

503. *Trực rằng : « Chúa đất phật vàng, (1)*
« Ai hay trong quán có tàng kinh-luân. (2)
505. *« Thương dân sao chẳng lập thân*
« Đương khi nắng hạ toan phần làm mưa ? » (3)
507. *Quán rằng : « Nghiêu Thuấn thuở xưa, (4)*
« Khó ngăn Sào-phủ, khôn ngừa Hứa-do ; (5)
509. *« Di Tề chẳng tính giúp Chu, (6)*
« Một mình một núi ai hầu chi ai.
511. *« Ông Y ông Phó ôm tài, (7)*
« Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.

513. « *Thái công xưa một cần câu,* (8)
« *Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi.* (9)
515 « *Nghiêm-tăng đã mấy đua bơi,* (10)
« *Áo tơi một tấm che trời bóng dâu.* (11)
517. « *Trần-đoàn đã mấy lo âu,* (12)
« *Gió trăng một gối công-hầu chiêm-bao.* (13)
519. « *Người nay có khác chi nào,*
« *Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn.* »
521. *Hâm rằng : « Lão khéo nói nhăng,*
« *Dầu cho trải việc cũng thằng bán cơm.*
523. « *Gối rơm theo phận gối rơm,* (14)
« *Có đâu dưới thấp mà chờm lên cao.*
525. *Quán rằng : Chớp nhoáng mưa dào,*
« *Ếch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu trời.* (15)
527. « *Sông sâu cá lội thảnh-thơi,*
« *Xem hai con mắt đã ngời như châu.* (16)
529 « *Cứ treo đàn gảy tai trâu,* (17)
« *Nước xao đầu vịt nghĩ âu nực cười* » (18)
531. *Tiên rằng : « Ông Quán chớ cười,*
« *Đây đà rõ biết những người Trúc-lâm* (19)
533. « *Cùng nhau kết bạn đồng-tâm,*
« *Khi cờ khi rượu, khi cầm khi thi.* (20)
535 « *Công danh phú-quý mà chi,*
« *Chẳng bằng thong-thả mặc khi vui vầy* ».
537. *Quán rằng: « Đó biết ý đây,*
« *Lời kia đã hẳn, rượu này thưởng cho* ».
539. *Trịnh-Hâm là đứa so-đo,* (21)
Thấy Tiên dường ấy nghĩ lo trong lòng :
541 « *Khoa này Tiên ắt nên công,*
« *Hâm dầu có đỗ cũng không nên rồi* » (22)

Đoạn XXII (Câu 503-542)

Trực khen ông Quán là người học thức, ví như chùa rách mà có phật vàng, bèn hỏi sao không ra đời để mà giúp nước? Ông Quán lấy những tích Gi, Tề, Sao, Hứa, Trần-đoàn và Nghiêm-lăng, những người ở ẩn, có lòng cao thượng, xưa có người mà nay cũng có người. Nhưng Hâm chê ông Quán là người bán cơm, hãi còn nói láo. Ông Quán cho Hâm là người nhỏ mọn; ếch ngồi đáy giếng, không biết trời to. Nói với Hâm thời có khác gì đàn gảy tai trâu, nước xao đầu vịt. Tiên bảo ông đừng cười nữa. Hứa kết cùng nhau làm bạn, nào công-danh, nào phú-quí, chi cho bằng thi tửu cầm kỳ, ngày tháng thanh nhàn, một phương ẩn dật. Ông Quán nghĩ lòng đây lòng đó đã từng biết nhau, gọi chút đồng-tâm, rót chén rượu đưa làm của tặng, Hâm và Kiệm thấy Tiên đường ấy, sinh lòng giận hờn.

(1) Chỗ ở hèn hạ mà có người quí trọng. Có bản chép là : Trực rằng chùa rách phật vàng.

(2) Tàng là chứa giấu. Kinh-luân chỉ những việc sắp đặt ví như kéo tơ có sợi ngang sợi dọc.

(3) Bởi câu trong kinh Thi: «Nhược đại hạn tác lâm vũ». Nói ví cứu vớt dân đương lúc cực khổ, như nắng hạn mà làm mưa.

(4) Vua Nghiêu đời Đường, vua Thuấn đời Ngu, hai vị đế lấy đức hóa dân ngày xưa.

(5) Sào-phủ và Hứa-do tên hai người ở ẩn về đời Đường, Ngu.

(6) Bá-di và Thúc-tề là tên hai người con vua Cô-trúc, gặp lúc Vũ-vương đánh Thương hai người đón ngựa can không được, mới lên ở ẩn trên núi Thú-dương, hái rau vi mà ăn. Suốt đời không chịu ăn lúa nhà Chu, rồi chết đói trên núi ấy.

(7) Ông Y-doãn và ông Phó-duyệt đều người đời Thương. Khi ông Y chưa giúp vua Thành-thang, thời cày ruộng ở Hữu-sằn; khi ông Phó chưa gặp vua Cao-tôn, thời cuộc đất ở Phó-nham.

(8) Ông họ Khương, tên là Lữ-thượng hoặc là Thái-công-Vọng, người đời Chu. Lúc ông chưa gặp vua Văn-vương, thời câu ở sông Vị.

(9) Sông Vị phát nguyên ở tỉnh Cam-túc Tàu, chảy qua phần đất tỉnh Thiểm-tây vào sông Hoàng-hà.

(10) Ông Nghiêm-quang tự là Tử-lăng, người đời Hán. Nguyên trước bạn học với vua Quang-vũ, đến khi vua lên ngôi thời ông ấy trốn vào cày ở núi Phú-xuân, vua vời không ra.

(11) Áo tơi một tấm bởi chữ phi nhất dương cầu, áo mặc của Tử-lăng. Che trời bóng dâu bởi chữ vạn hác tùng quân, chỉ chỗ Tử-lăng đi cày. Có bản chép là : Áo tơi một mảnh lặng ngồi thả câu.

(12) Ông Trần-đoàn tự là Đồ-nam, hiệu là Phù-giao-tử, người đời Tống ở ẩn tại núi Hoa-sơn, nghe vua Thái-tôn lên ngôi, mừng rằng Thiên-hạ thái-bình, thường khi ngủ luôn đến trăm ngày chưa dậy.

(13) Công-hầu là tên hai tước lớn nhất ở trong năm tước. Công-hầu chiêm-bao lá nói việc ra làm quan cũng cầm bằng giấc mộng chiêm-bao.

(14) Người nghèo hèn lấy rơm làm gối.

(15) Ếch đáy giếng bởi chữ tỉnh để oa, nói vì những người kiến thức hẹp hòi.

(16) Câu này và câu trên ý nói những người kiến tước rộng rãi, ví như con cá ở sông sâu thời có hai con mắt sáng ngời như hạt châu.

(17) Gảy đàn tai trâu thời trâu không nghe

(18) Đổ nước đầu vịt thời nước không thấm.

(19) Đời Tấn có bảy kẻ hiền chơi ở Trúc-lâm : Kê-khang, Trần-hưu, Nguyễn-tịch, Sơn-đào, Hướng-tứ, Lưu-linh, Nguyễn-hàm và Vương-nhung.

(20) Đánh cờ, uống rượu, gảy đàn và ngâm thơ.

(21) So-đo là suy hơn tính thiệt.

(22) Câu này và câu trên là ý Trịnh-hâm nghĩ thầm trong lòng.

XXIII

543 *Mảng còn nghĩ việc tới lui,* (1)
Đi xem bảng cửa, trống thôi vào trường.
545 *Kẻ nghiên người tráp chật đường* (2)
Xôn-xao lũ bảy, nhộn-nhàng đoàn ba.

Đoạn XXIII (Câu 543-546)

Nghe lời ông Quán, ai cũng còn ngẫm nghĩ phận mình. Bỗng đâu nghe tiếng trống trường, mới đem nhau đi xem bảng cửa, kẻ nghiên người tráp, đường chật như nêm.

(1) Câu này có bản chép là : Còn đang trò truyện vui cười.

(2) Câu này có bản chép là : Kẻ lều người trống nghênh ngang.

XXIV

547 Vân-tiên vừa bước chân ra.
Phút đâu đi gặp tin nhà đem thư.
549 Mở phong xem rõ sự-cơ, (1)
Mình xa xuống đất một giờ ngẩn ngơ.
551 Bạn bè ai nấy bơ-vơ,
Hỏi ra mới biết Mẫu-từ về quê. (2)
553 Trực rằng: « Anh chớ ủ-ê,
« Xin vào trong quán định bề qui-lai». (3)
555 Tiểu-đồng thở vắn than dài, (4)
Giời sao nỡ phụ những tài người ngay.
557 Trực rằng: « Đã tới nỗi này,
« Tiểu-đồng ngươi cũng làm khuây chớ phàn. (5)
559 « Sớm lo giữ việc thuốc thang,
« Chờ ta vài bữa ra tràng sẽ hay.
561 « Bây giờ kíp rước thợ may,
« Sắm đồ thành phục nội ngày cho xong (6)
563 « Dây rơm mũ trắng, áo thụng,
« Cứ theo trong lễ Văn-công mà làm » (7)
565 Than rằng: « Mẹ bắc con nam,
« Nước non thăm thẳm đã cam lỗi nghì.
567 « Trong mình không cánh không vi,
« Lấy chi tếch dặm, lấy gì bôn tang. (8)
569 « Tìm quan mà lại gặp tang,
« Ngẩn ngơ người ở, lỡ làng người đi.
571 « Một mình trời đất nài chi,
« Sao dời vật đổi còn gì mà mong. (9)
573 « Hai hàng nước mắt ròng ròng,

« Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu
575 « Cánh buồm bao quản gió xiêu,
« Nghĩ rằng nước chảy chín chiều ruột đau.
577 « Thương thay cửu-tự cù-lao, (10)
« Tam niên nhũ bộ biết bao nhiêu tình (11)
579 Quán rằng : « Trời đất cao minh,
« Gió mưa đâu phút gãy nghành thiên-hương.
581 « Ai ai xem thấy chẳng thương,
« Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân. (12)
583 « Ai ai chước quỉ mưu thần,
« Phong-trần ai cũng phong-trần như ai (13)
585 « Éo-le ai khéo đặt bày,
« Chữ tài ở với chữ tai một vần.
587 « Đường đi một tháng chẳng gần,
« Khi qua khi lại mấy lần xông pha ».

Đoạn XXIV (Câu 547-548)

Tiên thấy người đi thi cũng đi, vừa ra trước quán, gặp thư nhà đưa tới, mở xem thời là Thân-mẫu về quê biến cố thương thay; chưa thi mả đã hỏng! Trực thấy Tiên lăn khóc, lấy lời yên ủy, khuyên vào quán rồi liệu bề qui-gia. Tiểu-đồng nghe cũng khóc than vô kể: trời sao độc-địa, cho đến nỗi này! Trực bảo Đồng hãi đừng van la, phải lo thuốc thang và sắm đồ

thành phục, làm theo lễ cũ, để khi về hộ tang. Một mình Vân-tiên, phần thì tủi mình, phần thì thương mẹ, giận vì duyên phận, tìm quan mà lại gặp tang. Huống chi cách trở dặm trường, nỗi bôn tang biết thế nào cho kịp; ròng ròng nước mắt, tưởng bao nhiêu thời lại đau lòng bấy nhiêu! Ông Quán cũng phàn nàn cho Vân-Tiên, trời đất khéo trêu ngươi, đã phú cho chữ tài, lại ghép cho chữ tai liền đó; đường đi một tháng, luống công người qua lại, lại qua.

(1) Sự-cơ là cơ quan công việc.

(2) Mẫu-từ là bà mẹ. Về quê là thác.

(3) Qui-lai là trở về.

(4) Tiểu-đồng xem chú thích câu 319.

(5) Phàn là phàn nàn.

(6) Thành-phục là đồ mặc tang chế. Nội là trong.

(7) Văn-công là thầy Chu-văn-Công đời Tống, có bản sách Gia-lễ, nói về việc tang.

(8) Bôn tang là lo chạy việc tang.

(9) Bởi câu « vật hoán tinh di », nói cuộc đời thay đổi.

(10) Cửu-tự cù-lao là chín chữ khó nhọc. Trong thơ Lục-nga nói công cha mẹ sinh con.

(11) Tam-niên nhũ-bộ là ba năm bú mớm, nói công mẹ nuôi con.

(12) Báo hiếu là lấy điều thảo trả ơn cha mẹ.

(13) Phong-trần xem chú thích câu 31. Câu này và câu trên ý nói dầu ai có mưu chước như quỉ thần mà đã sinh ra ở đời thời phải chịu cực khổ. Có bản chép là : Phàm trần ai cũng phàm trần như ai.

XXV

589 Xảy đâu bạn tác vua ra,
Trực cùng Hàm Kiệm hợp mà đưa Tiên,
591 Hâm rằng : « Anh chớ đau phiền,
« Khoa này đã lỡ, ta nguyền khoa sau.
593 « Thấy nhau chết khổ với nhau, (1)
« Một vừng khăn trắng rầu - rầu khá thương. (2)
595 Vân-Tiên cất gánh lên đường,
Trịnh-hâm bèn ngó hai hàng lệ sa.

Đoạn XXV (Câu 589-596)

Trực, Hâm và Kiệm ở trường vừa ra, cùng họp nhau đưa Tiên trở gót. Hâm khuyên Tiên hãi đừng phiền não, hỏng khoa này còn có khoa sau, xót thay vì nghĩa sinh-thành, công ơn biết ngày nào giả được. Vân-Tiên cất gánh, Trịnh-Hâm giả làm bộ thương-nhớ vô cùng.

(1) Có bản chép là : Thương nhau khốn nỗi giúp nhau.

(2) Có bản chép là : Một vừng mây trắng rầu rầu khá thương.

XXVI

Đi vừa một dặm xa xa,
Xầy đâu ông Quán bốn ba theo cùng.
Quán rằng : « Thương đấng anh hùng
« Đưa ba hoàn thuốc để phòng về sau.
« Chẳng may mà gặp lúc nào,
« Đương khi quá đói ăn vào cũng no ».
Tiên rằng : « Chịu lấy ơn cho,
« Tấm lòng ngại-ngại, hãy lo xa gần ».
Quán rằng : « ta cũng bâng khuâng
« Thấy vầy nên mới tị-trần chờ đây. (1)
« Non xanh nước biếc vui vầy,
« Ngâm thi Bạch-tuyết, luyện bài Kim-đan (2)
« Ẩn thân theo chốn yên-nhàn, (3)
« Trừa nơi danh-lợi, lánh đàng thị-phi».(4)
Nói rồi quay-quả ra đi, (5)
Vân-tiên xem thấy bèn nghi trong lòng.
Trông chừng dặm tía thẳng rong,(6)
Nghĩ đòi cơn, lại mặn nồng đòi cơn.
Nên chăng, chút phận chi sờn, (7)
Nhớ câu dưỡng-dục, lo ơn sinh-thành. (8)
Mang câu bất hiếu đã đành,
Nghĩ mình lại thẹn cho mình làm con.
Ngùi-ngùi một tấm long son, (9)
Những năm giả nợ nước non cho rồi. (10)

621 Nào hay nước chảy hoa trôi, (11)
Nào hay phận bạc như vôi thế này.
623 Một mình ngơ ngẩn đường mây,
Khác nào chim nhạn lạc bầy kêu sương (12)
625 Đến đây mới biết tỏ-tường,
Bèn chi thầy dạy khoa-trường còn xa.

Đoạn XXVI (Câu 579-626)

Vân-Tiên đi một dặm xa, ông Quán chạy theo đưa ba hoàn thuốc, dặn để phòng mà ăn lúc bất-thời. Tiên từ tạ cảm ơn, nhưng lòng hãi còn nghi-nghĩ. Ông Quán nói ông cũng chán điều danh-lợi, tị trần mà theo chốn thanh nhàn. Ông Quán nói vậy, rồi ra đi. Tiên cũng thẳng rong rặm lía, nghĩ mình bất-hiếu, thẹn phận làm con, tưởng phen này giả nợ nước non, nào hay mình gặp cơn gia biến, lúc bấy giờ mới nghiệm câu thầy dạy khoa-trường còn xa.

(1) Tự-trần là lánh cõi trần mà ở ẩn.

(2) Bạch-tuyết xem chú thích câu 454. Kim-đan là bài thuốc tiên. Có bản chép là: Một bầu khô-tửu một bầy kim-lan.

(3) Yên nhàn là yên ổn thong thả.

(4) Thị phi xem chú thích câu 178.

(5) Quay-quả là bỏ ra đi ngay.

(6) Dăm tía bởi chữ tử-mạch, nói dặm đường đi tới kinh-đô

(7) Dẫu gặp nên hư thế nào cũng giữ lấy bổn phận không để sai chạy.

(8) Dưỡng-dục là nuôi nấng.

(9) Lòng son xem chú thích câu 250.

(10) Công ơn cho mẹ như nước như non

(11) Tả lúc lênh đênh cực khổ.

(12) Tả cảnh bơ vơ một mình.

XXVII

627 *Tiểu-đồng thấy vậy thưa qua :*
« Từ đây cho tới quê nhà còn lâu.
629 *« Thế này chẳng dứt mối sầu,*
« Mình đi đã mỏi, dòng châu chẳng ngừng.(1)
631 *« E khi mang bệnh nửa chừng,*
« Trong non khó liệu, giữa rừng khó toan».
633 *Tiên rằng: « Khô héo lá gan,*
« Ôi thôi con mắt đã mang mối sầu. (2)
635 *« Mịt mù nào thấy chi đâu,*
« Chân đi đã mỏi, mình đau như dần.
637 *« Có thân lại khổ với thân,*
« Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may ! »
639 *Đồng rằng : « Trời đất có hay ?*
« Ra đi mới đặng mười ngày lại đau.
641 *« Một mình vắng trước vắng sau,*
« Xanh xanh bờ bụi, rầu rầu cỏ cây.
643 *« Vốn không làng xóm chi đây,*
« Xin lần tới trước tìm thầy thuốc thang. »

Đoạn XVII (Câu 627-644)

Tiều-đồng thấy Vân-Tiên buồn, thường khi chứa chan nước mắt, mới kể sự đường trường dặm thẳm, về nhà còn xa, thế mà không cất buồn làm khuây, e khi mắc bệnh giữa đường, biết thế nào tính liệu. Tiên than thở về câu báo hiếu, khô héo buồng gan; khiến đau đớn trong lòng nên mình mệt chân đi thêm mỏi. Đồng thấy Vân-Tiên đau xin hãi đi lần để tìm người mà hỏi thăm thầy thuốc.

(1) Dòng chan là dòng nước mắt.

(2) Có bản chép là: Dạ đeo túi thảm, lòng mang gánh sầu.

XXVIII

645 Vừa may gặp khách qua đường,
Người đều chỉ nẻo vào làng Đồng-văn.
647 Dắt nhau khi ấy hỏi thăm,
Gặp thầy làm thuốc tên rằng Triệu-ngang.
649 Ngang rằng: « Hãy tạm nghỉ an,
« Rạng ngày xem mạch đầu thang mới đành. (1)
651 « Gặp thầy thời bệnh ắt lành,
« Bạc vàng trong gói sẵn dành bao nhiêu? »

653 Đồng rằng : « Tiền bạc chẳng nhiều,
« Xin thầy nghĩ lượng đặng điều thuốc thang.
655 « May mà bệnh ấy đặng an,
« Bạc còn năm lượng trao sang cho thầy ».
657 Ngang rằng : « Thày ở chốn nì
« Ba đời nối nghiệp làm thày cả ba.
659 « Vị chi cũng đủ trong nhà,
« Nội-kinh đã sẵn ngoại-khoa thêm mầu (2)
661 « Trước xem thọ thế làm đầu. (3)
« Sau xem Y-học, thứ cầu Đông-y. (4)
663 « Gẫm trong Ngân-hản-tinh-vi, (5)
« Cùng là Cương - mục khác gì Thanh nang. (6)
665 « Gẫm trong Tập-nghiệm-lương-phương. (7)
« Cùng là Ngự-chế, trải đường Hồi-xuân (8)
667 « Vị chi sẵn đặt quân-thần, (9)
« Thuốc đà bào-chế mười phân rõ ràng (10)
669 « Mạch thời đọc phú Lư-san, (11)
« Đặt tay vào bệnh biết đường tử sinh (12)
671 « Lục-quân, tứ-vật thang-danh (13)
« Thập-tuyền, bát-vị sẵn dành nội-thang (14)
673 « Lại thông bát-trận-kỳ-phương (15)
« Nội-thương ngoại-cảm đầu thang ngũ-sài ». (16)
675 Đồng rằng : « Thày thực có tài,
« Xin thầy xem mạch cho bài thuốc thang ».

677 Ngang rằng : « Lục-bộ đều tan (17)
« Bộ quân bên tả mạch ngang phù hồng (18)
679 « Cứ trong sách trước mà thông (19)
Mệnh-môn tướng-hỏa đã xông lên đầu (20)
681 « Tam-tiêu tích nhiệt đã lâu, (21)
« Muốn cho giang-hỏa phải đầu tư-âm, (22)
683 « Hoàng - liên. hoàng-bá, hoàng-cầm, (23)
« Gia vào cho bội, nhiệt-tâm mới bình (24)
685 « Ngoài thời cho điểm vạn-linh (25)
« Trong thời cho uống hoàn-tình mới xong. (26)
687 « Khá trao hai lạng bạc ròng,
« Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.
689 « Chẳng qua làm phúc cho chàng,
« Nào ai đòi cuộc đòi đàn chi ai ».
691 Tiểu-đồng bèn tưởng có tài,
Vội vàng mở gói lấy vài lạng trao.
693 Mười ngày chẳng bớt chút nào.
Thêm đau trong dạ như bào như xoi.
695 Đồng rằng : « Vào đó thầy coi !
« Bệnh sao chẳng bớt mà đòi bạc thêm ».
697 Ngang rằng : « Nằm thấy khi đêm.
« Tổ-sư mách bảo một điềm chiêm-bao. (27)
699 « Quỉ thần ngài ở trên cao,
« E khi đường sá lẽ nào biết đâu.
701 « Tiểu-đồng ngươi khá qua cầu,
« Cùng ông thầy bói ở đầu Tây-viên, (28)

Đoạn XXVIII (Câu 645-702)

Vừa gặp khách qua đường chỉ nẻo vào Đồng-văn mới thấy Triệu-Ngang Đồng tới mời thầy, qua chân thăm bệnh ; thầy bảo bệnh ấy, gặp thầy thì chắc hẳn yên, trong ưng được mấy bạc tiền, đưa cho thầy để lấy thuốc. Đồng nhờ thầy làm phúc, hứa bệnh lành thời năm lạng bạc đưa dâng. Ngang kể nhà thầy làm thuốc ba đời, sách thuốc đã thông mà xem mạch cũng giỏi. Đồng xin thầy xem mạch, rồi cho bài. Thầy cầm lấy mạch, bảo bệnh tích-nhiệt đã lâu, phải uống tư-âm giáng-hỏa, và phải trao ngay hai lạng bạc, bổ thêm một vị thuốc để phòng. Tiểu-đồng cạn sạ, cũng lấy bạc đưa, thầy chữa mười ngày, mà bệnh không bớt lại thêm. Đồng hỏi thầy, thời thầy lại đổ cho quỉ thần làm tội. Lại bảo đi tìm thầy bói ở đầu Tây-viên.

(1) Đầu thang là cho thang thuốc.

(2) Nội-kinh là chỉ chung những bản sách Linh-xu và Tố-vấn. Ngoại-khoa là cách chữa bệnh ngoài da.

(3) Thọ-thế bảo-nguyên là tên bản sách thuốc, chuyên trọng về cách bồi bổ.

(4) Y-học-nhập-môn là tên bản sách dạy người bắt đầu làm thuốc. Đông-y-bảo-giám là tên bản sách nói về nghề làm thuốc bắc.

(5) Ngân-hản-tinh-vi là tên bản sách thuốc chữa con mắt.

(6) Bản-thảo-cương-mục là tên bản sách chép các vị thuốc. Thanh-nang là bản sách quí đựng trong đãy xanh.

(7) Tập-nghiệm-lương-phương là tên bản sách góp các vị thuốc kinh nghiệm.

(8) Ngự-chế là tên bản sách của một ông vua soạn ra. Vạn-bệnh-hồi-xuân là tên bản sách thuốc chữa các bệnh nguy cấp.

(9) Quân thần cũng như nói chính, phụ. Trong một bài thuốc vị nào chính là quân, vị nào phụ là thần.

(10) Bào-chế là theo tính thuốc mà sao tầm để chế thành thuốc chín.

(11) Đời Tần ông Lư-ngao ở ẩn tại Lư-sơn nghiên cứu sách thuốc có làm ra bài phú nói về mạch lạc người ta.

(12) Tử sinh là chết sống.

(13) Lục-quân là bài thuốc chỉ có sáu vị. Tứ-vật là bài thuốc chỉ có bốn vị. Thang danh là tên thang thuốc.

(14) Thập-tuyền là bài thuốc chỉ có mười

vị. Bát-vị là bài thuốc chỉ có tám vị. Nội thang là thang uống trong để bồi bổ.

(15) Bát-trân-kỳ-phương là tám phương thuốc lạ để trị bệnh.

(16) Nội thương là thương hại ở trong. Ngoại cảm là cảm mạo ở ngoài. Ngũ-sài là bài thuốc có vị ngũ-bội và sài-hồ.

(17) Lục-bộ là sáu bộ mạch.

(18) Quan là tên một bộ mạch đối với xích và thốn mà nói. Tả là tay trái. Phù là nổi. Hồng là lớn.

(19) Thông là xem suốt. Có bản chép là: Cứ trong kinh lạc mà trông.

(20) Mệnh-môn-tướng-hỏa là hỏa ở chỗ hai trái cật.

(21) Tam-tiêu là miệng, bọc chứa và bàng-quang.

(22) Tư-âm là bổ thêm âm.

(23) Ba vị này tính rất hàn-lương, cũng gọi tam-hoàng giải nhiệt.

(24) Nhiệt-tâm là nóng ruột.

(25) Vạn-linh là tên một thứ thuốc nước.

(26) Hoàn-tình là tên một thang thuốc.

(27) Tổ-sư là Tiên-sư, ông bày vẽ một nghề nghiệp gì trước.

(28) Tây-viên là vườn phía tây.

XXIX

703. *Tiểu-đồng nghe nói đi liền,*
Gặp ông thầy bói đặt tiền xin coi.

705. *Bói rằng : « Chưa đặng hẳn hỏi.(1)*
« Cớ sao nên nỗi đặt coi thế này.
707. *« Ta đây chẳng phải các thầy,*
« Bói vơ bói vít nói chi chẳng nhầm.
709. *« Ôn nhuần kinh Dịch mấy năm,(2)*
« Sáu mươi bốn quẻ, ba trăm dư hào, (3)
711. *« Hoàng-kim, Dã-hạc sách cao, (4)*
« Lục-nhâm, Lục-giáp chốn nào chẳng hay. (5)
713. *« Can chi đều ở trong tay,* (6)
« Đã thông thiên địa lại hay việc đời.
715. *« Hiện tiền quan mốt bốn mươi.*(7)
« Cơi trầu chén rượu cho tươi lòng thành
717. *« Đặt lên vái với thần linh,*
« Kh n tên tuổi ấy lộ-trình mắc chi (8)
719. *« Hỏi ra tên họ là gì ?*
« Cho thầy đặt quẻ một khi mới tường. »
721. *Đồng rằng : Người ở Đông-phương,* (9)
« Ra đi buôn bán giữa đường chẳng an.
723. *« Có nhà họ Lục là chàng,*
« Tuổi vừa hai tám, còn đường thơ ngây. »
725. *Bói rằng : « Đinh-mão năm nay,*
« Hèn chi giáp-tý ngày rày chẳng an.
727. *« Mệnh kim lại gặp cung càn,* (10)
« Tuổi này là tuổi giàu sang trên đời.
729. *« Có đâu buôn bán xa xôi,*
« Sao ngươi khéo kiếm những lời trêu ta.
731. *« Cầm tiền gieo xuống xem qua,*
« Một Dao hai Sách mà ba hào trùng.

733. *« Trang thành ra quẻ lục-xung, (11)*
« Thấy hào phụ-mẫu khắc cùng tử-tôn. (12)
735. *« Hóa ra làm quẻ du-hồn, (13)*
« Lại thêm thế động khắc dồn tới quan. (14)
737. *« Cứ trong quẻ ấy mà bàn,*
« Tuổi này mới chịu mẫu-tang ở mình. (15)
739. *« Xui nên mang bệnh thình-lình,*
« Vì chưng ma quỉ lộ-trình rất thiêng.
741. *« Muốn cho bệnh ấy đặng yên,*
« Phải tìm thầy pháp chữa chuyên cho rày. » (16)
743. *Đồng rằng : « Pháp ở đâu đây ? »*
Bói rằng : « Cũng ở chốn này bước qua.
745. *« Pháp hay tiếng dậy đồn xa,*
« Tên là Đạo-sĩ ở Trà-thanh thôn. » (17)

Đoạn XXIX (Câu (703-746)

Tiểu-đồng đến nhà thầy bói, thầy cũng khoe tài. Khi đặt tiền ra coi, thời thầy hỏi tên tuổi. Tiểu-đồng đem tên tuổi quê quán của Vân-Tiên thưa lại, và giả thác đi buôn bán đường xa. Thầy gieo tiền bói, trủ quẻ lục-xung, thấy động hào phụ-mẫu, và gặp năm đinh-mão đến ngày giáp-tý không yên, bản mệnh bị ma thiêng nhiễu hại, về phải tìm thầy phù pháp trấn

trừ mới yên. Phù pháp cao tay, ở Trà-thanh có thầy Đạo-sĩ.

(1) Hẳn-hoi cũng như nói tử-tế.

(2) Dịch là tên một quyển Kinh chủ về nghề bói.

(3) Nguyên đầu tám quẻ sau biến thành 64 quẻ, mỗi quẻ 6 hào, cả thảy 384 hào.

(4) Hoàng-kim-sách và Dã-hạc là tên những sách bói.

(5) Lục-nhâm và Lục-giáp là tên những phép bói.

(6) 10 can : giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm và quí. 12 chi : tý, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, vị, thân, dậu, tuất và hợi.

(7) Một quan một tiền bốn mươi đồng kẽm.

(8) Lộ-trình là đường sá.

(9) Đông-phương chỉ quận Đông-thành.

(10) Kim là tên một loài ở trong ngũ hành. Càn là một quẻ trong bát-quái.

(11) Lục-xung là sáu chi này sung nại với sáu chi kia.

(12) Phụ mẫu là cha mẹ. Tử tôn là con cháu.

(13) Du-hồn là quẻ biến rất xấu.

(14) Thể ở trong đối với ứng ở ngoài. Quan là quan quỉ.

(15) Mẫu-tang là tang mẹ.

(16) Thầy pháp là thầy bùa phép.

747. *Tiểu-đồng vốn chẳng biết khôn,*
Xẩy nghe lời nói lại bôn chôn tìm.
749. *Sĩ rằng : « Trẻ ở đâu tìm ?*
« Hay là đã mắc lấy điềm chi đây. »
751. *Đồng rằng : « Nghe tiếng đồn thầy,*
« Trừ tà yểm quỉ bùa thầy rất hay. »
753. *Sĩ rằng : « Mẹo đã cao tay,*
« Lại thêm phù chú xưa nay ai bì.
755. *« Qua sông cá nhảy nép vi,*
« Vào rừng cọp thấy đều qui lạy đưa.
757. *« Phép hay làm gió làm mưa,*
« Sai chim, khiến vượn, đuổi lừa, vật trâu.
759. *« Phép hay niệm chú một câu,*
« Tóm thu muôn vật vào bầu hồ-linh. (1)
761. *« Phép hay sái đậu thành binh,* (2)
« Biến hình làm tướng phá thành Diêm-vương. (3)
763. *« Phép hay đi giạo hỏa-trường,* (4)
« Ngồi gươm đi dạo mở đường thiên-oan. (5)
765. *« Có ba lạng bạc trao sang,*
« Đặng thầy sắm sửa lập đàn chữa cho. »
767. *Đồng rằng : Tôi đã sớm âu,*
« Không nhà, chưa biết vào đâu bây giờ.
769. *« Giữa đường bỡ-ngỡ dật-giờ,*
« Bạc dành hai lạng phòng trừ lo toan.
771. *« Chữa chuyên bệnh ấy đặng an,*
« Rồi thời tôi sẽ trao sang cho thầy. »

773. « Sĩ rằng : Về lấy bạc đây,
« Được cho toan liệu sớm bày đàn ra. »
775. Đồng rằng : « Tôi đã lo xa,
« Lo vì người bệnh ở nhà không an.
777. « Bạc nay tôi phải đưa sang,
« Xin thầy luận pháp lo toan thế này. »
779. Sĩ rằng : « Có khó chi nào.
« Ngươi nằm ta chữa rồi trao bùa về. »
781. Đồng rằng : Tôi vốn thẳng hề,
« Đau chi tới nỗi toan bề chữa chuyên. » (6)
783. Sĩ rằng : « Ta phải dụng quyền,
« Bệnh nam chữa bắc mà thuyên mới tài. »
785. Tiểu-đồng nghe lọt vào tai,
Lòng mừng vội vã nằm dài xin chuyên. (7)
787. Sĩ rằng : « Cốc cốc hô liên,
« Mời ông Bàn-cổ tọa tiền chứng minh, (8)
789. « Mời ông Đại-thánh-tề-thiên, (9)
« Cùng bà Võ-hậu đều liền tới đây. (10)
791. « Mời ông Nguyên-súy-chinh-tây, (11)
« Cùng bà Xiếu-mẫu xum vầy một khi. (12)
793. « Mời ông Phật-tổ-đà-di, (13)
« Cùng bà Cố-hĩ đều vì hai phòng. (14)
795. « Mời bà Công-chúa-ngũ-long, (15)
« Bình nam-ngũ-hổ hội-đồng yên dinh. (16)
797. « Lại mời thiên tướng thiên binh, (17)
« Mời vì Tam-phủ, Động-đình xích-lân. (18)
799. « Mời đà khắp hết quỉ-thần,

« Đem nhau xuống chốn hạ-trần đi chơi. (19)
801. « Cho ngươi ba đạo bùa trời,
« Uống vào mạnh khỏe như lời chẳng sai.»
803. Tiểu-đồng luống những chạy hoài,
Linh bùa trở lại toan bài thuốc thang.

Đoạn XXX (Câu 787-804)

Đồng nghe Đạo-sĩ có tài, lại tìm cho được, để nhờ thầy trừ yểm cho. Thầy nhủ kiếm ba lạng bạc trao tay, thời thầy mới lập đàn chữa bệnh. Đồng xin chịu hai lạng, khi nào chữa yên thì sẽ trao. Thầy khăng kháng không chịu. Thầy lấy bạc rồi bảo Đồng nằm ra, cho thầy chữa, làm cách bệnh nam chữa bắc, dụng quyền mà bệnh cũng đủ thôi. Đồng nghe nói lọt tai, nằm xin thầy chữa. Thầy liền đánh cốc, khấp mời tiên-thánh tiên-sư lại giáng bản đàn, giúp thầy trị bệnh. Rồi phát phù ba đạo, nhủ đưa về cho Tiên uống, khỏe mạnh như thường.

(1) Hồ-linh là một cái bầu thiêng.

(2) Sái đậu thành binh là vãi hạt đậu biến thành quân lính.

(3) Diêm-vương là vua ở Thủy-phủ. Có bản chép là : Bện rơm làm tướng phá thành Diêm-vương.

(4) Hỏa-trường là đám lửa.

(5) Thiên-oan là oan nghiệt trời làm.

(6) Câu này có bản chép là : Bệnh thầy chữa tớ khó đang được nào.

(7) Chuyên là chữa-chuyên.

(8) Bàn-cổ là một họ phát tích đầu hết ở nước Tàu.

(9) Đại-thánh-tề-thiên là chữ tôn xưng ông thánh tài giỏi ngang trời.

(10) Bà Vũ-hậu đời Đường tiếm ngôi làm vua, hiệu là Tắc-thiên.

(11) Nguyên-súy-chinh-tây là ông quan võ đánh giặc giỏi.

(12) Xiếu-mẫu là bà đập vải đời Hán, thấy Hàn-tín nghèo mà nuôi cho ăn cơm.

(13) A-di-đà là hiệu của đức phật, chỉ nghĩa công đức vô-lượng.

(14) Cô-nỉ là tên một người đàn bà đời xưa.

(15) Ngũ-long là hiệu năm bà Công-chúa.

(16) Ngũ-hổ là hiệu năm quan tướng võ.

(17) Ngàn tướng ngàn quân.

(18) Tam-phủ : Thiên-phủ, Địa-phủ và Thủy-phủ. Động-đình là tên một cái hồ ở trong Ngũ-hồ nước Tàu. Xích-lân là hiệu con cá gáy.

(19) Hạ-trần là dưới cõi trần.

805. Vào nhà thưa với Triệu-ngang,
Pháp phù đã đủ thầy toan lẽ nào?
807. Ngang rằng : « Trong gói còn bao,
« Ngươi vào mở gói mà trao cho thầy. »
809. Đồng rằng : « Tôi quyết lời này,
« Bệnh kia dầu khá, mệnh này bán đi. »(1)
811. Triện-ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm lời tráo trác xui đi khỏi vòng : (2)
813. « Ở đây làng nước khó lòng,
« E khi mưa nắng ai hòng đỡ che. »(3)
815. Đồng rằng : « Trong gói vắng ve,(4)
« Bởi tin nên mắc, bởi nghe nên lầm.
817. « Mới lo tính hết một trăm,
« Mình ve khô hết, ruột tằm héo don. (5)
819. « Thương thay tiền mất tật còn,
« Bơ-vơ đất khách hương-thôn thế này.
821. « Thôi thôi tạm gượng khỏi đây.
« Tôi xin khuyến giáo nuôi rày cùng nhau.

Đoạn XXXI (Câu 805-822)

Đồng lĩnh bùa về, hỏi Triệu-Ngang về cách cứu trị, xem có phương pháp gì nữa không? Ngang bảo còn bao nhiêu tiền, đưa cho thầy lấy thuốc. Túi Đồng đã cạn, mới hứa bán mình để kiếm thuốc cho Tiên. Ngang biết không còn có chi, kiếm lời xui đi chốn khác cho rảnh. Đồng phàn-nàn mấy

lần mắc dại, tiền thì mất mà tật hãi còn, đất khách quê người, biết thế nào tính liệu ; âu là đi cho khỏi đề rồi xin khuyến-giáo nuôi thầy.

(1) Mệnh là mệnh người, chỉ thân thể con người.

(2) Tráo-trác là lừa dối.

(3) Mưa nắng xem chữ nắng mưa câu 34.

(4) Vắng-ve là cạn hết.

(5) Mình người khô hết như con ve kêu hạ, khúc ruột héo don như con tằm kéo tơ.

(6) Khuyến-giáo là đi khuyên những người hảo-tâm cấp cho tiền gạo.

XXXIII

823. Vân-Tiên chi xiết nỗi sầu,
Tiểu-đồng dìu dắt nay cầu mai sông..
825. Đang khi mưa gió long-đong,
Người buồn lại gặp cảnh cùng thêm thương. (1)
827. Xiết bao ăn tuyết nằm sương, (2)
Màn trời chiếu đất, đường trường lao-đao. (3)
829. Dầu cho tài trí rất cao,
Gặp cơn ngay biến biết bao đặng thường
831. Nghêu-ngao đường khách tha-hương, (4)
Ai ai tỏ biết không thương bao giờ.

Đoạn XXXII (Câu 823-832)

Đồng khi ấy dìu dắt Vân-Tiên ra đi một lúc, bước cao bước thấp, nỗi đường trường thầy tớ bơ vơ.

(1) Cũng là khốn đốn. Có bản chép là : Người rầu rĩ, cảnh não nùng thêm thương.

(2) Ăn tuyết nằm sương bởi chữ phong-xan lộ-túc, nói cảnh đi đường ngày đêm cực khổ.

(3) Màn trời chiếu đất bởi chữ thiên địa là mạc, nói người đi đường tối gặp đâu thời nghỉ lại đấy.

(4) Tha-hương là làng khác.

XXXIII

833. Tiên rằng : « Đi đã ngẩn ngơ,
« Tìm nơi khe suối bụi bờ nghỉ chân. »
(chưng)
835. Đồng rằng : « Chút nữa khỏi rừng,
« Tìm nơi quán xá sẽ dừng nghỉ-ngơi. (1)
837. « Non tây vừa gác mặt trời,
« Tớ thầy dìu dắt tới nơi Đại-đề. » (2)

Đoạn XXXIII (Câu 833-838)

Vân-Tiên đi đã ngẩn-ngơ, bảo kiếm nơi tạm nghỉ. Mặt trời gần xế, thầy tớ đem nhau đi tới Đại-đề.

(1) Quán-xá là nhà quán, chỗ để khách nghỉ chân.

(2) Đại-đề là tên xứ đất.

XXXIV

839. Trò thi một lũ ra về,
Trịnh-hâm xem thấy lại kề hỏi thăm?
841. « Anh về nay đã hai năm?
« Cớ sao mắc bệnh còn nằm ở đây? »
843. Tiên rằng: « Tôi đã chẳng may,
« Chẳng hay chúng bạn khoa nay thế nào? »
845. Hâm rằng. « Tử-trực đậu cao,
« Tôi cùng Bùi-kiệm đều vào cử-nhân. (1)
847. « Một tôi về trước tỉnh-thân, (2)
« Trực cùng Bùi-kiệm còn lần đi sau,
849. « Đương khi hoạn-nạn gặp nhau,
« Người lành nỡ bỏ người đau sao đành.
851. « Từ đây về đến Đông-thành,
« Một mình bệnh trọng bộ-hành sao xong. (3)
853. « Lần hồi tới chốn giang-trung, (4)
« Tìm thuyền ta sẽ đi cùng với nhau. »
855. Tiên rằng: « Tình trước nghĩa sau,
« Gặp nhau há dễ bỏ nhau phen này. »
857. Hâm rằng: « Anh tạm ngồi đây,
« Tiểu-đồng tới trước sông này cùng ta.
859. « Vào rừng lấy thuốc ngoại-khoa,
« Phòng khi sông bến phong-ba bất kỳ. (5)

Đoạn XXXIV (Câu 839-860)

Trịnh-Hâm thi về, gặp Vân-Tiên mà ghé lại hỏi thăm, hỏi sao hai năm về chưa đến nhà, cũng bởi vì trên đường bị bệnh. Tiên cùng Hâm bàn việc

khoa-cử, rồi phàn nàn đến sự rủi may. Hâm bảo Tiên bệnh nặng bộ-hành không xong, phải thuê thuyền cùng nhau nói chuyện. Tiên nói anh em tình nghĩa, gặp nhau sao nỡ bỏ nhau. Hâm khi ấy bảo Tiên tạm ngồi, mà dắt Đồng đi cùng Hâm vào rừng kiếm thuốc.

(1) Cử-nhân là chữ để gọi chung những người thi đậu bảng giáp ở khoa hương.

(2) Tỉnh-thân là hỏi thăm cha mẹ.

(3) Trọng là nặng. Bộ hành là đi đường bộ.

(4) Giang-trung là giữa sông.

(5) Phong-ba bất-kỳ là cơn gió sóng chẳng hẹn mà gặp, nói vì việc biến cố xảy ra.

XXXV

861. Tiểu-đồng vội vả ra đi,
Muốn cho nên việc, sá gì lao-đao.
863. Trịnh-Hâm ở dạ gươm đao, (1)
Bắt ngươi Đồng-tử buộc vào trong cây.
865. « Trước cho hùm cọp ăn mày,
« Hại Tiên sau dụng mưu này mới xong. »
867. Vân-Tiên những mảng đợi trông,
Trịnh-Hâm về nói : « Tiểu-đồng cọp ăn. »
869. Vân-Tiên than khóc ngã lăn,
Có đâu đất lở trời băng thình-lình. (2)
871. Bấy lâu đất khách linh-đinh,
Một thầy một tớ lộ-trình nuôi nhau.

873. Nay đà hai ngả cách nhau,
Còn ai nâng trước đỡ sau cho mình.
875 Hâm rằng : « Anh chớ ngại tình,
« Tôi xin đưa tới Đông-thành thời thôi. »
877. Vân-Tiên chi xiết sụt-sùi,
Buồm đà theo gió chạy xuôi một bề.

Đoạn XXXV (Câu 861-878)

Trịnh-Hâm đưa Đồng vào núi, bắt cột lại bên cây, trở về dối Vân-Tiên, thằng Đồng bị cọp bắt. Tiên chắc là thật, than khóc vô cùng, lại phàn nàn không có ai giúp đở. Hâm bảo Tiên đừng ngại xin đưa Tiên về ; Tiên cùng Hâm xuống thuyền, đè nẻo quê nhà, trương buồm theo ngọn gió.

(1) Bởi câu phúc-trung hữu-kiếm nói trong bụng mưu hại người ta, như cất sẵn cây gươm.

(2) Tai biến rất lớn ví như đất lở trời nghiêng.

XXXVI

879. Tiểu-đồng bị trói khôn về,
Khóc la những thấy bốn bề rừng hoang.
881. Phận mình còn mất chẳng than,
Thương thay họ Lục suối vàng bơ vơ. (1)
883. Xiết bao những nỗi dật-dờ,
Bờ sông nào biết, bụi bờ nào hay.

885. « Vân-Tiên hồn có thiêng thay,
« Đem tôi theo với đỡ tay chân cùng ! »
887 Nói rồi lệ nhỏ ròng ròng,
Đêm khuya ngồi dựa cội tùng ngủ quên. (2)
889. Sơn-quân đứng lại một bên,
Cắn dây mở trói cõng lên, ra đường,
891. Tiểu-đồng thức dậy mơ màng.
Xem qua thấy đất rõ ràng mới hay.
893. Nửa mừng nửa lại sợ thay,
Chạy ra chốn cũ tìm thầy Vân-Tiên.
895. Mặt trời vừa gác mái hiên.
Người buôn, kẻ bán chợ phiên nhộn-nhàng.
897. Đồng rằng : « Bà quán giữa đàng,
« Hôm qua có thấy người tang chăng là ? »
899. Quán rằng : « Thôi đã ra ma,
« Khi mai làng xóm vội đà chôn đi. »
901. Đồng rằng : « Biết chốn nào đi ? »
Quán rằng : « Đi khỏi thôn này thấy chăng. »
903. Tay lau nước mắt, trông chừng.
Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao-xao.
905. Tiểu-đồng vội vã chạy vào,
Chúng-dân đều hỏi : « Đứa nào tới đây ? »
907. Đồng rằng : « Tôi tới tìm thầy,
« Chẳng hay người dưới mả này là ai ? »
909. Dân rằng : « Thấy kẻ con trai,
« Ở đâu chẳng biết rạc-rời tới đây. (3)
911. « Tay chân mặt mũi tốt thay,
« Đau chi nên nỗi nước này khá thương ! »
913. Tiểu-đồng chẳng kịp hỏi han,
Nằm lăn bên mả khóc than bồi hồi.

915. Chúng-dân xem thấy thương ôi,
Kêu nhau vác cuốc đều lui về nhà.
917. Tiểu-đồng xem thấy xót-xa,
Che lều giữ mả, lòng ta trọn nghì. (4)
919. Một mình ở đất Đại-đề,
Sớm đi khuyến giáo, tối về quảy đơm. (5)
921. Hết lòng giả nợ áo cơm,
Sống lo báo-bổ, thác thơm danh truyền.

Đoạn XXXVI (Câu 879-923)

Tiều-đồng bị trói, ngồi khóc trong non, bổng đầu dựa cội cây ngủ quên, cọp mở trói tha lên đường cái. Đồng được khỏi chết, còn nhớ đến Vân-Tiên, hỏi thăm đường cũ lần theo, kề hình dạng đến đâu hỏi đó, Giữa đường nghe lời bà quán, lại nghe đầu rừng có tiếng lao-xao, tức thì tới đó hỏi thăm, thời dân kể hình dạng người con trai, đau bệnh mà chết. mới chôn ở đó. Tiều-đồng nghe nói, ngó mả Vân-Tiên, vật mình khóc van, rồi che lều ở lại, ngày đi khuyến giáo, tối về cúng cơm, một mình ở đất Đại-đề mặc dầu khuya sớm.

(1) Suối vàng bởi chữ hoàng-tuyền, nói ở dưới đất.

(2) Cội tùng là gốc cây thông.

(3) Rạc-rời là đói rách, đau yếu. Có bản chép là : Ở đâu chẳng biết lạc loài tới đây.

(4) Trọn nghì là trọn vẹn tình nghĩa.

(5) Quẩy đơm là cúng vái.

(6) Có bản chép là : Sống vang tiếng nghĩa, thác thơm danh hiền.

XXXVII

923. Đoạn này tới việc Vân-Tiên,
Năm canh ngồi giữ mạn thuyền thở than (1)
925. Khăn lau giọt lệ chứa chan,
Nghĩ thương phận tớ mắc nàn khi không. (2)
927. Lênh đênh thuyền giữa bể Đông,
Cảm thương hai chữ tang-bồng ngẩn-ngơ,
929. Đêm khuya lặng-lẽ như tờ,
Nghenh ngang sao mọc, mịt mờ sương bay.
931. Trịnh-Hâm khi ấy ra tay,
Vân-Tiên bị gã đôi ngay xuống vời. (3)
933. Trịnh-Hâm một tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phôi-pha. (4)
935. Trong thuyền ai nấy đều ra,
Đều thương họ Lục xót xa trong lòng.

Đoạn XXXVII (Câu 923-936)

Từ lúc Vân-Tiên xuống thuyền, lênh đênh giữa dòng, xiết bao phiền não, nỗi niềm thương mẹ; lại thương Đồng mắc nạn tự-nhiên. Đêm khuya đương lúc không ngờ, bị Hâm đem đôi xuống nước.

(1) Mạn là mép thuyền.
(2) Tớ chỉ Tiểu-đồng.
(3) Gã chỉ Trịnh-Hâm. Đôi là ném xuống.
(4) Phôi-pha xem chú thích câu 186.

XXXVIII

937. Vân-Tiên mình xuống giữa dòng,
Giao-thần dìu đỡ vào trong sông rày (1)
939. Vừa may trời đã rạng ngày,
Ông Ngư xem thấy vớt ngay lên bờ. (2)
941. Hiện còn vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, bà hơ mặt mày.
943. Vân-Tiên vừa ấm chân tay,
Ngẩn-ngơ hồn-phách như say mới rồi.
945. Ngỡ là mình phải nước trôi,
Hay đâu còn hãy đặng ngồi dương-gian. (3)
947. Ngư-ông khi ấy hỏi han,
Vân-Tiên thưa tỏ mối đàng gần xa. (4)
949. Ngư rằng : « Ngươi ở cùng ta ;
« Sớm khuya ấm-úng một nhà cho vui. » (5)
951. Tiên rằng : « Ông lấy chi nuôi,
« Tôi nay chẳng khác quả muồi trên cây.
953. « May mà trôi nổi tới đây,
« Lấy chi báo-đáp, mệnh này trơ-trơ. »
955. Ngư rằng : « Lòng lão chẳng mơ,
« Dốc làm việc phải nào chờ trả ơn.
457. « Lão nhờ bọt nước cũng hơn (6)
Những câu danh lợi chẳng sờn lòng đây.
459. « Tiêu dài, quyển vắn vui vầy, (7)
« Đêm kia hứng gió, tối này chơi trăng.

961. « *Ngày ngày thong thả làm ăn,* (8)
« *Khi thời chài lái, khi giăng câu dầm.*
963. « *Nghêu ngao nay bến mai đầm,*
« *Một bầu trời đất, vui thầm ai hay.*
965. « *Kinh-luân đã sẵn trong tay,*
« *Ngửa nghiêng trong nước, vui say trong trời.*
967. « *Thuyền lan một chiếc ở đời,* (9)
« *Tắm mưa, chải gió giữa vời Hàn-giang.* » (10)

Đoạn XXXVIII (Câu 937 - 968)

May nhờ Giao-thần cứu vớt, đưa Vân-Tiên vào bờ sông; sáng lại gặp ông Ngư, vớt lên mà xông hơ cho nữa. Ngư-ông hỏi đầu đuôi mọi sự, rồi bảo ở cùng ông, ngày tháng vui chơi, trời đất một bầu, thuyền lan một chiếc, đủ chơi trăng hứng gió giữa miền Hàn-giang.

(1) Giao-thần là loài thuồng luồng thiêng.

(2) Ngư là làng chài đánh cá.

(3) Dương-gian là cõi đời

(4) Đoạn này có bản chép là : Chàng kia hiền-sĩ gian-nan nỗi gì ? Vân-Tiên kể hết vân vi, nỗi tang gấp đến, nỗi thi bỏ về. Bệnh đau tiền mất tật bê, tớ thì bị cọp, thầy thì bị sông. Ngư-ông nghe nói động lòng, dám xin hiền-sĩ ở cùng mấy tôi.

(5) Ấm ứng là nói nhỏ nói to cùng nhau.

(6) Bọt nước là chỉ những vật ở trên mặt nước.

(7) Tiêu là nhiều ống tre kết lại làm một cái đồ nhạc để thổi. Quyền là một cái ống tre có nhiều lỗ để thổi.

(8) Có bản chép là : Bến Tầm-dương, bãi Giang-lăng.

(9) Thuyền lan bởi chữ lan-chu, là cái thuyền làm bằng gỗ lan.

(10) Tắm mưa chải gió bởi chữ mộc vũ trất phong, nói trải nhiều ngày tháng.

XXXIX

969. Tiên rằng : « Nhớ tới Hàn-giang,
« Vũ-công nhà ở gần đường đây chăng ? »
971. Ngư rằng : « Họ Vũ ở gần,
« Khỏi ba khúc vịnh thời lần tới nơi. » (1)
973. Tiên rằng : « Xưa có dặn lời,
« Dâu-gia bao nỡ đổi dời chẳng thương.
975. « Vợ chồng là nghĩa tao-khang,
« Chi bằng tới đó tìm phương gửi mình.
977. « Trăm năm muốn trọn ân-tình,
« Gặp khi hoạn-nạn sao đành bỏ nhau.
979. Nhớ câu cứu-tử ân sâu, (2)
« Xin đưa tới đó trước sau cho tròn. »
981. Ngư rằng : « Làm phận rể con
« Khác nào sợi chỉ mà lòn vào kim.
983. « E bay mà mỏi cánh chim,
« Bơ-vơ cảnh cũ, khôn tìm rừng xưa. (3)

985. « E khi chậm bước tới trưa,
« Chớ tin sông cũ bến xưa mà lầm. (4)
987. « Mấy ai ở được hảo-tâm, (5)
« Nắng hanh giúp nón, mưa dầm giúp tơi »
989. « Mấy ai hay nghĩ việc đời,
« Quên nơi nguy-khổ, nhớ nơi sang giàu.
991. « Lão tuy trải việc buông câu,
« Gẫm trong việc nước, khác đâu việc nhà. »
993. Tiên rằng : « Trước đã ước mà, »
Ngư-ông sau phải tìm nhà đưa sang.

Đoạn XXXIX (Câu 969-994)

Vân-Tiên nhớ đến Hàn-giang, là chỗ Vũ-công ở đó, trước đã định ước, nay khôn lẽ bỏ nhau, dẫn lối đem đường, nhờ ông Ngư đưa cho tới đó. Ngư-ông bàn giải, nỗi nhân-tình chung thủy mấy ai. Nhưng sau ông cũng phải đem Vân-Tiên đi.

(1) Vịnh là vụng nước.

(2) Cứu-tử là cứu cho khỏi chết.

(3) Phận hèn không dám làm quen với người cũ, ví như chim bay mỏi mà không tìm được rừng xưa.

(4) Việc đời ai làm lanh thời được trước, ví như chậm bước thời bến cũ cũng không chờ mình.

(5) Hảo-tâm là lòng tốt.

XL

995. Dắt Tiên vào chốn tiền-đường,
Vũ-công xem thấy, lòng càng hổ ngươi.
997. Chẳng qua sợ thế-gian cười,
Mở lời gắng gượng chào người ngày xưa.
999. « Ngư-ông đã có công đưa,
« Về sau ta phải lo lừa đền ơn. » (1)
1001. Ngư rằng. « Tôi chẳng trông ơn
« Cho tròn nhân nghĩa thời hơn bạc vàng.
1003. « Nhớ xưa trong núi Lư-san, (2)
« Có ông Ngư-phủ đưa chàng Ngũ-viên. (3)
1005. « Đến sau Đình-trưởng nghị-thuyền, (4)
« Đưa ông Hạng-vũ ở miền Ô-giang. (5)
1007. « Xưa còn thương kẻ mắc nàn,
« Huống nay bao nỡ lấp đường nhân-duyên. »
1009. Ngư-ông từ tạ xuống thuyền,
Vũ-công xem thấy lòng phiền muộn thay.
1011. « Vân-Tiên ngươi hởi ngồi đây!
« Cho ta trở lại sau này liệu toan. » (6)

Đoạn XL (Câu 995-1012)

Vừa đi tới nhà, thấy Vũ-công ra hình chào gượng. Vũ-công kiếm lời tạ ân Ngư-phủ, nhưng ông Ngư không chịu kể ơn. Lúc Ngư-ông ra về, Vũ-công bảo Tiên ngồi lại, để vào nhà trong.

(1) Câu này và câu trên lời Vũ-công nói.

(2) Lư-sơn là tên một hòn núi ở về phần đất tỉnh Hà-nam nước Tàu.

(3) Ngũ-viên là Ngũ-tử-Tư người nước Sở đời Xuân-thu ; lúc cha anh bị nạn, Tử-tư phải bỏ chạy qua nước Ngô, đi xin dọc đường, may đến phần đất Lư-sơn có ông làng chài giúp cho.

(4) Nghị-thuyền là cầm thuyền.

(5) Ô-giang là tên một bến sông ở về phần đất tỉnh Yên-huy nước Tàu. Lúc ông Hạng-vũ bị quân Hán đánh đuổi, chạy đến Ô-giang, có ông Đình-trưởng cầm thuyền đợi đó, để đưa ông qua. Nhưng ông ấy không qua mà tự-vẫn chết ở đó.

(6) Câu này và câu trên lời Vũ-công nói.

XLI

1013. Công rằng : « Mụ hỡi Quỳnh-trang !
« Cũng là ái-nữ Thái-loan thế nào ? (1)
1015. « Mặc bay toan liệu làm sao,
« Vốn không ép vợ, lẽ nào ép con. »
1017. Loan rằng : « Gót đỏ như son,
« Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn.
1019. « Ai cho sen húng một bồn, (2)
« Ai cho chanh khế sánh cùng lựu lê.
1021. « Thà không trói chịu một bề,
« Há đem mình ngọc dựa kề vũ-phu. » (3)
1023. Trang rằng : « Quan phẩm, danh-nho, (4)

« Rể đâu có rể đui mù thế ni.
1025. « Tai nghe người nói hội này,
« Có Vương-tử-Trực đậu rày thủ-khoa. (5)
1027. « Ta dầu muốn kết đâu-gia,
« Họ Vương họ Vũ một nhà mới xinh. »
1029. Công rằng : « Muốn trọn việc mình,
« Bày toan một chước dứt tình cho xong. »
1031. Trang rằng : « Nghe núi Thương-tùng,
« Có hang thăm thẳm bít bùng khôn ra.
1033. « Đông-thành nghìn dặm còn xa,
« Đem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu. »
1035. Bóng cây trăng đã gác đầu,
Vân-Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.
1037. Vũ-công ra trước dỗ chàng,
Xuống thuyền cho trẻ đưa sang Đông-thành.
1039. Ra đi vừa lúc tan canh,
Dắt vào hang thẳm bỏ đành Vân-Tiên.
1041. Bỏ rồi ren-rén bước liền,
Xuống cây chèo quế tếch thuyền đã xa. (6)

Đoạn XLI (Câu 1013-1042)

Ông vào nhà sau, giả trò hỏi con hỏi vợ tính liệu làm sao ? Tùy duyên con cha nào có ép. Khi ấy mẹ con thấy Vân-Tiên lưu-lạc, đều cũng không ưng ; con nói mình ngọc không lẽ kề vũ-phu, mẹ ước rể thủ-khoa, đợi gả

cho Vương-tử-Trực. Vũ-công chưa biết thế nào tính liệu, bà Quỳnh-trang bảo đem bỏ Vân-Tiên trong hang cho rồi. Ông nghe lời, mới dối Tiên xuống thuyền, khiến người đưa về quê quán. Nào hay thuyền đi thăm thẳm, dắt Tiên bỏ vào hang mà lui thuyền về.

(1) Ái-nữ là gái yêu.

(2) Bồn là chậu ; đám đất vây tròn cũng gọi là bồn.

(3) Vũ-phu là thứ đá giống ngọc mà không phải ngọc. Cũng có nghĩa là bọn vũ-dũng.

(4) Quan-phẩm là phẩm quan. Danh-nho là học trò có tiếng.

(5) Thủ-khoa là đầu khoa.

(6) Chèo quế bởi chữ quế trạo, là cái chèo làm bằng gỗ quế.

XLII

1043. Tiên rằng : « Các chú đưa ta,
« Công ơn xin đến quê nhà sẽ hay.
1045. « Cậy lòng dốc trọn thảo ngay,
« Một phen cho khỏi, nghìn ngày chẳng quên. » (1)
1047. Vẳng tai tiếng nói hai bên,
Trong hang tăm tối, đá phên chất trồng.(2)

1949. Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
Nghĩ ra mới biết Vũ-công hại mình.
1951. Nực cười con tạo trớ-trênh, (3)
Chữ duyên tráo-trác, chữ tình đổi trao.
1953. Kể ra tai nạn xiết bao,
Mới lên khỏi bến, lại vào trong hang.
1955. Dây sầu ai khéo vấn-vương,
Lánh nơi lưới thỏ, gặp đường bẫy beo. (4)
1957. Trong hang trước quạnh sau heo, (5)
Muốn ra cho khỏi, ai dìu ta đi.
1959. Oan gia ai khéo trước bày, (6)
Ôi thôi thân-thể còn gì mà toan.
1061 Đã đành xa cõi nhân-gian,
Lánh mình vào chốn thạch-bàn nằm co. (7)
1063 Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
Sương bay lác-đác, nằm co lạnh lùng.
1065 Năm canh chịu khát ròng ròng,
Nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai.

Đoạn XLII (Câu 1048-1066)

Tiên nằm trong hang, than vắn thở dài, nghĩ không biết thế nào ra cho khỏi ; xiết bao đói khát, nhờ ba hoàn thuốc để đỡ lòng hôm mai.

(1) Có bản chép là: Một phen tưởng đến nghìn ngày đáng quên.

(2) Đá phên là đá dựng như bức phên.

(3) Trớ-trênh cũng như nói trêu ngươi.

(4) Có bản chép là : Tránh nơi núi kềnh gặp đường hang beo.

(5) Quạnh-hiu là lặng lẽ. Có bản chép là: Quanh hang đá mọc tai mèo.

(6) Oan-gia là nhà có oan-trái.

(7) Thạch bàn là bàn đá.

XLIII

1067 Du-thần xem thấy thương hoài, (1)
Xét trong mình gã có bài phù thiêng. (2)
1069 Mới hay sự Lục-vân-Tiên,
Cùng nhau dìu dắt đều liền trở ra.
1071 Khỏi hang một dặm đã xa,
Tới nơi Đại-lệ trời đà rựng đông. (3).
1073 Du-thần trở lại sơn-trung, (4)
Vân-Tiên còn hãi giấc nồng mê-man.

Đoạn XLIII (Câu 1067-1074)

Lại nhờ trong mình có đạo phù thiêng, nên Du-thần thấy mà đưa ra khỏi, đưa đến nơi Đại-lệ, trời vừa sáng thì Du-thần trở lui.

(1) Du-thần là vị thần đi tuần-du.

(2) Phù thiêng là đạo bùa của thầy cho.

(3) Đại-lệ là tên một xứ đất.

(4)Sơn-trung là trong núi.

XLIV

1075 Lão tiều cơm gói sẵn sàng, (1)
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.

1077 *Quen đường Đại-lệ là chừng,*
Ra đi vừa thấy dấu chân bước vào. (2)
1079 *« Ôi thôi cọp bắt người nào ?*
« Người nào cọp bắt đem vào để đây.
1081 *« Hú hồn hú vía lão này,*
« Đi trưa chút nữa đốn cây gần rồi » (3)
1083 *Vân-tiên một giấc vừa rồi,*
Xảy nghe tiếng nói, gắng ngồi dài kêu.
1085 *Lão tiều nghe tiếng ai kêu,*
Chân dò chẳng khảo như trèo cây đa. (4)
1087 *Vừa bò vừa lết vừa la,*
« Phen này mắc phải yêu-ma hại già. » (5)
1089 *Tiên rằng : « Tôi vốn người ta,*
« Vì chưng mắc nạn mới ra thế này.
1091 *« Ngửa trông lượng cả cao dày,*
« Cứu tôi một lúc ơn tày tái-sinh. » (6)
1093 *Lão-tiều khi ấy hết kinh,*
Lại gần liền hỏi sự-tình mới hay ?
1095 *Chạnh lòng thương tới người ngay;*
« Nầy nầy đưa lão dắt tay về nhà ». (7)
1097 *Tiên rằng : « Đói đã xót xa ;*
» Nay đà sáu bữa chẳng hòa vị chi.
1099 *« Lại thêm rũ liệt tứ-chi,* (8)
« Muốn đi theo đó mà đi khôn dời ».
1101 *Lão-tiều để ngửa nón tơi.*
Mở ra cơm gói, khuyên mời Vân-tiên.
1103 *Trong mình ăn uống đã yên,*
Lão ra sức mạnh cõng Tiên về làng.

Đoạn XLIV (Câu 1075-1104)

Tiên đương nằm ngủ, vừa có ông lão Tiều vào rừng đốn củi, gặp lấy Tiên ngỡ là yêu ma; Tiều mới la lên, Tiên mơ màng tỉnh dậy, kể sự mình bị nạn, đề nhờ người cứu cho. Lão tiều cảm lời Tiên nói, giơ tay toan giất về nhà; nhưng Tiên chịu đói đã lâu ngày, chân đi không được, Tiều mở đùm cơm gói đưa mời Tiên ăn ăn rồi Tiều ra sức cõng Tiên về làng.

(1) Lão-tiều là ông già kiếm củi.

(2) Có bản chép là: Đi qua nghe tiếng vang lừng, thở than.

(3) Mấy câu này lời Lão-tiều nói.

(4) Cây đa tức là cây gia. Đây nói chân run như trèo cây.

(5) Có bản chép là: Phen này mắc phải yêu ma hại mình.

(6) Tái sinh là sinh lần thứ hai.

(7) Câu này lời Lão-tiều nói.

(8) Tứ-chi là bốn chi-thể: hai tay và hai chân.

XLV

1105 Khỏi rừng ra tới đầu đường,
May đâu xảy gặp một chàng Hán-minh.

1107 Lão-tiều lật đật bốn trình, (1)
Hán-minh theo hỏi sự-tình một khi.
1109 Vân-tiên nghe tiếng cố-tri, (2)
Nửa mừng, nửa sợ, nửa e phận mình.
1111 Minh rằng : « Nay hỏi nhân-huynh ? (3)
« Cớ sao nên nỗi thân hình thế nị. »
1113 Tiên rằng : « Chẳng xiết nói chi,
« Thân này nào có khác gì cây trôi.
1115 « Lênh đênh gió dập sóng dồi,
« Rày sông mai bến mấy hồi gian-nan. »
1117 Minh rằng: « Đây khó hỏi han,
« Vào chùa ta sẽ luận bàn cùng nhau. »
1119 Tiều rằng : « Chẳng khá nói lâu,
« Vào rừng đốn củi bán đầu chợ phiên. »
1121 Hán-minh theo hỏi lạy liền,
« Ơn ông cứu đặng Vân-tiên bạn lành.
1123 « Này hai lạng bạc trong mình,
« Tôi xin báo đáp chút tình cho ông. »
1125 Tiều rằng : « Ta vốn chẳng dùng,
« Một mình ngao ngán non tùng hôm mai. (4)
1127 « Tấm lòng chẳng muốn của ai,
« Lộc cây gánh vác hai vai nặng-nề.
1129 « Bạn bè cùng với lộc mê, (5)
« Sớm đi vượn rước, tối về thỏ đưa.
1131 « Mặc dầu bữa đói bữa no,
« Ai ngăn đòi nợ, ai ngừa bắt sưu.
1733 « Trong mình lánh việc công-hầu,
« Hôm mai non lĩnh mặc dầu vui say. »

1135 Vân-tiên nghe biết người ngay,
Hỏi thăm tên họ, phòng ngày đền ơn.
1127 Lão-tiều trở lại lâm-sơn, (6)
Tiên, Minh hai gã đều về am-mây.

Đoạn XLV (Câu 1105-1138)

Tiều cùng Tiên ra khỏi rừng, đến đầu đường gặp bạn tên là Hán-minh chạy theo hỏi sự đầu đuôi, mới cùng nhau kể hết gian nan mọi nỗi. Tiều giục đi mau, để về đốn củi. Hán-minh cảm ơn Tiều cứu bạn mình, đưa hai lạng bạc giả ơn, Lão-tiều từ đi mà không nhận. Tiên nghe biết Tiều là một người ẩn-dật, tiễn Tiều trở lại cùng Hán-minh đem nhau về

(1) Bôn là chạy.

(2) Cố-tri là người quen biết cũ.

(3) Nhân-huynh là anh, chữ dùng để tôn xưng nhau.

(4) Non tùng là núi có cây thông.

(5) Lộc mê là hươu nai.

(6) Lâm sơn là rừng núi.

(7) Am mây bởi chữ Vân-am, chỉ cái am trước chùa.

XLVI

1139 Tiên rằng: « Đã gặp khoa này,
« Cớ sao Ngọc-hữu ở đây làm gì ? »

1141 *Minh rằng : « Xưa dốc xuống thi,*
Gặp nhau miếu-võ đều đi một lần.
1143 *« Anh thời hồi quán tĩnh-thân,* (2)
« Em mang trắp sách trước lần ra kinh.
1145 *« Vừa đi tới quận Loan-linh,* (3)
« Gặp con tri-phủ Đặng-sinh là chàng. (4)
1147 *« Giàu sang quen thói hoang-đàng,*
« Gặp con gái tốt, làm ngang chẳng vì.
1149 *« Tôi bèn nổi giận một khi,*
« Vật chàng xuống đó, bẻ đi một dò.
1151 *« Mình làm mình để ai lo ;*
« Chấp tay chịu buộc nạp cho huyện-đường (5)
1153 *« Vừa đày ra quận Sóc-phương,* (6)
« Tôi bèn phá ngục tìm đường về đây.
1155 *« Vừa may lại gặp chùa này,*
« Mai-danh ẩn-tích bấy chầy náu nương. » (7)
1157 *« Vân-tiên nghe nói, chạnh thương,*
Đều bày các việc gian-nan trong mình.
1159 *Hán-minh nghe nói động tình,*
Mắt sa hạt lệ như bình nước nghiêng.
1161 *Tiên rằng : « Nhớ cội xuân thiêng,* (8)
« Tác cao tuổi lớn chịu phiền lao-đao.
1163 *« Trông con như cá trông sao,*
« Mệnh này há dễ phương nào biết đâu.
1165. *« Một vừng khăn trắng che đầu,*
« Ba năm chưa trọn một câu sinh thành.
1167 *« Hiển-vinh chưa thấy hiển-vinh,*
« Tiểu-đồng trước đã vì mình thác oan.
1169 *« Tưởng ra như cắt ruột gan,*
« Tưởng bao nhiêu, lại chứa chan đôi lần.

1171 Minh rằng : « Người ở trong trần,
« Có khi phú quí, có lần gian-nan.
1173 « Thấp cao vàng biết tuổi vàng, (9)
« Gặp khi lửa đỏ, màu càng thêm ghê. (10)
1175 « Bây giờ anh chớ vội về,
« Ở đây nương náu toan bề thuốc thang.
1177 « Bao giờ hết lúc tai-nàn,
« Đem nhau ta sẽ lập đường công-danh.
1179 « Cam-la bị cực lại hanh, (11)
« Đứng đầu sĩ-tử cũng vinh mấy đời. (12)
1181 « Nên chăng có đất có trời,
« Ra tay kinh-tế, việc đời cũng xong. » (13)
1183 Vân-tiên khi ấy an lòng ;
Ở đây ẩm-tự bạn cùng Hán-minh.

Đoạn XLVI (Câu 1183-1184)

Tiên hỏi Minh khoa này sao không thi, còn ở đó làm gì ? Minh kể việc đi đến Loan-linh gặp tên Đặng-sinh, cậy thế con quan phủ, mà ức hiếp con gái, mới đem bẻ đi một dò, phải chịu tội đày ra Sóc-phương, sau phá ngục về chùa ở ẩn. Tiên cùng Minh tự tình hoạn-nạn, nước mắt chứa chan. Tiên than thở vì xót mẹ khuất bóng, thương cha đeo phiền, lại nhớ Tiểu-đồng thác oan biết bao đoạn thảm ! Minh bàn trăng có khi tròn khi khuyết, nước có

khi đầy khi vơi, thời cuộc đời bĩ thái là thường, hãi nên bấm chí. Bây giờ đương khi tai nạn, ở lại rồi toan bề lập thân. Tiên thấy Minh ân cần, mới cùng Minh ở lại nơi Am-tự.

(1) Ngọc hữu là bạn quí.

(2) Hồi-quán tỉnh-thân là về làng thăm cha mẹ.

(3) Loan-linh là tên một quận nước Tàu, đời xưa có quan Thứ-sử cai-tri

(4) Tri-phủ là tên một chức quan cai trị một phủ.

(5) Huyện-đường là nha thự làm việc quan trong một huyện.

(6) Sóc-phương là tên một quận đời Hán, tức là phần đất Nội-mông-cổ bây giờ.

(7) Mai-danh ẩn-tích là tránh tiếng ẩn dấu.

(8) Xuân thiêng bởi chữ linh-xuân, chỉ cha. Có bản chép là : Tiên rằng : Trộm nhờ nhà thông.

(9) Bạn tri-kỷ biết nhau ví như vàng biết tuổi vàng.

(10) Vận đỏ ví như lửa đỏ.

(11) Cam-la là tên người nước Tần đời Chiến-quốc, con trai ông Cam-mậu, mười hai tuổi đã ra làm quan đi sứ qua Triệu, bảo vua nước ấy cắt đất năm thành để thờ vua nước Tần. Bị là cực khổ. Hanh là thông đạt.

(12) Sỹ-tử là học trò. Có bản chép là : Muộn-màng Khuông-tử cũng vinh một đời.

(13) Kinh-tế là sắp đặt.

XLVII

1185 Vũ-công lấy việc tró trênh,
Dứt tình họ Lục, kết tình họ Vương.
1187 Kể từ hang thẳm-hại chàng,
Thái-loan đành dạ, lòng càng thêm vui.
1189 Ngày ngày trang điểm phấn dồi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngồi cho xuê.
1191 Phút đâu Tử-trực vừa về,
Vào nhà họ Vũ thăm bề Vân-tiên.
1193 Công rằng : « Nhớ nỗi Vân-tiên,
Nó đà lâm-bệnh hoàng-tuyền xa chơi. (1)
1195 « Thương chàng phận bạc như vôi,
« Cũng vì Nguyệt-lão xe lơi chỉ hồng. »
1197 Nghe qua Tử-trực động lòng,
Hai hàng nước mắt ròng ròng như mưa.
1199 Than rằng : « Rày nhớ tình xưa,
Nghĩa đà kết nghĩa, tình chưa tỏ tình.
1201 « Trời cao nỡ hại người lành,
« Bảng vàng chưa chiếm ngày xanh đã mòn. 2)
1203 « Cùng em chưa được vuông tròn,(3)
« Người lành thời mất ta còn làm chi.
1205 « Trong đời mấy bực kỳ-tri, (4)
Mấy trang đồng - đạo, mấy nghì đồng-tâm. » (5)

1207 Công rằng : « Ta cũng tủi thầm,
« Tủi duyên con trẻ sắt cầm dở-dang. (6)
1209 « Thôi thôi đó chớ thở than,
Đây đà tính được một đàng rất hay.
1211 « Tới đây thời ở lại đây,
Cùng con gái lão vui vầy thất-gia. (7)
1213 « Phòng khi sớm tối vào ra,
« Thấy Vương-tử-Trực cũng là Vân-tiên. »
1215 Trực rằng : « Là nghĩa bút nghiên, (8)
« Anh em trước đã kết nguyền cùng nhau.
1217 « Vợ Tiên là Trực chị dâu, (9)
« Chị dâu em bạn có đâu lỗi nghì.
1219 « Chẳng hay người học sách chi,
Nói ra những chuyện dị-kỳ khó nghe.
1221 « Hay là học thói nước Tề,
« Vợ người Tử-củ đưa về Hoàn-công (10)
1223 « Hay là học thói Đường-cung. (11)
« Vợ người Tiểu-lạt sánh cùng Thế-dân. » (12)
1225 Võ-công mặt mũi sượng sần,
Miệng trơ như đỉa ăn lầm phải vôi.
1227 Thái-loan trong trướng ra ngồi,
Mỉn chào « Thầy cử tân-khôi mới về. (13)
1229 « Thiếp đà chẳng trọn lời thề,
Lỡ bề đỡ gối, lỡ bề nâng khăn. (14)
1231 « Tiếc thay lòng thỏ khăng khăng, (14)
« Nấp rèm chờ đợi bóng trăng bấy chầy. (15)
1233 « Chẳng ưng thời cũng làm khuây,

« Nỡ đem tiếng nói làm vầy chẳng kiêng »
1235 *Trực rằng: « Ai Lã-phụng-Tiên, (16)*
« Phòng loan đem thói Điêu-Thuyền trêu ngươi. (17)
1237 *« Mả chồng ngọn cỏ còn tươi.*
« Lòng nào lòng nỡ đem lời nguyệt-hoa. (18)
1239 *« Ý xem vậy cũng người ta,*
« Suy loài cầm-thú nào là khác chi. (19)
1241 *« Vân-tiên anh hỡi cố-tri! (20)*
« Suối vàng có biết việc này cho ta. »
1243 *Tay lau nước mắt trở ra.*
Về nhà sắm sửa tìm qua Đông-thành.
1245 *Vũ-công hổ thẹn trong mình.*
Năm ngày nằm bệnh thất tình thác oan. (21)
Thái-loan cùng mụ Quỳnh-trang,
Mẹ con đóng cửa để tang trong nhà.

XLVII (Câu 1184-1248)

Vũ-công từ thấy Tiên ngộ biến, dứt tình họ Lục, để kết tình họ Vương. Chẳng bao lâu vừa Tử-trực về, vào hỏi thăm Tiên nơi nhà họ Vũ, Vũ-công nói Vân-tiên lâm bệnh đã chết ra ma rồi. Tử-trực nghe động lòng thương, than khóc vì trời hại người lành, buồn rầu khôn xiết. Vũ-công khuyên Trực đừng sầu não, Tiên đã thiệt phận mất rồi, có vàng khôn

chuộc nữa. Thôi Thái-loan bây giờ cho kết duyên cùng Tử-trực, một nhà sum hợp, được thấy Trực cũng như thấy Tiên. Trực nói Trực cùng Tiên là anh em bạn, có lẽ nào lại cưới vợ nhau, đó là những thói dâm-ô, học thói Tề Đường ngày trước. Vũ-công hổ mặt, không thể trả lời, Thái-loan vừa ra, mỉm chào thầy cữ, lại kiếm lời để ghẹo tình nhân. Nào hay Tử-trực mắng chửi một hồi, bỏ nhà Vũ-công mà đi tới Đông-thành thăm bạn. Vũ-công nghĩ mà xấu hổ, nội năm ngày nằm bệnh chết luôn; mẹ con ở nhà để tang, đóng cửa mà không đi đâu nữa.

(1) Hoàng-tuyền là suối vàng, nói ở dưới đất.

(2) Bảng vàng bởi chữ kim-bảng, nói bảng thi.

(3) Em là lời Tử-trực tự xưng.

(4) Kỳ-tri tức là tri-kỷ là người bạn biết mình.

(5) Đồng-đạo là đồng học. Đồng-tâm là đồng lòng.

(6) Sắt cầm xem chú thích câu 346.

(7) Thái-gia lấy chữ trong sách Mạnh-tử.

nói trai có vợ, gái có chồng.

(8) Nghĩa bút nghiên là bạn học.

(9) Trực chị dâu tức là chị dâu của Trực, đặt tréo như thế cho có vần.

(10) Tử-củ là em ruột Tề Hoàn-công, sau Hoàn-công giết Củ mà chiếm lấy vợ.

(11) Đường-cung là trong cung nhà Đường.

(12) Tiểu-lạt-vương là hiệu của Nguyên-cát, bị anh ruột là Thế-dân (tức là Đường Thái-tôn) giết đi mà chiếm lấy vợ.

(13) Tận-khôi là đậu đầu.

(14) Bởi tích thủ châu đãi thỏ, nước Tống có người cày ruộng, một hôm thấy con thỏ chạy qua ruộng, đụng phải gốc cây mà chết. Nhân đó người ấy hôm nào cũng đến ôm gốc cây để chờ bắt thỏ; thỏ bắt không được mà người nước Tống ai cũng cười là cố-chấp, Chữ thỏ câu này cũng có nhà cho làm con ngọc-thỏ ở cung trăng.

(15) Câu này ý nói chực tiết phòng hương mà chờ người tri-kỷ.

(16) Lã-bố tự là Phụng-tiên, người đời Đông-hán, thờ Đổng-trác mà thờ làm cha con, sau giết Đổng-trác.

(17) Điêu-thuyền là tên một đứa con gái ông Vương-Doãn, vào thờ Đổng-trác mà dùng miệng làm cho Đổng-trác cùng Lã-bố ngờ nhau, sau Lã-bố giết Đổng-trác.

(18) Nguyệt-hoa là trăng hoa, chỉ cách trai gái chơi bời.

(19) Cầm-thú là chim muông.

(20) Cố-tri xem chú thích câu 1109.

(21) Thất-tình là bảy tình người ta. Đây nói Vũ-công chết vì bệnh nội-thương.

XLVIII

1249 Đoạn này tới đoạn Nguyệt-nga,
Hà-khê phủ ấy theo cha học-hành,
1251 Kiều-công lên chức Thái-khanh (1)
Sai ra ngoài quận Đông-thành trị dân.
1253 Ra tờ đòi khắp bốn phương,
Hỏi thăm họ Lục nguồn cơn ở đời.
1255 Dạy quân đem bức thư mời,
Lục-ông vâng lịnh tới nơi dinh-tiền. (2)
1257 Kiều-công hỏi chuyện Vân-tiên,
Lục-ông nhớ tới bỗng liền khóc than :
1259 « Bấy lâu nghe tiếng đồn vang,
« Con tôi nhiệm bệnh giữa đường bỏ thây.
1261 « Biết tin từ ấy tới nay,
« Phút nghe lời nói ngày rày lại thương. »
1263 Kiều-công trong dạ thảm thương.»
Trở vào nói chuyện cùng nường Nguyệt-nga.
1265 Nga rằng : « Nhớ lúc đường xa,
« Xin mời họ Lục, đem ra hậu đường.»
1267 Kiều-công e sợ tiếng nường. (3)
Lục-ông vào chốn hậu-đường ngồi xong.
1269 Nguyệt-nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng, khóc ròng như mưa.

1271 Công rằng: « Bức tượng ngày xưa,
« Nguyệt-nga con khá đem đưa người nhìn.»
1273 Tỏ bày các việc như in, (4)
« Lục-ông khi ấy mới tin sự-tình.
1275 Công rằng : « Nghĩa cũ đinh-ninh.
« Nhớ quên hai chữ ân tình thuở xưa.
1277 « Bạc vàng lễ mọn xin đưa,
« Của này làm nghĩa đền xưa ơn chàng.
1279 Lục-ông đứng dậy đáp rằng :
« Tôi đâu dám chịu bạc vàng làm chi
1281 « Ngỡ là con trẻ mất đi,
« Hay đâu cốt cách còn ghi tượng này.
1283 « Nay đà bắt được con đây,
« Tấm lòng thương nhớ cũng khuây được rồi»
1285 Lục-ông từ tạ xin lui,
Kiều-công sai kẻ đưa hồi của cho. (5)

Đoạn (Câu 1248-1286)

Đoạn này lại kể chuyện Nguyệt-nga, theo Kiều-công ở Hà-tiên-Phủ. Nhân khi Kiều-công thăng chức, được hoán bổ tới quận Đông-thành, hỏi thăm quê quán Vân-tiên, viết thư mời Lục-ông đến hỏi. Lục-ông kể lời đồn đại, Vân-tiên nhiễm bệnh đã mất rồi. Kiều-công nghe cũng thảm thương, vào hậu-đường nói cùng Nguyệt-nga biết, và mời Lục-ông ra hậu-đường

ngồi đó, đ: trò chuyện với nhau. Ông ra hậu-đường, thấy Nguyệt-nga còn ôm bức tượng mà khóc, Kiều-công bảo Nga đưa tượng ấy cho ông xem thử, thời cốt-cách đều in. Kiều-công lại lấy tiền bạc đưa cho Lục-ông, nhưng ộng từ đi không nhận, lại nói : « Ngỡ con đã chết mất rồi, mà bây giờ lại được thấy, đoái trông bức tượng, cũng đủ làm khuây. Nói rồi từ tạ xin lui, Kiều-công bảo người đem đến nhà cho tiền của.

(1) Thái-khanh là chức quan khanh lớn.

(2) Đinh-tiền là trước đình.

(3) Kiều-công nghe lời nói Nguyệt-nga mà phải mời Lục-ông.

(4) Đoạn này có bản chép là : Nàng liền ren rén dâng lên, Lục ông xem thấy như in con mình. Cớ sao họa ảnh đồ hình, hay là mắc phải tội tình chi đây. Kiều-công khi ấy giãi bày, Lục-ông nghe rõ mới hay sự tình.

(5) Hồi là đưa tới nhà.

LIX

1287 *Nguyệt-nga nhiễm bệnh nằm co,*
Trong mình trăm mối, đã lo lại sầu.
1289 *« Tôi đã chờ đợi mấy lâu,*
« Đã không cho gặp buổi đầu thời thôi.

1291 « Biết nhau chưa được mấy hồi,
Kẻ còn người mất trời ôi hỡi trời !
1293 « Thuở xưa chưa giả mấy lời,
« Khá khen quân-tử biết đời nào phai.
1295 « Thương vì người đấng anh-tài, (1)
« Nghề văn nghiệp vũ nào ai sánh cùng.
1297 « Thương vì đèn sách có công,
« Bốn phương chưa được tang bồng một câu.
1299 « Thương vì hai tám tuổi đầu,
« Người đời như bóng phù-du lỡ-làng. (2)
1301 « Thương vì chưa được hiển-vang,
« Nước trôi hoa dạt sớm tàn công-danh. (3)
1303 « Thương vì đôi lứa chưa thành
« Vò hương bát nước ai đành ngày sau » (4)
1305 Năm canh tầm-tã hạt châu,
Đoái nhìn bức tượng, ruột đau như dồi.
1307 Than rằng chưa được mấy hồi,
Ngày sau biết có gặp đôi chăng là.
1309 Kiều-công trong trướng bước ra,
Nghe con than thở, xót-sa lòng vàng.
1311 Khuyên con thời chớ đa mang, (5)
Gẫm bề còn mất là thường xưa nay.
1313 Âm tình càng tưởng càng dày,
Chẳng qua máy tạo đổi xây chẳng thường. (6)
1315 Nga rằng: « Không xiết nỗi thương,
« Khi không đứt gánh giữa đường nào hay,
1317 « Nay đà loan phượng lạc bầy, (7)
« Nệm nghiêng gối chếch phận này đã ưng. (8)
1319 « Biết bao nhiêu nỗi phong-trần,

« Sông Tương đưa bạn, cầu Ngân đưa người. (9)
1321 « Thân con còn đứng giữa trời,
« Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi. »
1323 Kiều-công lòng rất chẳng vui,
Con đà thủ tiết, con xui lẽ nào.

Đoạn LIX (Câu 1287-1324)

Nguyệt-nga thương nhớ, mang bệnh tương-tư, năm canh khóc than : bỗng đâu mà kẻ khuất người còn, lần này trót chẳng gặp nhau, ngày sau biết có lần nào nữa. Những thương người có tài có học mà xuân xanh đến thế thời thôi ! Kiều-công thấy con buồn, mới giải bàn lẽ xưa nay còn mất là thường, chẳng qua tại vì duyên phận. Nguyệt-nga nghĩ mình phận mỏng, chán nỗi phong trần, một đời thời thế là xong, xin cùng cha để thờ bức tượng mà trọn đời thủ-tiết. Kiều-công nghe nói buồn bã xiết bao !

(1) Anh-tài là tài giỏi.

(2) Phù-du là tên một loài trùng có cánh thường năm cuối mùa hè đầu mùa thu thời bay trên mặt nước, người ta thường bảo thứ trùng ấy sớm mai sinh đến tối rồi chết.

(3) Nước trôi hoa dạt bởi chữ thủy-lưu hao-ta, tả cảnh lênh đênh cực khổ.

(4) Chưa có con cúng đơm ngày sau.

(5) Đa-mang là nhiều cảnh bận bịu.

(6) Máy tạo bởi chữ hóa cơ, nói việc trời làm kín nhiệm.

(7) Loan-phượng là tên hai thứ chim thường dùng để ví vợ chồng.

(8) Suốt đời chịu nằm không một mình.

(9) Sông Tương là chỗ hai bà phi khóc vua Thuấn. Cầu Ngân là cái cầu ở trên sông Ngân để cho chàng Ngưu ả chức qua lại cùng nhau.

L

1325 Có người chức cả ngôi cao,
Thái-sư chức chịu trong triều sắc phong.(1)
1327 Nghe đồn con gái Kiều-công,
Mới mười bốn tuổi chỉ hồng chưa loan.
1329 Thái-sư dùng lễ-vật sang,
Mượn mối-dóng nói kết đàng thông gia. (2)
1331 Kiều-công khôn ép Nguyệt-nga,
Lễ đưa trả lại về nhà Thái-sư.
1333 Thái-sư chẳng biết rộng suy,
Đem điều oán hận lại ghi vào lòng.
1335 Phút đâu Phiên-quốc giao phong.(3)
Ô-qua nước ấy binh-nhung dấy loàn.
1337 Đánh vào tới ải Đồng-quan, (4)
Sở-vương lòng sợ, hỏi han quần-thần.(5)
1339 « Sao cho yên nước yên dân ?

« Triều-trung ai có phép thần tâu qua. »
1341 Thái-sư nhân việc ở nhà,
Vội-vàng quì gối tâu qua mọi lời :
1343 « Vì xưa giặc nổi bời bời,
« Cũng vì thám sắc ở đời Trung-hoa, (6)
1345 « Muốn nay khỏi dấy can-qua, (7)
« Đưa con gái tốt giao-hòa thời xong.
1347 « Nguyệt-nga là gái Kiều-công,
« Mới mười bốn tuổi má hồng đương xanh.
1349 « Nàng thêm quốc-sắc khuynh-thành. (8)
« Lại thêm hai chữ tài lành rất ngoan.
1351 « Trong triều có một mình nàng
« Gả cho Phiên-quốc ắt an mọi đường. »
1353 Sở-vương nghe đẹp lòng vàng,
Châu-phê Khiển-sứ đem sang Đông-thành. (9)
1355 Sắc sai : « Họ Kiều Thái-khanh,
Việc trong nhà nước đã dành cho ngươi. (10)
1357 « Nguyệt-nga nàng ấy nên người,
« Chọn ngày tháng chín hai mươi cống Hồ. »

Đoạn L (Câu 1325-1358)

Nguyệt-nga nhan sắc khác thường, có tiếng đồn đến kinh-quốc, quan Thái-sư mượn người đưa mối, và đưa lễ vật tới, xin kết đường thông gia ; nhưng Nguyệt-nga đã quyết một bề, Kiều-công phải đưa lễ giả. Thái-sư oán giận, đeo lòng hại người, nhân

khi có giặc Ô-qua, thiết kế giao hòa tâu cùng vua Sở, và tâu con gái đẹp, thời trong nước không có ai tày con Kiều-công, xin bắt cống vua Phiên, thời mới yên việc nước. Sở-vương khi ấy sai sứ qua Đông-thành, vâng lời sắc bảo Kiều-công, cho nàng Nguyệt-nga đến ngày hai mươi tháng chín phải đem cống Hồ.

(1) Thái-sư là tên một chức quan lớn nhất trong cung.

(2) Môi-đong là người làm mối, Thông-gia là gả con cho nhau.

(3) Phiên-quốc là nước ngoài. Giao-phong là đánh nhau.

(4) Đồng-quan là tên một cửa ải nước Tàu.

(5) Sở-vương là vua nước Sở. Quần thần là các quan trong triều.

(6) Trung-hoa là nước Tàu.

(7) Can qua là dòng-mác, nói những đồ ra trận.

(8) Quốc-sắc là sắc đẹp hơn người trong nước. Khuynh-thành lấy chữ trong bài ca ông Lý-diên-Niên nói sắc đẹp con gái làm cho người ta ham mê, đến nỗi thành nghiêng nước đổ.

(9) Châu-phê là chữ son vua phê. Khiến sứ là sai sứ.

(10) Ngươi là chỉ Kiều-công.

LI

1359 Kiều-công vâng chỉ cống Hồ,
Lòng ngay nào dám nói co lẽ nào (1)
1361 Nguyệt-nga trong dạ như bào,
Canh chầy chẳng ngủ những thao-thức hoài. (2)
1363 Thất-tình chăm cũng biếng cài,
Dựa màn thở ngắn thở dài ngồi lo : (3)
1365 « Chiêu-quân xưa cũng cống Hồ, (4)
« Bởi ngươi Diên-thọ họa đồ cho nên. (5)
1367 « Hạnh-nguyên xưa cũng cống Phiên, (6)
« Bởi ngươi Lư-kỷ cựu-hiềm còn ghi. (7)
1369 « Hai nàng trước đã phải đi,
« Một vì ngay chúa, hai vì thảo cha.
1371 « Chiêu-quân nhảy xuống Hắc-hà, (8)
« Thương vua nước Hán, phải ra liều mình.
1373 « Hạnh-nguyên nhảy xuống Tri-linh, (9)
« Thương nghì Lương-ngọc, trọn mình được tha. (10)
1375 « Tới nay bạc phận là ta,
« Nguyền cùng bức tượng tiếng đà chung-thân. (11)
1377 « Tình phu-phụ, nghĩa quân-thần, (12)
« Tình mà chẳng trọn, Châu Trần sao nên (13)
1379 « Hai bên sửa cả hai bên, (14)
« Muốn ngay cùng chúa, nỡ quên ơn chồng,
1381 « Sa cơ một chút thời xong,

« Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự-phu. » (15)
1383 « Kiều-công nương gối dương sầu,
Nghe con than khóc mấy câu thêm phiền.
1385 Gọi vào ngồi dựa trướng-tiền, (16)
Lấy lời dạy nhủ cho tuyền thân-danh.
1387 Chẳng qua là việc Triều-đình.
Nào cha có muốn ép tình chi con.
1389 Nàng rằng : « Con sá chi con,
« Bơ-vơ cái phận thác còn quản bao.
1391 « Thương cha tuổi hạc đã cao, (17)
« E khi ấm lạnh lúc nào biết đâu.
1393 « Nào trong thời-vận thêm sầu, (18)
« Sớm thăm, tối viếng ai hầu cùng cha. »
1395 Công rằng : « Chẳng nghĩ việc nhà,
« Hỡi an dạ trẻ mà qua nước người.
1397 « Hôm nay đã tới mồng mười,
« Phải toan sắm sửa hai mươi xuất-hành. »
1399 Nàng rằng : « Việc ấy đã đành,
« Còn lo hai chữ ân-tình chửa xong.
1401 « Con xin qua lạy Lục-ông,
« Làm chay bảy bữa, trọn cùng Vân-tiên.
1403 « Xin cho ơn nghĩa vẹn tuyền,
« Phòng khi xuống chốn hoàng-tuyền gặp nhau. »

Đoạn LI (Câu 1359-1404)

Sắc chỉ tới nơi, Kiều-công chẳng dám hở môi, mà Nguyệt-nga thời khóc ngồi khóc đứng, kể lại Chiêu-

quân và Hạnh-nguyên việc cũ, cũng vì người mà bắt cống Hồ; tới nay nàng cũng phải đi, hãy học lấy hai nàng ngày trước. Kiều-công liệu lời khuyên dỗ, bảo việc ấy là tự Triều-đình. Nhưng nàng chỉ phàn nàn, cha già, biết lấy ai quạt nồng ấp lạnh; phòng khi mưa gió, biết nhờ ai viếng thăm. Kiều-công giục-giã xuất-hành, nàng còn xin qua nhà họ Lục, để làm chay cho Vân-tiên, gọi là giả chút nghĩa người, trước sau cho vẹn.

(1) Có bể qua cách khác.

(2) Thao-thức là tả cảnh ngủ không yên.

(3) Có bản chép là: Bên màn buông xọa tóc dài ngồi lo.

(4) Bà Chiêu-quân tên là Vương-tường người trong cung vua Hán. Khi chọn người gái đẹp để cống nước Hồ, vua nhà Hán sai Diên-thọ vẽ hình các cung-nữ, sau chọn phải bà Chiêu-quân.

(5) Diên-thọ là tên một người thợ vẽ khéo đời Hán.

(6) Hạnh nguyên là con gái ông Trần-nhật-Thăng đời Đường, có thù với Lư-Kỷ, nên nàng ấy bị bắt đi cống nước Phiên.

(7) Lư-Kỷ là tên một người gian-thần đời Đường Túc-tôn.

(8) Hắc-hà là tên con sông ; Chiêu-quân đi cống Hồ gieo mình xuống sông ấy.

(9) Trì-linh là tên cái đầm ở sau lèn Lạc-nhạn ; lúc Hạnh-Nguyên đi cống nước Phiên, nằm mộng cảm lời Chiêu-quân mà gieo mình xuống đầm ấy.

(10) Mai-bích tự là Lương-ngọc, con trai ông Mai-khôi. Lúc Hạnh-nguyên đi cống Hồ nhảy xuống đầm Trì-linh. Sau nàng ấy trở về nước Tàu, nhờ có chồng nàng là Mai-bích tâu xin vua Tàu tha tội cho.

(11) Chung-thân là trọn đời.

(12) Phu-phụ là vợ chồng. Quân-thần là vua tôi.

(13) Châu Trần là tên hai họ ở trong một làng mà đời đời làm thông gia với nhau.

(14) Sửa là chính, thẳng.

(15) Báo chúa là trả ơn vua. Sự-phu là thờ chồng.

(16) Trướng-tiền là trước màn.

(17) Tuổi bạc xem chú thích câu 55.

(18) Câu này có bản chép là : Chỉ vì cha ngả bóng dâu.

LII

1405 Kiều-công biết nghĩ trước sau,
Ban cho tiền bạc cấp hầu đưa đi. (1)
1407 Lục-ông ra rước một khi,
Nguyệt-nga vào đặt lễ nghi sẵn-sàng.

1409 Ngày lành tắm gội lên đàn,
Ăn chay, nằm đất cho chàng Vân-tiên.
1411 Mở ra bức tượng treo lên,
Trong nhà cho tới xóm diềng đều thương.
1413 Nguyệt-nga mắng tiếng khóc chàng ; (2)
« Vân-tiên chàng ở suối vàng có hay. »
1415 Bảy ngày rồi việc làm chay,
Lại đem tiền bạc tạ rày Lục-ông :
1417 « Trông chồng mà chẳng thấy chồng;
« Đã đành một phận má hồng vô duyên. (3)
1419 « Từ rày lĩnh-giá về Phiên. (4)
« Quyết lòng xuống chốn hoàng-tuyền gặp nhau.
1421 « Chẳng chi cũng gọi tiếng dâu,
« Muốn lo việc nước phải âu việc nhà.
1423 « Một ngày một cách một xa,
« Của này để lại cho cha dưỡng già. »
1425 Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
Ngùi ngùi từ tạ bước ra trở về.

Đoạn LII (Câu 1405-1426)

Kiều-công nghe nói, cũng cấp tiền cho đi làm chay. Nàng liền sắm sửa lễ nghi, đưa qua nhà họ Lục, bày ra đàn cuộc, treo tượng lên làm chay bảy bữa. Việc chay đàn xong, lại trao tiền bạc cho Lục-ông dưỡng lão. Khóc than từ tạ, bước chân ra về.

(1) Hầu là đứa tớ gái.
(2) Chàng chỉ Vân-tiên.
(3) Vô-duyên là không duyên.
(4) Lĩnh-giá là bắt gả.

LIII

1427 Các quan xe ngựa bốn bề,
Năm mươi thị nữ theo kề chân tay. (1)
1429 Hai mươi nay đã đến ngày,
Các quan điều hộ đưa ngay xuống thuyền.(2)
1531 Nguyệt-nga vội khiến Kim-liên,
Lên hầu thân-phụ xuống thuyền thưa qua. (3)
1433 Công rằng . « Dạ đã xót xa
« Con đừng than khóc mà cha thêm sầu. »
1435 Nga rằng : « Non nước cao sâu,
« Từ nay cách biệt, khôn hầu thấy cha.
1437 « Thân con về nước Ô-qua,
« Đã đành một nỗi làm ma đất người.
1439 « Hai bên nam bắc xa vời,
« Trước xin gửi lại một lời làm khuây.
1441 « Hiu hiu gió thổi ngọn cây,
« Ấy là hồn trẻ về nay thăm già. »
1443 Kiều-công hạt lệ nhỏ sa,
Các quan ai nấy thấy mà đều thương.
1445 Chẳng qua việc ở quân-vương. (4)
Cho nên phụ-tử đôi đường xa-xôi. (5)
1447 Kèo buồm thuyền đã ra vời,
Các quan đưa đón ngùi ngùi đứng trông.

Đoạn LIII (Câu 1427-1448)

Vừa ngày hai mươi, quan quản và thị-nữ đến đưa Nguyệt-nga xuống thuyền ; nàng vội vàng đi không kịp thưa, sai Kim-liên mời Kiều-công xuống hầu chuyện. Công bảo phải sao chịu vậy, thôi đừng than khóc thêm phiền. Nàng nguyền về nước Ô-qua, thời khi nào trông ngọn cây gió thổi hiu hiu, ấy là cha con gặp mặt. Nghe lời nói thảm, ai đứng đó cũng tuôn nước mắt như mưa ; thuyền vượt ra khơi, cảm tình ly biệt.

(1) Thị-nữ là gái hầu.
(2) Điều-hộ là theo hộ.
(3) Thân-phụ là cha, chỉ Kiều-công.
(4) Quân-vương là nhà vua.
(5) Phụ-tử là cha con.

LIV

1449 Mười ngày vừa tới ải Đồng, (1)
Mông-mênh bể rộng đùng-đùng sóng xao.
1451 Hôm nay chẳng biết hôm nào,
Bóng trăng vằt-vặt bóng sao mờ-mờ. (2)
1453 Trên trời lặng lẽ như tờ,
Nguyệt-nga nhớ nỗi tóc tơ chẳng tròn.
1455 Than rằng : « Kìa nước nọ non,
« Cảnh nhìn như cũ, người còn đi đâu. »

1457 Quân hầu đều ngủ đã lâu,
Lén ra dựa chốn, ngồi âu một mình. (3)
1459 Thề rằng : « Có bóng trăng thanh,
« Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.
1461 « Vân-tiên chàng hỡi có hay,
« Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng.»
1463 Than rồi lấy tượng vai mang,
Nhằm dòng nước chảy vội-vàng nhảy ngay.

Đoạn LIV (Câu 1449-1464)

Đi mười ngày vừa tới Ải-Đồng, trông mênh-mông một trời một nước, nhân lúc đêm khuya thanh vắng, nàng Nguyệt-nga nhớ đến tình-nhân, rồi mang bức tượng Vân-tiên, trầm mình xuống giữa dòng nước chảy.

(1) Ai-Đồng xem chú thích câu 1337. Câu này có bản chép là : Mười rằm vừa tới Ải-Đồng.

(2) Câu này có bản chép là : Vừng trăng mây vần bóng sao sương mờ.

(3) Câu này có bản chép là : Nàng ra dựa chốn rèm châu một mình.

LV

1463 Kim-liên thức dậy mới hay,
Cùng quân thị-nữ một bầy đều lo.
1467 Cùng nhau đều chẳng dám ho, (1)
Thầm toan mưu kế chẳng toan lộ tình.

1469 Việc này là việc chiều-đình,
Đốc-quan hay được, ắt mình thác oan. (2)
1471 Muốn cho cẩn-thận trăm đường,
Kim-liên thế lấy làm nàng Nguyệt-nga.
1473 Trá-hôn về nước Ô-qua, (3)
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu. (4)
1475 Tính đà xong-xả chước mầu,
Giao cho bộ-tốt rước chầu về Phiên. (5)
1477 Ai hay là ả Kim-liên,
Đặng làm Hoàng-hậu nước Phiên một đời.

Đoạn LV (1463 - 1478)

Nguyệt-nga đã nhảy xuống nước, quan quân và thị-nữ khi ấy ngơ ngác không biết lấy ai mà cống Hồ, bèn lập kế với nhau, bảo nhau giấu kín, mà khiến nàng tớ gái tên là Kim-liên thay làm Nguyệt-nga, đưa sang để cống Hồ, vua Hồ phong làm Hoàng-hậu.

(1) Bưng kín miệng chẳng dám hở cho ai biết. Câu này có bản chép là : Lao xao bàn bạc nhỏ to.

(2) Đốc-quan là chức quan chủ coi việc ấy.

(3) Trá-hôn là việc hôn-thú lừa dối.

(4) Vạch lá tìm sâu là câu tục-ngữ dùng để nói ví kín đáo mà bới móc cho tiết-lộ ra.

(5) Bộ-tốt là quân bộ. Chầu cũng như nói ngài, bà.

LVI

1479 Nguyệt-nga mình xuống giữa vời,
Sóng thần dìu đỡ vào nơi bãi này.
1481 Bóng trăng vừa tới cội cây,
Nguyệt-nga hồn hỡi chơi dầy âm-cung. (1)
1483 Xiết bao sương tuyết đèm đông,
Mình nằm giữa bãi lạnh-lùng ai hay !
1485 Quan-âm thương kẻ thảo ngay, (2)
Đem thây nường lại bỏ rày vườn hoa.
1487 Dặn rằng:«Nường Kiều-nguyệt-Nga,
« Tìm nơi nương tựa cho qua tháng ngày.
1489 « Đôi ba năm nữa gần đây,
« Vợ chồng sau cũng sum vầy một nơi,
1491 Nguyệ-nga dây phút tỉnh hơi,
Thấy ngồi dậy nghĩ mấy lời chiêm-bao
1493 « Nên hư chưa biết làm sao,
« Bây giờ biết kiếm nơi nao gửi mình. »
1495 Một mình luống những bâng-khuâng,
Phút đâu trời đã sớm rừng vừng đông. (3)
1497 Dở ra xem bức tượng chồng,
Vừa may lại gặp Bùi-công dạo vườn. (4)
1499 Công rằng : « Nường ở hà-phương ? (5)
« Việc chi mà tới giữa vườn hoa ta ? »
1501 Thưa rằng : « Trận gió hôm qua,
« Chìm thuyền nên nỗi mình ra thể này
1503 « Tối tăm lỡ bước tới đây,
« Xin người soi xét tình này ngay gian.

1505 Bùi công đứng ngắm tượng nàng,
Chẳng trang đài-các, cũng hàng trâm-anh. (6)
1507 Đầu đuôi nàng khá tỏ tình,
Nguyệt-nga lấy thực chuyện mình thưa qua.
1509 Bùi-công mừng rước vào nhà,
Thay quần đổi áo nuôi mà làm con.
1511 « Ta đây cũng có một con,
« Tên là Bùi-Kiệm nó còn ở Kinh.
1513 « Trong nhà không gái hậu-sinh, (7)
« May mà lại gặp minh-linh giữa trời » (8)
1515 Nguyệt-nga ở đã yên nơi,
Đêm đêm nghĩ lượng một đời xót-xa.
1517 Một lo vì nước Ô-qua,
E vua bắt tội cha già thác oan.
1519 Hai lo vì gái hồng nhan, (9)
E người bảo-dưỡng phòng loan nỗi gì. (10)

Đoạn LVI (Câu 1479 - 1520)

Ba chìm ba nổi, kiếp Nguyệt-nga nghĩ cũng buồn cười! Từ lúc nàng nhảy xuống giữa vời, sóng thần lại đem vào trong bãi. May lại gặp phật Quan-âm cứu, dẫn nàng về chốn vườn hoa. Lúc nàng nằm đó, chợt thấy chiêm-bao dặn cho kiếm chỗ nương thân, ngoài ba năm thời vợ chồng lại gặp. Trời rựng đông thời nàng mới tỉnh dậy, tình cờ lại gặp

Bùi-công dạo vườn. Công hỏi chuyện thời nàng kể đầu đuôi, xin Công cho ở lại. Bùi-công thấy người yểu-điệu, đưa về nuôi làm dưỡng-tử. Tuy nàng được thác thân vào đó, nhưng còn nghĩ nhiều phương, tiết hạnh trọn đời, giữ sao cho được.

(1) Âm-cung cũng như nơi âm-phủ, ở dưới đất.

(2) Quan-âm là hiệu một đức phật.

(3) Vừng đông là mặt trời ở phía đông.

(4) Bùi-công là ông họ Bùi, cha của Bùi-kiệm.

(5) Hà-phương là phương nào.

(6) Đài-các là đền gác, nhà cửa sang trọng. Trâm-anh là cái trâm buộc dải, làm quan ở triều.

(7) Hậu-sinh là sinh sau.

(8) Minh-linh là tên một loài trùng mà con vò-vò thường nuôi, nhân đó gọi con nuôi là minh-linh. Câu này và ba câu trên lời Bùi-công nói.

(9) Hồng-nhan là má hồng.

(10) Bảo-dưỡng là nuôi-nấng.

LVII

1521 Nguyệt-nga luống những hồ-nghi,
Phút đâu Bùi-kiệm một khi về nhà.

1523 Ngày ngày xem thấy Nguyệt-nga,
Tình riêng thôi những tưởng đà lòng xuân.(1)
1525 Thấy nường thờ bức tượng-nhân,(2)
Kiệm xem bức tượng lân khân hỏi liền : (3)
1527 « Tượng này sao giống Vân-tiên,
« Mấy lâu thờ có thiêng-liêng điều gì ? »
1529 Nàng rằng : « Làm phận nữ-nhi,(4)
« Một câu tiết-hạnh phải ghi vào lòng. (5)
1531 « Trăm năm cho chọn chữ lòng,
« Sống sao thác vậy, một chồng mà thôi. »
1533 Kiệm rằng : « Nàng nói sai rồi,
« Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa.
1535 « Làm người trong cõi gió mưa, (6)
« Bảy mươi mấy mặt trải xưa đặng nào.(7)
1537 « Chúa Đông xưa ở vườn đào, (8)
« Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.
1539 « Chúa Đông ra khỏi vườn xuân,(9)
« Hoa tàn nhụy rữa là rừng bỏ hoang.
1541 « Ở đời ai cậy giàu sang,
« Hoa xuân mà hết, nghìn vàng khôn mua.(10)
1543 « Hay chi những vãi ở chùa,
« Một gian cửa cấm, bốn mùa lạnh-tanh.(11)
1545 « Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
« Mười hai bến nước đưa mình vào đâu.
1547 « Ai từng mặc áo không bâu,
« Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau.
1549 « Nường sao chẳng nghĩ trước sau,
« Để ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình. »
1551 Nàng rằng : Xưa học Sử Kinh,
« Làm thân con gái chữ Trinh làm đầu,

1553 *Chẳng ưa thói nước Trịnh đâu,(12)*
« Hẹn người tới cửa đem dâu tự tình. »
1555 *Kiệm rằng: « Đã học Sử Kinh,*
« Sao không suy xét để mình ngồi không ?»
1557 *« Hồ-dương xưa mới hóa chồng,*
« Hởi còn nhan-sắc Tống công-cũng vừa (13)
1559 *« Hạ-cơ kết-dủ thuở xưa,*
« Sớm đưa Doãn-phủ, tối ngừa Trần-quân. (14)
1561 *« Hán xưa Lữ-hậu đương xuân,*
« Sánh cùng Cao-tổ, mấy lần Tự-kỵ. (15)
1563 *« Đường xưa Vũ-hậu còn ghi,*
« Xương-tôn khi trẻ, Tái-ty duyên già. (16)
1565 *« Cứ trong sách Sử nói ra.*
« Một đời vui sướng cũng qua một đời.
1567 *« Chính chuyên chẳng dám đổi đời,*
—Đạm-tiên thuở trước hết đời ra ma. (17)
1569 *« Người ta chẳng muốn người ta,*
« Cứ ôm bức tượng mặt hoa vẽ-vàng.
1571 *« Càng nhìn càng bận lòng nàng,*
« Học đòi Như-ý vẽ chàng Văn-quân ». (18)
1573 *Nguyệt-nga biết đứa tiểu-nhân,*
Làm thinh toan chước thoát thân khỏi vòng.

Đoạn LVII (Câu 1521-1574)

Chẳng bao lâu Bùi-kiệm về, thấy Nguyệt-nga thờ bức tượng Vân-tiên, đem lời ướm hỏi. Nàng nhận Vân-tiên là chồng nàng ngày trước, quyết

thờ bức tượng chọn đời. Kiệm dẫn sự tích đời xưa, nói đi bạn lại để dỗ dành Nguyệt-nga. Dầu nàng đã tỏ trong Kinh Sử lấy điều trinh chính làm đầu, mà Kiệm cũng cứ đưa lời ngọt ngon, buông những thói trong dâu trên Bộc. Nàng đà biết ý, liệu thoát ra cho khỏi vòng.

(1) Lòng xuân bởi chữ xuân-tình nói tình ý ghẹo gái.

(2) Tượng-nhân là người tượng vẽ.

(3) Lân-khân là đương lạ mà tới gần làm quen.

(4) Nữ-nhi là con gái.

(5) Tiết-hạnh là nết ở trinh tiết.

(6) Câu này có bản chép là : Làm người sao chẳng tùy cơ.

(7) Câu này có bản chép là : Người nay học thói người xưa được nào.

(8) Chúa-Đông bởi chữ Đông-quân, làm chủ cho mùa xuân. Đây dùng để ví người con gái đương xuân như chúa Đông đương ở vườn hoa.

(9) Người con gái hết duyên ví như chúa Đông ra khỏi vườn xuân.

(10) Người ta phải tiếc buổi xuân xanh.

(11) Cửa cấm là cửa phòng tu-hành.

(12) Trịnh là tên một nước đời xưa có

thói dâm-bôn, trai gái hay hẹn hò nhau.

(13) Tống-công là ông Tống-hoằng. Đời Hán, chị vua Quang-vũ là bà Hồ-dương công-chúa thấy ông người đẹp muốn cùng kết duyên.

(14) Đời Xuân-thu liệt-quốc, nàng Hạ-cơ rất đẹp mà đa tình, thường ngày qua lại với Doãn-phủ và Trần-quân.

(15) Vợ vua Hán-cao-Tổ là bà Lữ-hậu tư-tình với Thẩm-tự-Ky nhiều lần, đến khi Cao-tổ băng rồi, cũng còn thế.

(16) Vợ vua Đường-cao-Tôn là bà Vũ-hậu, lúc vua băng, tiếm ngôi, tính rất hoang dâm ; buổi ấy có Trương-xương-Tôn tuổi trẻ người đẹp và Dương-tái-Ty khéo nịnh hót, bà rất yêu, bắt ở luôn trong cung. Có bản chép là : Xương-tôn khi trẻ Tam-ty lúc già.

(17) Đạm-tiên là tên người con hát đời xưa, có cả tài và sắc, ai cưới cũng không chịu lấy, lúc chết còn trẻ tuổi.

(18) Nàng Như-ý gặp chàng Ngự-văn-Quân chỉ một lần mà vẽ ra được tượng truyền thần.

LVIII

1575 Bùi-công ngon ngọt đục trong, (1)
Muốn nàng cho đặng sánh cùng con ta.
1577 « Nàng đừng nghi nghị gần xa,
« Lương-duyên giải-cấu ấy là duyên thiên.(2)

1579 « Tới đây duyên đã bén duyên,
« Trăng thanh gió mát cầm thuyền đợi ai ?
1581 « Nhớ câu xuân bất tái lai, (3)
« Thấy nay hoa nở e mai hoa tàn.
1583 « Làm chi thiệt phận hồng-nhan,
« Năm canh gối phượng chăn loan lạnh lùng.
1585 « Vọng-phu xưa những mong chồng, (4)
« Mày xanh mòn mỏi má hồng phôi-pha.
1587 Thôi thôi nàng chớ thở ra,
« Vầy cùng con lão một nhà cho vui. »
1589 Nguyệt-nga giả cách mừng vui, (5)
Thưa rằng người đã ơn nuôi bấy-chầy.
1591 « Con đâu dám cãi lời này,
« Hỡi xin chậm chậm sẽ vầy nhân duyên (6)
1593 « Tôi vào lạy tượng Vân-tiên,
« Chay đàn bảy bữa cho tuyền thủy-chung.»
1595 Cha con nghe nói mừng lòng,
Dọn nhà sửa chốn động-phòng cho xuê. (7)
1597 Chiếu hoa gối xếp bốn bề,
Cồ-đồ bát-bửu mượn về chưng ra. (8)

Đoạn LVIII (Câu 1575 - 1598)

Cha con Bùi-công dùng lời ngon ngọt, ép duyên Châu Trần, bàn ra nói vào, kể mọi đường hơn lẽ thiệt, muốn Nguyệt-nga kết duyên cùng Kiệm, cho khỏi thiệt phận má hồng. Nguyệt-nga nghe lời, cũng giả vui mừng hăm hở,

nhưng còn xin chậm chậm, chờ làm chay cúng Vân-tiên rồi sẽ hay. Cha con bị nàng đánh lừa, lấy làm mừng rỡ, chăn loan gối phượng, sắm sửa động phòng, tính việc thành hôn, đều vui chữ uyên ương đắc lữ.

(1) Lấy lời êm dịu mà bàn lẽ thiệt hơn.

(2) Lương-duyên là duyện lành. Giải cấu là gặp gỡ. Thiên là trời.

(3) Xuân bất tái-lai là xuân chẳng lại hai lần.

(4) Vọng-phu lấy tích đời xưa có người đi qua nước Sở lâu năm không về, người vợ lên trên núi đứng trông, lâu ngày hóa làm hòn đá.

(5) Câu này có bản chép là : Nguyệt-nga nghe nói rạch ròi.

(6) Nhân-duyên là mối manh nhân đó mà hai người di-duyên cùng nhau.

(7) Động-phòng là phòng kín, thường dùng để chỉ cái phòng về hôm mới rước dâu.

(8) Cổ-đồ là đồ xưa. Bát-bảo hoặc bát bửu là tám thứ quí.

LIX

1599 Xẩy vừa đến lúc canh ba,
Nguyệt-nga lấy bút đề vài bài thơ.
1601 Niêm lên trên vách một tờ, (1)
Vai mang bức tượng một giờ ra đi.

1603 Hai bên bờ bụi rậm rì,
Đêm khuya vắng vẻ nhằm khi trăng mờ.
1605 Trông chừng đường xá bơ vơ,
Có con đóm-đóm rạng rỡ đi theo.
1607 Qua sông rồi lại lên đèo,
Dế ngâm rậy chốn, ve kêu vang đồng. (2)
1609 Day rành đạp sỏi thẳng xông,
Vừa may trời đã vừng đông rạng ngời.
1611 Nguyệt-nga đi đã đến rồi,
Gặp nơi bàn-thạch tạm ngồi nghỉ chân. (3)
1613 Người ngay trời đất cũng vâng. (4)
Lão bà chống gậy trong rừng đi ra.
1615 Hỏi rằng : « Nàng phải Nguyệt-nga ?
« Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta. (5)
1617 « Khi đêm nằm thấy Phật-bà, (6)
« Người đà mách bảo nên già đến đây. »
1619 Nguyệt-nga bán-tín bán-nghi, (7)
Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.
1621 Bước vào thấy những đàn bà,
Làm nghề canh cửi lụa là mà thôi.
1623 Nguyệt-nga đành dạ ở rồi,
Từ đây mới hết tới lui chốn nào.
1625 Hỏi thăm ra núi Ô-sào,
Đồng-quan mấy dặm đi vào tới nơi.

Đoạn LIX (Câu 1599-1626)

Vừa một hôm phỏng độ canh ba, Nguyệt-nga lấy bút đề thơ, thề với núi sông, khăng khăng giữ một niềm

băng tuyết, giản lên bên vách, rồi mang tượng ra đi, đè nẻo thẳng rong, bao quản nỗi dày sương đạp tuyết. Đến nơi bàn thạch, ngồi nghỉ thì trời vừa rựng đông. Bỗng đâu có một bà già, chống gậy lại hỏi, bảo nàng Nguyệt-nga gắng sức, đi về cùng bà. Nàng theo bà về nhà, đành liều ở đó, hỏi thăm mới biết, chính là núi Ô-sào gần cửa Đồng-quan.

(1) Bài thơ trong tờ ấy người sau dịch rằng : Thuyền-quyên sớm đã gặp anh-hùng, ngang ngửa vì đâu hỡi hóa-công. Vàng đá cùng chàng đà gắn bó, liễu bồ phận thiếp luống long đong. Bướm ong qua lại không sờn dạ, chiếc bá lênh đênh vốn giữa dòng. Một tấc niềm son ai thấu nhẽ, đôi vùng nhật nguyệt xét soi cùng.

(2) Câu này có bản chép là : Ve ngâm buồn bã, dế kêu não nùng.

(3) Bàn-thạch xem chú thích chữ thạch bàn câu 1062.

(4) Vâng là giúp đỡ.

(5) Tua là nên, phải.

(6) Phật-bà là bà Phật.

(7) Nửa tin nửa ngờ.

LX

1627 Đoạn này tới đoạn ra đời,
Vân-tiên thuở trước ở nơi chùa-chiền.
1629 Nửa đêm nằm thấy ông tiên,
Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.
1631 Kể từ nhiệm bệnh đường xa,
Đến nay kể lại trót đà bốn năm.
1633 Tuổi cha nay đã năm lăm, (1)
Chạnh lòng lại nhớ đầm đầm lệ sa.
1635 Vân-tiên trở lại quê nhà,
Hán-minh đưa khỏi năm ba dặm đường.
1637 Tiên rằng : « Ta lại cố-hương, (2)
« Ơn nhau sau gặp khoa trường sẽ hay. »
1639 Minh rằng : « Nay vốn chẳng may,
« Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.
1641 « Dám đâu bày mặt ra thi,
« Đã đành hai chữ quy-y chùa này. »(3)
1643 Tiên rằng : « Chi đặng tàn mây, (4)
« Ngày sau cũng tính sum vầy với nhau.
1645 « Bốn năm hôm sớm cháo rau,
« Khó hèn còn nhớ, sang giàu nỡ quên.
1647 « Lúc hư cũng có lúc nên,
« Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay.»
1749 Hán-minh ở lại am-mây,
Vân-tiên về một tháng chầy tới nơi.

Đoạn LX (Câu 1627-1640)

Đoạn này là đoạn Vân-tiên đã gần ra đời, nỗi Tiên lưu lạc đã nhiều gian

truân, nương dựa cửa chiền, cho qua vận rủi, bốn năm trời mới chở về thăm cha. Khi Vân-tiên ra về, Hán-minh đưa chân lên đường. Tiên hứa cùng Minh ngày sau làm nên sẽ tính mà đền ơn trả nghĩa. Hán-minh ở lại, Vân-tiên vừa một tháng trời về tới nhà.

(1) Lục-ông đã 55 tuổi.

(2) Cố-hương là làng cũ.

(3) Qui-y là nương dựa.

(4) Bởi câu thanh-vân đắc-chí, nói cái chí đi thi cho đậu như chân đạp mây xanh mà tay vin quế đỏ.

LXI

1651 Lục-ông nước mắt tuôn rơi.
« Ai hay con sống trên đời cùng cha. » (1)
1653 Xóm làng chú bác gần xa,
Đều mừng chạy tới chật nhà hỏi thăm.
1655 Ông rằng : « Trót đã bốn năm.
« Con mang tật bệnh ăn nằm nơi nao.
1657 Tiên rằng : « Hoạn nạn xiết bao !
« Mẹ tôi phần mộ nơi nào đã an ? » (2)
1659 Đặt ra lễ-vật sẵn-sàng,
Đọc bài văn tế trước bàn minh-tinh. (3)
1661 « Suối vàng hồn mẹ có linh,
« Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay
« 1663 Tưởng bề nguồn nước cội cây, (4)

«Công cao nghìn trượng, ơn dày chín trăng.
1665 « Suy người nằm giá, khóc măng. (5)
«Hai mươi bốn thảo chẳng bằng đời xưa.»(6)
1667 Vân-tiên nước mắt như mưa,
Tế rồi lại hỏi việc xưa ở nhà.
1669 Ông rằng : « Có Kiều-nguyệt-Nga.
« Bạc vàng đem giúp, cửa nhà đặng xuê.
1671 « Nhờ nường nên mới ra bề,
« Chẳng chi, khổ đói ở quê hư rồi. »
1673 Vân tiên nghe nói hỡi ôi.
Quên tình, nghĩ lại một hồi giây lâu.
1675 Hỏi rằng : « Nàng ấy ở đâu ?
« Cho tôi tới đó đáp câu ân-tình. »
1677 Lục-ông kể việc triều-đình,
Đầu đuôi chuyện-vãn tỏ tình cùng Tiên.
1679 Kiều-công rày ở Tây-xuyên, (7)
Cũng vì mắc nịnh cướp quyền đuổi ra. (8)
1681 Tiên rằng: «Cảm nghĩa Nguyệt-Nga,
Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng.»

Đoạn LXI (Câu 1651-1682)

Vân-tiên về nhà, ai thấy cũng đều mừng rỡ. Lục ông khi ấy, mới hỏi hết sự con lưu-lạc mấy năm. Vân-tiên hầu chuyện cùng cha, mới hỏi thăm đến mả mẹ, bèn dâng một lễ xa đem tấc thành, gọi là lòng con bảo hiếu.

Dần giả Lục-ông kể sự Nguyệt-nga giúp tiền giúp bạc, Vân-tiên mới hỏi chỗ nàng ở để qua đó mà hỏi thăm.

(1) Câu này lời Lục-ông than.

(2) Phần mộ là mồ mả.

(3) Minh-sinh hoặc minh-tinh là một bức bằng lụa hoặc bằng giấy sắc đỏ viết bằng phấn trắng những chữ vị hiệu của người chết. Bài văn-tế người sau dịch như sau này :

Hỡi ôi :

Sau dời vật đổi, dâu mọc biển trần. Than âm dương nung đúc người đời, nghĩ mà quá ngán ; lò tạo-hóa gây nên cảnh nghịch, thảm thiết cho thân. Trước linh sàng khói tỏa mấy lần, trông đường Bắc ruột đau như cắt ; niềm cúc dục nặng nề chín chữ, nhìn núi Nam lệ ứa đầy khăn.

Nhớ mẹ xưa :

Tính hạnh ôn tồn, dong nhan hồn hậu ; ngoài hương thôn ngợi tiếng nhân-từ, trong tộc đảng khen bề hiếu thảo. Mọi điều ngăn nắp, giúp phụ thân vẹn chữ nghi-gia, muôn việc tảo tần, chốn khuê khổng vịnh câu hàn hảo. Rắp tưởng bách-niên giai-lão, lúc hiển vinh vui cái cùng con ; ai ngờ nhất-đán vô-thường, ơn dưỡng dục bao giờ bồ báo. Cha còn đó mẹ nào có

thấy, nông nỗi này cảm cảnh đường bao; con về đây mẹ bỏ đi đâu, nguồn cơn ấy kể thêm phiền não. Lưng dưa đĩa muối, lòng thành xin từ mẫu chứng minh. Sống khôn thác thiêng, phù hộ cho an toàn gia-đạo.

Phục duy thượng hưởng!

(4) Bởi câu mộc-bản thủy-nguyên, nói con có cha mẹ như cây có gốc và nước có nguồn.

(5) Nằm giá bởi tích ngọa-băng cầu-lý, đời Tống ông Vương-tường nằm trên giá để chờ bắt cá đem về nuôi mẹ. Khóc măng bởi tích khấp trúc sinh-duận, mẹ ông Mạnh-tông thèm măng mà ông ôm lấy khóm trúc khóc mãi rồi tự-nhiên măng mọc lên.

(6) Hai mươi bốn thảo là hai mươi bốn người có hiếu: Ngu-thuấn, Hán-văn-Đế, Tăng-sâm, Mẫn-tổn, Trọng-do, Đổng-vĩnh, Đàm-tử, Giang-cách, Lục-tích, Ngô-mạnh, Vương-tường, Khoách-cự, Chu-thọ-Xương, Dũ-kiềm-Lâu, Lão-lai-Tử, Thái-thuận, Hoàng-Hương, Khương-thi, Vương-phầu, Đinh-lan, Mạnh-tôn, Hoàng-sơn-Cốc, Dương-hương và bà Đường-phu-nhân.

(7) Tây-xuyên xem câu 155.

(8) Nịnh chỉ quan Thái-sư buổi ấy.

LXII

1683 Tây-xuyên mấy dặm thẳng xông,
Tới nơi ra mắt Kiều-công khóc liền.

1685 Nàng còn ở chốn nước Phiên, (1)
Biết sao gặp được Vân-Tiên buổi này.
1687 Kiều-công khiến ở lại đây,
Hôm mai thấy mặt cho khuây tấm lòng.
1689 Vân-tiên ở một năm ròng,
Ôn nhuần Kinh sử để phòng ra thi.
1691 Xảy nghe rày đã đến kỳ,
Vân-tiên vào lạy xin đi ứng trường. (2)

Đoạn LXII (Câu 1683-1692)

Vân-tiên đi qua Tây-xuyên để thăm Kiều-công, Công vừa thấy Tiên, khóc than kể sự Nguyệt-nga ở Phiên, gặp được Vân-tiên lúc này, nói lòng trọng rể thương con, mời ở lại trong nhà cho được. Một năm gia công đèn sách, đến kỳ thi thời Vân-tiên xin về để đi thi.

(1) Câu này có bản chép là: Nguyệt-nga rày ở bên Phiên ;
(2) Ứng-trường là tới trường thi.

LXIII

1693 Về nhà từ tạ Nghiêm-đường, (1)
Kinh-sư nghìn dặm một đường thẳng ra. (2)
1695 Vân-tiên trúng Trạng-nguyên khoa, (3)
Nghĩ ra năm Tý thật là năm nay.
1697 Thuở xưa thầy nói rất hay,
Bắc-phương gặp chuột ra rày nên danh.

1699 Vân-tiên vào tạ Triều-đình,
Lịnh ban đai mão cho vinh-qui rày. (4)

Đoạn LXIII (Câu 1698-1700)

Vân-tiên về nhà, thưa với nghiêm-đường xin thượng kinh ứng thí. May sao khoa tỵ, chàng bèn thi đậu trạng-nguyên, gấm câu gặp chuột ra đường nên danh, lời thầy thiệt đúng. Tiên vinh qui bái tổ, nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha.

(1) Nghiêm đường chỉ cha.

(2) Kinh-sư là chỗ vua đóng đô, đất lớn người đông.

(3) Trạng-nguyên là người đỗ đầu thuộc về đệ-nhất-giáp trong khoa thi đình.

(4) Vinh-qui là thi đậu mà về làng.

LXIV

1701 Xảy nghe tin giặc Phiên-tây,
Binh vi ngoài Ải đã đầy Thổ-san. (1)
1703 Sở-vương phán trước ngai vàng :
« Trạng-nguyên ra sức giẹp loàn cho xong. »
1705 Trạng-nguyên qui trước bệ rồng :
« Xin cho một tướng theo cùng đề-binh. (2)
1707 « Có người họ Hán tên Minh,
« Sức đương Hạng-vũ, mạnh kình Trương-phi. (3)

1709 « Ngày xưa mắc án đày đi,
« Nay về ở núi Thúy-vi ẩn mình. »
1711 Sở-vương phán trước Triều-đình,
« Dạy ra tha tội Hán-minh đòi về. »
1713 Tiên-phong hai chữ cờ đề, (4)
Hán-minh rày được dựa kề Vân-tiên.
1715 Đều đem binh-mã sấn lên, (5)
Xông sương đạp tuyết tới miền Ải-quan.

Đoạn LXIV (Câu 1701-1716)

Buổi vừa có giặc Tây-phiên, phạm ngoài cửa Ải vua xuống chỉ sai Trạng, phải đi giẹp yên. Tiên mới tâu xin cấp cho một tướng đề binh theo nữa, và tâu cử một người sức mạnh, tên là Hán-minh, còn ở núi Thúy-vi, lánh mình trốn án. Sở-vương nghe lời Trạng, xuống chiếu tha tội cho Hán-minh, lại đòi về kinh, phụng mạng đi tiên-quân hiệu lực. Hai đạo binh mã, cùng nhau kéo tại Ải-quan.

(1) Thỏ-san là tên núi Thỏ.

(2) Đề binh là cầm quân.

(3). Hạng-vũ người nước Sở, sức mạnh cất nổi cái vạc. Trương-phi người đời Tam-quốc, sức mạnh nhóm nổi cột đình.

(4) Tiên-phong là đạo quân đi trước.

(5) Binh-mã là quân ngựa.

LXV

1717 Bên Phiên hai tướng đương đường (1)
Một chàng Hỏa-hồ, một chàng Thủy-long.(2)
1719 Lại thêm Cốt-đột nguyên-nhung, (3)
Mặt thau, tóc đỏ, tướng hung lạ lùng.
1721 Hán-minh ra sức tiên-phong.
Đánh cùng Hỏa-hồ Thủy-long một hồi.
1723 Hán-minh gậy xuống đỉnh-lôi, (4)
Hai chàng đều phải một thời mệnh vong.(5)
1725 Nguyên-nhung Cốt-đột nổi xông.
Hai tay sách búa đánh cùng Hán-minh.
1727 Hán ra sức mạnh địch kình,
Thấy chàng hóa phép, dựt mình chạy lui. (6)
1729 Vân-tiên đầu đội kim-khôi, (7)
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.
1731 Một mình nhắm trận xông vô,
Cùng ngươi Cốt-đột đánh cho tối ngày.
1733 Vội-vàng quay ngựa bằng ngay,
Truyền quân dỉ máu đề ngay ngọn cờ.
1735 Ba quân gươm giáo đều dơ,
Hỏa-ma xem thấy một giờ đều tan. (8)
1737 Phép ra Cốt-đột kinh hoàng,
Bừng bừng nổi giận đánh cùng Vân-tiên.
1739 Vân-tiên bước tới trận-tiền, (9)
Cùng ngươi Cốt-đột đánh liên tối ngày.
1741 Sa cơ một phút chạy ngay,
Trạng-nguyên giục ngựa kịp rày đuổi theo
1743 Trải qua vừa đặng bảy đèo,

Cảm thương Cốt-đột vận nghèo nài bao !
Chạy ngay qua núi Ô-sào,
Gặp cây, nên nỗi sa hào thương ôi ! (10)

Đoạn LXV (Câu 1717-1746)

Hàn-minh cầm cờ tiên-phong, đánh hai tướng là Thủy-long và Hỏa-hổ, hai tướng ấy đều bị giết. Tướng nguyên-nhung Cốt-đột lại xông vào, Minh sợ phải lui quân đóng lại, Tiên thay Minh ra trận, lại dùng thuật khu trừ, truyền quân lấy máu đề cờ, lũ hỏa-ma đều tan mất ; Cốt-đột ra sức đánh, cũng bị thua chết luôn.

(1) Đường-đường tả cách oai nghiêm.

(2) Hỏa-hổ và Thủy-long là tên hai tướng Phiên.

(3) Cốt-đột là tên người. Nguyên-nhung là quan tướng vũ đầu hết.

(4) Đình-lôi tức là lôi-đình, nỗi sấm sét ra oai.

(5) Mệnh-vong xem chú thích câu 136.

(6) Chàng chỉ Cốt-đột.

(7) Kim-khôi là tên cái mão vũ, dùng lúc ra trận.

(8) Hỏa-ma là ma lửa. Có bản chép là : Vân-tiên bèn hóa lửa hồng đốt tan.

(9) Trận-tiền là trước trận.
(10) Hào là cái rãnh đào có nước.

LXVI

1747 Trạng-nguyên chém Cốt-đột rồi,
Đầu treo cổ ngựa trống hồi thu quân.
1749 Chư-quân bốn phía đều lăn, (1)
Trời đà tối mịt biết chừng gần xa.
1751 Trong mình đã đói xót xa,
Một mình trong núi biết ra ngõ nào.
1753 Xây quanh chong núi Ô-sào,
Nửa đêm bàn luận đường vào ngõ ra.
1755 Đoạn này tới đoạn Nguyệt-nga,
Ở đây tính đã hơn ba năm rồi.
1757 Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi,
Chẳng hay trong dạ bồi hồi chuyện chi.
1759 Quan âm lời trước còn ghi, (2)
Xui nên dạ thiếp éo le đợi hoài.
1761 Đã đành đá nát vàng phai,
Đã đành xuống chốn Tuyền-đài gặp nhau. (3)
1763 Nguyệt-nga chưa xiết nỗi sầu,
Xẩy nghe nhạc ngựa ở đâu tới nhà.
1765 Kêu rằng : ai ở trong nhà ?
« Đường về Quan-ải, chỉ ra cho mình ! » (4)
1767 Nguyệt-nga ngồi sợ, làm thinh,
Trạng-nguyên xuống ngựa tay chen lần vào.
1769 Lão-bà dậy hỏi : « Người nào ?
« Đêm khuya lạ mặt dám vào nhà ta ? »
1771 Rằng : « Tôi Quốc-trạng Sở-gia, (5)
« Vì theo giẹp giặc Ô-qua lạc đường »

1773 Lão-bà nghe nói kinh-hoàng,
Têm trầu quạt nước vội-vàng bưng ra.

Đoạn LXVI (Câu 1747-1774)

Khi Vân-tiên đuổi giặc quá đường, tới núi Ô-sào thì trời vừa chạng-vạng, lần quanh trong núi, về Ải-quan không biết đường nào. Tiên lần hỏi thăm đường, vào nhằm chỗ Nguyệt-nga ở, đèn khuya chong bóng, thấy một nàng và một bà già, đương ngồi cùng nhau. Tiên hỏi thăm đương đi thời không ai đáp cả. Tiên phải xuống ngựa vào thẳng, bà già hỏi thời Tiên kể sự đuổi giặc lạc đường; bà già mới nghe thất kinh, đem trầu nước ra chào quan Trạng.

(1) Chư quân là các đạo quân. Có bản chép là : Chung quanh rừng rú mấy lần.

(2) Xem những câu 1487-1490.

Tuyền-đài cũng như hoàng-tuyền, dạ-đài, nói ở dưới đất.

(4) Lời Trạng-nguyên nói.

(5) Sở-gia là nhà Sở. Lời Trạng-nguyên nói.

LXVII

1775 Trạng-nguyên ngồi ngắm Nguyệt-Nga,
Đoái nhìn bức tượng lòng đà sinh nghi.

1777 Hỏi rằng : « tượng ấy tượng chi ?
« Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình. (1)
1779 « Đầu đuôi chưa tỏ sự-tình,
« Lão-bà khá nói tính-danh cho tường. »
1781 Lão-bà chẳng dám nói gian,
«Tượng này vốn thật chồng nàng ngồi đây »
1783 Trạng rằng : « Nàng xích lại đây,
« Nói trong tên họ tượng này ta nghe. »
1785 Nguyệt-Nga dạ hỏi hồ-nghi,
Liếc nhìn suống mặt, lại e lạ người. (2)
1787 Ngồi che tay áo hổ ngươi,
Trạng-nguyên nghe nói mỉm cười một khi :
1789 « Làm sao nàng chẳng nói đi ?
« Mấy lời ta hỏi giống gì chẳng ra. » (3)
1791 Nguyệt-Nga thấy hỏi thưa qua :
« Người trong bức tượng tên là Vân-Tiên.
1793 « Chàng đà xuống chốn cửu-tuyền,
« Thiếp vì thương nhớ lánh miền gió trăng. » (4)
1795 Trạng-nguyên khi ấy hỏi rằng :
« Chồng là tên ấy, còn nàng tên chi » »
1797 Nguyệt-Nga tỏ sự một khi,
Trạng-nguyên vội-vã xuống quì vòng tay.
1799 Thưa rằng : « Nay gặp nhau đây,
« Xin đưa bốn lạy sẽ bày nguồn cơn.
1801 « Mấy lời thệ hải minh-sơn, (5)
« Mang ơn trước phải tạ ơn cho rồi.
1803 Vân-Tiên vốn thực tên tôi,

« Gặp nhau nay đã phỉ lời ước xưa. »
1805 Nguyệt-Nga bẳng-lẳng bơ-lơ,
Nửa mừng, nửa sợ, nửa ngờ rằng Phiên.
1807 Thưa rằng : «Chàng phải Vân-Tiên,
« Xin bày việc trước căn-nguyên những là. » (6)
1809 Trạng-nguyên nói tích xưa ra,
Nguyệt-Nga khi ấy khóc hòa như mưa.
1811 Ân tình càng kể càng ưa,
Đương còn bàn bạc trời vừa rạng ngày.

Đoạn LXVII (Câu 1775-1812)

Vân-tiên ngồi ngó, thấy Nguyệt-nga ôm bức tượng mình. Trạng hỏi căn do thời Nga lấy tượng chồng mà đáp. Trạng lại hỏi tên họ người trong bức tượng, thời nàng kể sau trước của chuyện Vân-tiên. Trạng hỏi đến tên nàng, nàng lấy Nguyệt-nga mà đáp. Trạng mới nhận Vân-tiên là Trạng và cùng nhau kể lể sau xưa, chuyện vãn suốt đêm, trời vừa rạng sáng.

(1) Dung-nghi là bộ giáng.

(2) Suồng lộ quen. Có bản chép là : Mặt nhìn giống mặt, người e lạ người.

(3) Có bản chép là : Mấy lời tôi hỏi phạm chi chăng là ?

(4) Dứt duyên trần mà đi tu.
(5) Thệ hải minh sơn là chỉ núi bể mà thề.
(6) Căn-nguyên là cội nguồn.

LXVIII

1813 Xảy nghe quân hét vang rầy,
Bốn bề bờ bụi đều vầy can-qua.

1815 Trạng-nguyên lên ngựa trở ra,
Ngọn cờ đề chữ tên là Hán-minh.

1817 Hán-minh khi ấy dừng binh,
Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.

1819 Minh rằng : « Đường-tẩu ở đâu ?(1)
« Cho em ra mắt chị dâu thế nào ? »

1821 Trạng-nguyên đem Hán-minh vào,
Nguyệt-nga đứng dậy mừng chào qui viên.(2)

1823 Minh rằng : « Tưởng chị ở Phiên
« Quyết đem binh-mã tới miền Ô-qua

1825 « Nay đà sum họp một nhà,
« Giẹp đà yên giặc khải-ca hồi-triều. (3)

1827 Trạng rằng : « Nàng tính làm sao ? »
Nàng rằng : « Anh hãy hồi-triều tâu lên,

1829 « Ngửa trông lượng rộng bề trên.
« Xin tha tội trước mới nên những là. » (4)

1831 Trạng-nguyên từ tạ Lão-bà,
Dặn-dò gửi lại Nguyệt-Nga ngày rày.

1833 Ta thời lấy bức tượng này,
Tâu qua khỏi tội rước ngay về nhà.

Đoạn LXVIII (Câu 1813-1834)

Sáng ngày Vân-Tiên vừa trông thấy ngọn cờ Hán-minh, đứng lại tỏ tình cùng nhau, hai bên mừng rỡ. Minh hỏi chị ở đâu đề vào ra mắt. Tiên đem Minh trở lại, Nguyệt-nga ra chào Minh bảo Tiên đem nàng về luôn, cho một nhà sum hợp. Nguyệt-nga bảo Tiên hãi về triều tâu trước, rồi sau nàng sẽ về theo. Tiên mới từ tạ Lão-bà mà gửi nàng ở lại, rồi xin lấy bức tượng, về tâu tha tội cho Nguyệt-nga.

(1) Lương-tẩu là chị dâu hiền lành.

(2) Qui viên cũng như nói qui-chức.

(3) Khải-ca hồi-triều là quân thắng trận hát về kinh-đô.

(4) Tội trước là tội giả dối.

LXIX

1835 Tiên Minh hai ngựa trở ra,
Đem binh trở lại âu-ca một bề. (1)
1837 Sở-vương nghe Trạng-nguyên về,
Cho quan ra rước vào kề bên ngai.
1839 Sở-vương bước xuống kim-giai. (2)
Tay bưng chén rượu thưởng tài Trạng-nguyên.
1841 Phán rằng : « Trẫm sợ nước Phiên,

« Có người Cốt-đột phép tiên lạ lùng.
1843 « Nay mà trừ Cốt-đột xong,
« Thật trời sinh Trạng giúp trong nước nhà.
1845 « Vì đâu trước có Trạng ra,
« Làm chi đến nỗi Nguyệt-Nga cống Hồ. »
1847 Lịnh truyền đãi yến triều đô, (3)
Ăn mừng rày đã Tây ô giẹp rồi. (4)
1849 Trạng-nguyên quỳ tấu một hồi,
Nguyệt-Nga các chuyện đầu đuôi rõ-ràng.
1851 Sở-vương nghe thấu nguồn cơn,
Phán rằng : « Trẫm tưởng nàng còn ở Phiên.
1853 « Chẳng ngờ nàng với Trạng-nguyên,
« Cùng nhau đã kết tơ duyên lúc đầu. »

Đoạn LXIX (Câu 1835 - 1854)

Tiên cùng Minh kéo quân về triều, vua Sở cho quan quân đón rước. Trạng vào đền thời vua ban rượu thưởng, ngợi khen tài Trạng hơn Cốt-đột bên Phiên; lại tiếc không gặp Trạng lúc đầu, để đến nỗi Nguyệt-nga mắc lụy. Trạng-nguyên mới đem việc Nguyệt-nga sau trước, tâu lên vua nghe, vua mới biết Trạng cùng nàng đã có nhân duyên lúc trước.

(1) Ân-ca là ngợi hát.

(2) Kim-giai là thềm vàng, chỉ thềm vua;

(3) Triều-độ là triều-đình và kinh-đô.
(4) Tây-ô là nước Ô-qua ở phía tây.

LXX

1855 Thái-sư trước bệ liền tâu :
« Tây phiên dấy giặc bấy lâu cũng vì.
1857 « Trả-hòn oán cũ còn ghi,
«Nguyệt-Nga nàng ấy tội khi đã đành. (1)
1759 « Trạng-Nguyên man tấu Triều-đình, (2)
«Nào căn-nguyên trước sự-tình những chi?»
1861 Trạng-nguyên ra trước bệ quỳ.
Dâng lên bức tượng một khi làm bằng
1863 Sở-vương xem tượng phán rằng :
«Nguyệt-Nga trinh-tiết cũng bằng người xưa.
1865 « Ở đời sao chẳng biết ngừa. (3)
« Thiếu chi con gái mà đưa tới nàng.
1867 « Dầu cho nhật-nguyệt rõ-ràng, (4)
« Khôn soi chậu úp, cũng mang tiếng đời.(5)
1869 « Dưới trời ai dám cãi trời,
« Việc này vì trẫm nghe lời Thái-sư,
1871 Trạng-nguyên tâu sự Thái-sư,
Làm-su chẳng đặng, lại tư oán thầm (6)
1873 « Gia thêm nỗi gã Trịnh-hâm,
« Trịnh-hâm thuở trước mưu thầm hại tôi.
1875 « Nay đà rõ mặt nịnh rồi,
«Ngửa trông lượng thánh tài-bồi thế nao?»(7)
1877 Sở-vương giận phán trong Triều,
« Thái-sư muôn tính lẽ nào về sau ?

1879 *Hay là Đổng-Trác mưu sâu,* (8)
« Nuôi thằng Lã-Bố phòng âu Hán-quyền.
1881 *Hay là Nguyên-tái mưu riêng,*
« Nuôi thằng Thôi-ngạn mong chuyên nhà Đường. (9)
1883 *« Hay là Yên-thạch thói gian,* (10)
« Nuôi thằng Tần-biện phòng toan Tống triều.
1885 *« Đời xưa tôi nịnh biết bao,*
« Thái-sư chỉn có khác nào Tào ôi ! (11)
1887 *« Toan chuyên gẫm-ghé ngôi trời,*
« Thấy người trung-trực, kiếm lời gièm pha.
1889 *« Đến nay mới tỏ chính-tà,*
« Cũng vì thuở trước tại ta lỗi dùng.
1891 *« Thôi thôi ta cũng rộng dung,*
« Thái-sư cách chức về cùng dân gian.
1893 *« Trịnh-hâm là đứa bạo-tàn,*
« Giao cho Quốc-trạng mặc toan phép-hình.
1895 *« Nguyệt-nga là gái trung-trinh,*
« Sắc phong quận chúa hiển-vinh cho đành.
1897 *« Kiều-công phục chức Thái-khanh,*
« Lại phong tuần-phủ Đông-thành trị dân. (12)
1899 *« Trạng-nguyên thật đấng lương thần* (13)
« Sắc phong Tướng-quốc trưởng phần công-khanh. (14)
1901 *« Hán-minh phong chức Tổng-binh, »* (15)
Anh em mừng tạ đan-đình đều lui. (16

Đoạn LXX (Câu 1855-1902)

Thái-sư tâu hặc việc Tây-phiên nhiễu-loạn, cũng vì việc trá-hôn của Nguyệt-nga. Lại hỏi Trạng lấy những việc gì đề làm bằng chứng. Trạng mới quỳ dâng bức tượng, vua ban khen trinh tiết của nàng, lại phàn nàn phép nước không minh, cũng vì nghe Thái-sư mà sinh việc. Trạng tâu việc Thái-sư thù oán cùng việc Trịnh-Hâm mưu hại ngày xưa, xin vua xử đoán công bằng, đề răn kẻ khác. Sở-vương kể việc Đồng-trác và Tần-cối ngày xưa đề luận tội Thái-sư cho cách chức hồi tịch. Còn tội Trịnh-hâm thời giao cho Trạng muốn làm thế nào mặc lòng. Lại phục chức Tuần-phủ cho Kiều-công, phong Nguyệt-nga làm Quận-chúa, Trạng-nguyên làm Tướng-quốc và Hán-minh làm Tổng-binh; mưa móc ơn trên, một thời vinh hiển.

(1) Khi là khi quân, nói dối vua.

(2) Man-tấu là tâu dối.

(3) Có bản chép là : Bởi chưng trước chẳng lo ngừa.

(4) Nhật nguyệt là mặt trời mặt trăng, nói ví việc vua soi xét.

(5) Chậu úp bởi chữ phúc-bồn, ví chỗ kín đáo. Đây nói dầu vua minh thế nào cũng không soi thấu đến việc nhỏ mọn.

(6) Sui là thông gia.

(7) Tài hồi cũng như nói tài xử, là xử đoán.

(8) Đổng-trác người đời Hán, nuôi Lã-bố mà mưu tiếm ngôi vua Hiến-đế.

(9) Nguyên-tải người đời Đường, nuôi Thôi-ngạn mà mưu chuyên chính triều vua Đại-tôn.

(10) Vương-yên-Thạch người đời Tống, nuôi Tần-biện mà mưu chuyên chính đời vua Thần-tôn.

(11) Tào là Tào-tháo.

(12) Tuần-phủ là chức quan cai-trị đứng đầu một tỉnh hạt nhỏ.

(13) Lương thần là tôi giỏi.

(14) Tướng-quốc là chức quan đầu triều. Công khanh là những chức quan lớn trong triều.

(15) Tổng-binh là chức quan coi hết các đạo quân.

(16) Đan-đình là sân sơn đỏ, chỉ sân vua.

LXXI

1903 Hạ Vương, họ Hán, họ Bùi,
Cùng nhau uống rượu đều vui đều cười.

1905 Trạng rằng : Xin hỏi một lời,
« Trịnh-hâm tội trước các người tính sao?»
1907 Tả đao dẫn Trịnh-hâm vào, (1)
Mặt nhìn thấy bạn miệng chào rằng anh.
1909 Minh rằng : « Ai mượn kêu anh,
« Trước đà đem thói chẳng lành thời thôi.
1911 « Dẫn ra chém quách cho rồi !
« Để cho gai mắt đứng ngồi căm gan. »
1913 Trực rằng : « Anh chớ nói ngang,
« Giết ruồi ai dụng gươm vàng làm chi.
1915 « Xưa nay mấy đứa vô-nghì, (2)
« Dầu cho nó sống làm gì nên thân. »
1917 Hâm rằng : «Nhờ lượng đại-nhân, (3)
« Vốn tôi mới dại một lần xin dung.»
1919 Trạng rằng : « Ta đấng anh-hùng,
« Nào ai có giết đứa cùng làm chi.
1921 « Thôi thôi ta cũng rộng suy,
« Truyền quân mở cửa đuổi đi cho rồi.»
1923 Trịnh-hâm khỏi chết mừng vui,
Vội vàng quì lạy xin lui ra về.

Đoạn LXXI (Câu 1903-1924)

Hán-minh, Bùi-kiệm và Vương-tử-Trực, ngồi uống rượu cùng nhau: Trạng đem hỏi tội Trịnh-hâm thế nào nghị xử ? Minh bảo đem chém, Trực bảo nên tha, Hâm cứ lạy dài thú tội, xin miễn cho một lần, Trạng cũng

không kể thằng cùng, truyền đuổi đi cho rảnh. Hâm được khỏi tội, vội-vàng lạy tạ mà xin lui

(1) Tả-đao là tên linh cầm gươm đứng hầu bên tả.

(2) Vô nghi là không có lễ phép.

(3) Đại-nhân là người lớn, dùng để tôn xưng người trên.

LXXII

1925 Còn ngươi Bùi-kiệm mắu dê, (1)
Hồ ngươi cáo bệnh xin về kiệu sau.
1927 Hán-minh Tử-trực vào tâu :
« Xin đưa quốc-trạng gặp chầu vinh-qui.
1929 « Một ngươi Bùi-kiệm chẳng đi.
« Trong lòng đã thẹn cũng vì hổ hang. »(2)
1931 Trạng-nguyên xe ngựa vội-vàng
Sai quân hộ-vệ rước nàng Nguyệt-nga (3)
1933 Bạc vàng đem tạ Lão-bà,
Rước nàng đưa tới thẳng qua Đông-thành.
1935 Võng điều, lọng đỏ, rèm xanh,
Trạng-nguyên Tử-trực Hán-minh lên đường.

Đoạn LXXII (Câu 1925-1936)

Hồi này Trạng sai đem xe ngựa rước nàng Nguyệt-nga, Bùi-kiệm nghĩ đến chuyện ngày xưa ở nhà, trong lòng hổ thẹn mà xin cáo bệnh. Còn Hán-minh Tử-trực cùng nhau đưa Trạng rước nàng qua Đông-thành.

(1) Máu dê là máu dâm dục, ví tính con dê đa dâm.

(2) Hổ-hang là hổ thẹn.

(3) Hộ-vệ là gìn giữ, giúp đỡ.

LXXII

1937 Trịnh-hâm về tới Hàn-giang,
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay
1939 Trịnh-hâm phải cá nuốt thây,
Thật trời quả báo lẽ này rất mau. (1)
1941 Làm người chẳng nghĩ trước sau,
Mưu sâu lại mắc họa sâu chẳng chầy.

Đoạn LXXIII (Câu 1937 - 1942)

Trịnh-hâm được tha, về đến Hàn-giang thời bị chìm thuyền chết đắm. Thế mới biết lưới trời lộng lộng, dầu thưa mà ai lọt khỏi nào.

(1) Quả báo là ác nghiệt thời kiết quả báo ứng phải mắc tội vạ.

LXXIV

1943 Tiểu-đồng trước giữ mồ này,
Ngày qua tháng trọn đã đầy ba năm,
1945 Trót đi khuyên giáo mấy năm,
Tính đem hài cốt về thăm quê nhà. (1)
1947 Hiềm vì chẳng có người ta,
Hãy còn thơ thẩn vào ra chưa về.
1949 Trạng-nguyên vừa tới Đại-đề
Truyền quân cher dạ tế Bề-đồng xưa. (2)

1951 Tưởng tình sư-đệ quá ưa, (3)
Cũng vì họ Trịnh thuở xưa mưu thầm.
1953 Đọc văn cảm động trong tâm,
Hai hàng nước mắt đầm-đầm như mưa,
1955 Xảy đâu trời đất khéo đưa,
Tiểu-đồng chạy tới đứng vừa một bên.
1957 Ngó vào bài vị thấy tên, (4)
Chạnh lòng chàng mới khóc lên bấy giờ.
1959 Trạng-nguyên ngó lại thờ ơ,
Nửa tin rằng tớ nửa ngờ rằng ma,
1961 Tay lau nước mắt bước ra :
« Tiểu-đồng, con ở đâu mà tới đây ?
1963 « Thời con khá nói cùng thầy,
« Căn do chưa rõ cớ này làm sao ?» (5)
1965 Tiểu-đồng đất gối tâu vào (6)
« Bấy lâu luống chịu âm-hao dãi dầu.
1967 « Bày lời tự-sự đuôi đầu,
« Ba năm luống chịu thảm sầu tới nay.
1969 « Bây giờ tớ đã gặp thầy,
« Vinh hoa một thuở, sum vầy nghìn niên. » (7)
1971 Trạng-nguyên xe ngựa trẩy liền.
Phút đâu đã tới gần miền Hàn-giang.

Đoạn LXXIV (Câu 1943-1972)

Tiểu-đồng từ khi bị Trịnh-hâm trói, bỏ ở trong rừng, sau ra được mả đi tìm Tiên, nghe người nói thầy đã chết rồi, liệu mình ở lại đất Đại-đề

giữ mả. Lần hồi ngày tháng, trót cả ba năm. Trạng-nguyên ngỡ Đồng chết rồi, nhân lúc đi qua Đại đề, truyền quân làm văn cúng tế. Nghe sự cúng tế, ai cũng tới coi, Tiểu-đồng đứng ngoài, nghe người đọc đến tên họ của mình, Đồng mới chạy ngay ra mà trình mặt, chuyện vãn cùng nhau, Trạng mới đem Đồng về theo, chẳng bao lâu đã đến Hàn-giang đất cũ.

(1) Hài cốt là xương xóc.

(2) Hề-đồng là đứa trẻ theo hầu.

(3) Sư-đệ là thầy trò.

(4) Bài vị là tấm gỗ viết chữ vị hiệu người chết để thờ.

(5) Căn do là cội-rễ duyên-do.

(6) Đoạn này có bản chép là : Tiểu-đồng kể hết tiêu hao, nỗi Hâm hãm hại buộc vào rừng hoang. Nỗi hùm cứu khỏi tai nàn. nỗi ôm mồ mả giữa đàng tới nay. Mới hay đạo tớ nghĩa thầy, vinh hoa một cửa, sum vầy bách niên.

(7) Vinh-hoa là sung sướng vẻ vang.

LXXV

1973 Vũ-công từ xuống suối vàng,
Thái-loan cùng mụ Quỳnh trang đeo sần.

1975 Mẹ con những mảng lo âu,
Nghe Vân-tiên sống gặp chầu công-danh.
1977 Rằng : « Ta xưa cũng ân-tình,
« Phải ra đón rước chàng vinh-qui rày. »
1979 Loan rằng : « Mình ở chẳng hay,
« E người còn nhớ những ngày trong hang. »
1981 Trạng rằng : « Con có hồng-nhan,
« Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa.
1983 « Ví dầu có nhớ tích xưa,
« Mẹ con ta lại đồ thừa Vũ-công. »
1985 Cùng nhau bàn bạc đã xong
Soi gương, đánh phấn, má hồng rước duyên.
1987 Nay đà đến lúc Trạng nguyên,
Hàn-giang về tới, xảy liền đóng quân.
1989 Bạc vàng châu ngọc áo quần,
Trạng-nguyên đem tới đền ân Ngư Tiều.
1991 Ngư Tiều rày đã danh-tiêu (1)
Ăn ra một buổi, của nhiều trăm xe.
1993 Trạng-nguyên từ tạ ra về,
Thấy Quỳnh-trang tới ngồi kề cửa quân,
1995 Thái-loan trước ngựa ân-cần, (2)
« Mẹ con tôi tới hầu mừng Trạng-nguyên
1997 « Phụ-thân đã xuống hoàng tuyền,(3)
« Xin thương tấy thiếp thuyền-quyên phận này. »
1999 Trạng rằng bưng bát nước đầy,
« Đổ ngay xuống đất, bốc rày cho xong ! (4)
2001 « Oan ra nợ trước trả xong,
« Thiếu chi nên nỗi mà mong tới đời. » (5)
2003 Hán-minh Tử-trực đều coi :

« Nực cười hoa khéo làm mồi trêu ong !
2005 « Khen cho lòng chẳng thẹn lòng !
« Còn mang mặt tới bẽo bòng làm chi !»(6)
2007 Mình rằng « sao chẳng nhâm đi !
« Về cho lẩu-lẩu đỡ khi sách giầy.» (7)
2009 Mẹ con đứng thẹn thùng thay,
Đều bèn từ tạ lên rày bước ra.
2011 Trở về chưa kịp tới nhà,
Thấy hai ông cọp chạy ra đón đường.
2013 Thẩy đều bắt mẹ con nàng,
Đem về lại bỏ trong hang Thương-tùng (8)
2015 Bốn bề đá lấp bịt-bùng,
Mẹ con than khóc khôn trông đứng ngồi.
2017 Đời xưa trả nợ mấy hồi,
Tiếc thay son phấn điểm dồi mấy lâu.
2019 Rồi người làm vợ ngày sau,
Gặp khi hoạn nạn cùng nhau vuông tròn !.
2021 Đừng còn bắt chước mẹ con!
Thác đà mất kiếp, tiếng còn bia danh.

Đoạn LXXV (Câu 1937 - 2022)

Trạng về Hàn-giang, đường qua nhà Vũ-công lúc trước, Mẹ con Thái-loan kẻ tiếc chồng người tiếc rể, bàn nhau ra thử tình. Đương lúc Trạng còn cảm tạ ông Ngư ông-Tiều, dã thấy hai mẹ con đã đứng chờ ngoài cửa. Thái-loan kể sự Vũ-công tạ thế, xin Trạng

thương đến chút tình, nhưng Trạng nhắc lại chuyện Chu-mãi-Thần, Hán-minh và Tử-trực cũng chửi mắng cho một hồi đến tệ. Mẹ con hổ thẹn, cáo từ ra về ; ra đến giữa đường thời gặp hai ông cọp cõng đi mất. Oan-gia báo ứng, nghĩ thế mà ghê !

(1) Danh tiêu là tên đã tiêu biểu cho người ta biết. Có bản chép là : Tuy rằng ơn chẳng bao nhiêu.

(2) Ân cần là cặn kẽ, khẩn vó. Có bản chép là : Thái-loan kể lề xa gần.

(3) Phụ-thân là cha chỉ Võ-công.

(4) Đời Hán ông Chu-mãi-Thần lúc hàn vi, vợ bỏ đi lấy người khác. Sau Mãi-thần làm quan, vợ xin trở về ; Mãi-thần sai lấy bình nước đổ xuống đất rồi bắt hốt lại không được, người vợ xấu hổ đi tự vẫn.

(5) Đòi là tôi đòi. Có bản chép là : Thiếu chi sang quí mà vầy tới tôi.

(6) Bẽo bòng cũng như nói xin xỏ, gá gẫm.

(7) Tẩu-tẩu là chị, chữ trong sách Tam-quốc-Chí thường dùng.

(8) Thương-tùng là tên cái hang Võ-công bỏ Vân-tiên lúc trước.

LXXVI

2023 Trạng-nguyên về tới Đông-thành (1)
Lục-ông nay đã xây dinh ở làng.

2025 Bày ra lục-lễ sẵn sàng, (2).
Các quan đi họ, cưới nàng Nguyệt-nga,
2027 Sứ-gia đã xứng sứ-gia.
Rày mừng hai họ một nhà thành thân. (3)
2029 Trăm năm dọi rạng tinh thần,
Sinh con được nối gót lân đời đời.

Đoạn LXXVI (Câu 2028-2030)

Trạng-nguyên về làng xây nhà dựng cửa ; Lục-ông sắm sanh các lễ, mời các quan đi cưới nàng Nguyệt-nga. Hai họ mừng vui, một nhà sum họp, sinh con đẻ cháu, đời đời được nối nghiệp ông cha.

(1) Đoạn này có bản chép là : Trạng-nguyên về đến Đông - thành, Lục ông nay đã xây dinh sẵn rồi. Trương đăng kết thể trong ngoài, các quan văn vũ đều thời đến đông. Nguyệt-nga lễ cưới vừa xong, tốt thay thục-nữ anh-hùng sánh đôi. Trúc mai sum họp thêm vui, càng sâu bể ái, càng dài nguồn ân. Vinh hoa nhớ lúc phong trần, chữ tình hãy gác chữ ân phải đền. Hán-minh, Tử trực, Vân-tiên, ngựa xe võng giá băng miền quán xưa. Tới nơi bụi vắng rừng thưa, cảnh còn rêu dấu, người xưa mất rồi. Cùng nhau bàn bạc một hồi, đích rằng ông quán là người cõi tiên. Cho nên

trọng sĩ yêu hiền, trước sau bảo hộ Vân-tiên mấy hồi. Công thầy ơn nặng bề giài, cùng nhau tìm đến nay thời tạ ơn. Trước sau mọi nỗi chu toàn, bỗng đâu có việc nhà vàng gia ân. Sở-vương mến cảnh âm vân, không con muốn trọn hiền thần nối ngôi. Trạng-nguyên lương đống tài giỏi, lệnh truyền triệu đến trước nơi bệ rồng. Truyền ngôi hiếu dụ thong dong, việc nhà việc nước trẫm mong cậy hiền. Noi theo Nghiêu Thuấn bia truyền, muôn năm trẫm được tiếng khen chọn người. Vân-tiên vâng lịnh nối ngôi, móc mưa nhuần tưới trong ngoài trăm quan. Lệnh truyền xa thuế ba năm, vỗ-về trăm họ, gia ân muôn nhà. Thái-hoàng phong chức cho cha, mẹ thời thái-hậu móc xa của-tuyền. Nguyệt-nga trinh tiết muôn nghìn, sắc phong chính-hậu chưởng quyền tam-cung. Nhạc-gia ân-nghĩa Kiều-công, sắc phong Tru-quốc tạ lòng ngày xưa. Hán-minh trí dũng mưu cơ, sắc phong Đô-đốc sớm trưa việc ngoài. Họ Vương chi khí anh tài, sắc phong hộ-giá thưởng bài công lao. Tiểu đồng trung nghĩa làm sao, sắc phong Ngự-mã vào chầu bên. Trong ngoài thăng thưởng vừa yên, đăng trình lại phó Khâm-thiên định ngày. Vua cùng văn vũ hội bày, tiễn đưa Tiên đến am-mây tu hành. Nhà yên,

nước trị, dân bình, muôn năm ghi để thơm danh lâu dài.

(2) Lục-lễ là sáu lễ : Nạp-thái (bỏ trầu), Vấn-danh (ăn hỏi), Nạp cát (cáo nhà thờ), Nạp-trưng (dẫn đồ), Thỉnh-kỳ (xin dâu) và Thân-nghinh (rước dâu).

(3) Thành-thân là thành bà con thân thiết.

(4) Gót lân bởi chữ lân-chỉ trong kinh Thi, nói ví con cháu nhà quan.

LXXVII

2031 Mới hay muôn sự ở đời, (1)
Hại người trời hại, cứu người trời thương.
2033 Làm người hễ có luân-thường (2)
Nắng mưa chẳng sợ lại trong chút nào. (3)
2035 Làm người phải nghĩ mấy nao !
Cậy quyền cậy thế được sao với trời.
2037 Thanh bần giữ phận an vui, (4)
Nồi nhân giữ nghĩa có hồi sấm vang.
2039 Thong dong gặp buổi thừa-nhàn, (5)
Đầu đuôi soạn lại mấy hàng đua chen.
2041 Nôm na dù vụng hay hèn,
Cũng xin lượng bể bóng đèn thứ cho.

Đoạn LXXVII (Câu 2031-2042)

Xem thế mới biết ở đời làm ác thời mang tai, làm lành thời được phúc ; kẻ đắc chí không nên cậy thế, mà

người thất thời hãy cứ yên tâm, quí cho đức hạnh vẹn tròn, có lúc hoàng-thiên bất phụ Nhân khi thanh thả diễn lời truyện ra làm quốc-âm, thô vụng mấy hàng, xin ai miễn thứ.

(1) Đoạn này có bản chép là : Hiềm vì cách trở đôi nơi, nên chi phải tả vài lời ngâm nga. Để mà chờ đợi nho-gia, phải tu tiết hạnh mới ra lịch người. Đừng còn bi nghĩ việc đời, cán do tự ý hỏi trời mà thôi.

(2) Luân thường là đẳng bậc và đạo thường người ta ở đời.

(3) Tai-ương là tai vạ.

(4) Thanh-bần là nghèo cách thanh-lịch.

(5) Thừa-nhàn là nhân lúc thong thả.

(6) Lượng bể là chỉ lòng rộng. Bóng đèn là chỉ mắt sáng.

CHUNG

Từng san

Vân-Tiên và Túy-Kiều

Ý kiến của thi-sĩ VITA

Không bàn về văn-chương và nghệ-thuật của hai giai-tác « Thúy-Kiều » và Lục-Vân-Tiên » do hai nghệ-sĩ đem tiếng đờn lòng khác điệu gieo rắc xuống đường tơ, tôi chỉ đứng về mặt tâm-lý và luân-lý bày tỏ ý kiến dưới đây :

1· *Về tâm lý* : Tôi tưởng không có gia-đình nào đem gương hiếu đễ và trinh tiết của nàng Kiều đề dạy con, em, và tôi nghĩ một người chồng dầu hiền đức, dễ dãi đến đâu cũng không chịu có một người vợ nay đi với anh nầy, mai cặp với anh kia, rồi quay về gia-đình, bảo : « chữ trinh còn một chút nầy... » Trừ những anh chồng đàng điếm hoặc những kẻ chỉ biết có danh vọng và tiền, phần đông có lẽ không chịu như thế. Có người sẽ hỏi : « yêu mà cần gì xác thịt ? ».

— Vâng. Nhưng không cần xác thịt của kẻ khác chớ có phải không đếm tới xác thịt vợ con, em cháu của các ông đâu ?

Tôi thường thấy nhiều tác-phẩm hô hào thuyết trinh tiết ở tinh thần, không kể xác thịt. Nhưng chính các nhà văn ấy giữ gìn vợ, con, em cháu mình cẩn thận còn hơn anh hà tiện ngồi rù trước tủ tiền.

Trái lại, ai cũng có thể bắt chước và thích ít nhiều tính nết Nguyệt-Nga vì cũng như nhà hiền triết Pascal đã nói về đạo : « Anh theo đạo nếu anh bị thiệt, anh không bị thiệt gì, còn nếu anh được, anh được cả », bắt chước Nguyệt-Nga là có lợi nhưng không có hại.

2· *Về luân lý* — Trong quyển « Thúy-Kiều » không có nhân vật nào đáng làm gương cho kim với cổ soi chung cả.

Trái lại, luân-lý của quyển ~~Lục~~-Vân-Tiên hợp với tinh-thần tốt đẹp của toàn cõi Á-Đông. Sở dĩ nước Việt-Nam

được tồn tại và được người ngoại quốc cảm mến — nếu không cảm phục — là nhờ nền luân-lý cao thâm. Tuy có nhiều khổ khắt, nhưng nếu biết dung hợp theo hoàn cảnh và thời thế, nền luân-lý ấy là nguồn gốc của sự tấn hóa tinh thần vô giá. Quyển Lục-Vân-Tiên» có đủ những điều kiện đó

« Thúy-Kiều » vào tay nhà trí thức, từng trải sự đời, là một món ăn ngon của tinh thần. Còn vào tay thanh niên nam nữ — đầu học thức rộng — nó cũng là một món ăn ngon nhưng không bổ và hơn nữa, có chất độc làm tinh thần rối loạn, lôi cuốn vào đường nhơ nhớp hư hỏng một đời. Thế cho nên nhà vua Việt-Nam (Minh-Mạng hay Tự-Đức ? ?) có truyền rằng « Nam bất khán Thủy-hử, nữ bất kiến Thúy-Kiều », tôi nghĩ không phải là vô lý.

« Lục-Vân-Tiên » cũng là một món ăn ngon bổ, nhưng không kén hạng. Thiếu niên dùng nó để bồi bổ tinh thần, trau dồi đức hạnh, kẻ có tuổi tác trước để suy nghiệm cuộc đời giải muộn, sau để dạy con, cháu biết bổn phận làm dân, làm vợ, làm chồng và bạn bạn.

Thúy-Kiều thật đáng thương ! Thương một người tài sắc song toàn phải chịu bất hạnh trọn một kiếp xuân xanh, tiếc đáng tiếc một kẻ tài hoa để cho bọn phàm phu tục tử « mưa Sở mây Tần » còn riêng mình nào biết có xuân là gì ». Nhưng xét về luân lý, Kiều không đáng khen chi cả. Còn Nguyệt-Nga tuy bị hoạn nạn, gian truân, nhưng từ linh hồn lẫn xác thịt không bị hoen ố, đến sau tài tử được ngộ giai-nhân... Nếu không có gì đáng thương nhiều thì cũng không có gì đáng ghét cả.

Như tôi trên kia, đây là ý-kiến thô-sơ, quê mùa của tôi về tâm-lý và luân lý trong hai quyển sách của hai thi-sĩ am hiểu uyên thâm nho học. Còn về văn-chương ? Tôi không dám nghĩ tới. Nhưng tôi có ý-tưởng này : Một đàng là bản « *Phụng hoàng cầu* » giọng oán (Thúy-Kiều), còn một đàng là bản « *Lưu-thủy-trường* », giọng bắc (Lục-Vân-Tiên), biết so sánh làm sao?

VITA

HẠNH-PHÚC — Saigon

Viết những lịch-sử ký-sự, danh-nhân truyện-ký, hoặc soạn những tập sử từng triều đại một để dần dần đi đến bộ sử đại toàn — Cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích có giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phổ-thông triết học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.



Chương trình biên tập trên đây, sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các bậc trí thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn, cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu quí một tập chuyên-san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá bán cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như về việc định giá, chúng tôi chỉ ước ao làm vừa lòng các Ngài về giá-trị chuyên san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. N. S.

Những chuyên san dự ước xuất bản trong 1943

Juillet : **LỤC VÂN TIÊN DẪN GIẢI**
của ĐINH XUÂN-HỘI (209 trang 1$50)

Août : **TRẦN THỦ ĐỘ**
Danh nhân truyện ký của TRÚC-KHÊ (0$80)

Sept. : **TRƯƠNG VĨNH KÝ**
Khảo cứu của LÊ-THANH (0$80)

Oct. : **KHỔNG GIÁO LẤY GÌ LÀM CỐT TỬ ?**
Khảo cứu của MAI ĐĂNG-ĐỆ

Nov : **QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI**
của NGUYỄN ĐỖ-MỤC

Déc. : **BA LOẠI VĂN**
Biên khảo của VŨ NGỌC PHAN

Autorisé (publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941)